



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Chúc Thiên**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình bìa: **Đặng thị Quế Phương**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu truyền qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840 — U.S.A.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **SỰ ĐI SỰ LẠI VỀ** (thơ Diệu Trang), trang 8
- ♦ **DIỄN VĂN KHAI MẠC KHÓA AN CƯ KIẾT HẠ NĂM 2012** (Ban Chức Sự Trường Hạ), trang 9
- ♦ **AN CƯ - tiếp theo** (HT. Thích Trí Thủ), trang 10
- ♦ **PHÁP KHÍ VÀ PHÁP PHỤC - tiếp theo** (Điều Ngự tử Tin Nghĩa), trang 12
- ♦ **ĐẠI HỘI KHOÁNG ĐẠI KỶ I CỦA GIÁO HỘI PGVNTN HOÀ KỶ**, tr. 16
- ♦ **THƯ CÙNG THÍNH THAM DỰ NGÀY VỀ NGUỒN 6 TẠI ÚC ĐẠI LỢI** (TK. Thích Viên Trí), trang 17
- ♦ **SẮC TỨC LÀ KHÔNG, KHÔNG TỨC LÀ SẮC** (HT. Thích Thắng Hoan dịch), trang 18
- ♦ **THUYỀN BÁT NHÃ** (thơ Xuân Mai), trang 22
- ♦ **PHẬT AN CƯ KHÔNG TIẾP KHÁCH** (Quảng Tánh), trang 22
- ♦ **HUẾ** (thơ Gió Thảo Nguyên), trang 23
- ♦ **HÌNH ẢNH LỄ KHAI GIẢNG KHÓA AN CƯ KIẾT HẠ TẠI CHÙA BÁT NHÃ** (Dzũng Nguyễn & Kim Anh), trang 24 & 25
- ♦ **LUẬN NGŨ UẨN** (TK. Tâm Hạnh), trang 26
- ♦ **SEN VÀ BÙN** (thơ Chân Minh Trí), trang 28
- ♦ **KHOI MÊ, ĐẾN LỘC UYÊN...** (thơ Võ Quỳnh Uyển), trang 31
- ♦ **HẠ THƯƠNG** (thơ Thích Minh Tuệ), trang 32
- ♦ **CHÙA VIỆT ĐẤT MỸ** (Thích Đức Trí), trang 33
- ♦ **SỰ BIỂU HIỆN CỦA CÂY TRE VÀ KHÓM TRÚC - HOA TRÚC NHẬT** (Tâm Thường Định), trang 35
- ♦ **CON ĐƯỜNG HƯỚNG THƯỢNG** (Thích Chúc Đại), trang 36
- ♦ **NẾU, TIẾNG ĐÁP, VỚI MÌNH, MẶT HÈ** (thơ NT Khánh Minh), trang 37
- ♦ **TĂNG ĐOÀN VÀ LỤC HÒA** (Thích Tâm Hòa), trang 38
- ♦ **CƠM DỠ, GIƯỜNG CỨNG, BỎ TU...** (G-Minh), trang 41
- ♦ **THAY TIM** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 47
- ♦ **NGƯỜI PHẬT TỬ NGÀY NAY TRONG THẾ GIỚI TÂY PHƯƠNG** (Hoang Phong dịch), trang 49
- ♦ **AN CƯ KIẾT HẠ** (GDPTVN tại Hoa Kỳ biên soạn), trang 53
- ♦ **MÀNG XANH XẢO** (Diệu An), tr. 57
- ♦ **TÌNH THƯƠNG VÀ HẠNH PHÚC** (Thị Giới), trang 59
- ♦ **HƯƠNG NGƯỜI ƯƠM ĐỨC HẠNH...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 62
- ♦ **GIỮ LÒNG, THƯƠNG ĐỜI, LÂU RỜI** (thơ Huyền Vũ), **HÀNH TRÌNH TU TẬP** (thơ Chánh Năng), **ƯỚC MƠ** (thơ Hoài Mặc Niệm), trang 63
- ♦ **PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM - 5. BUDDHIST STORY / CHUYỆN PHẬT GIÁO** (Tâm Minh Ngô Tăng Giao dịch), trang 64
- ♦ **THỨC ĂN CHAY: ĐẬU NÀNH** (Ts. Mai Thanh Truyết) trang 66
- ♦ **THÔNG BÁO VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 2** (TK. Thích Đồng Tuyên), trang 69
- ♦ **XA RỜI SỰ CHỊ** (TN. Giới Định) trang 70
- ♦ **HÌNH ẢNH AN CƯ KIẾT HẠ TẠI CHÙA BÁT NHÃ - NGÀY 20.6.2012** (Dzũng Nguyễn), trang 72
- ♦ **CHÙA QUẾ** (Thu Nguyệt), trang 74
- ♦ **TÂM THƯ XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí), tr. 75
- ♦ **THIỆN DUYÊN** (Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 76
- ♦ **BỊ ĐẠO LÀM CHÓ - song ngữ** (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 78



Báo Chánh Pháp số 8, tháng 7 năm 2012, do Chùa Phật Đà & Tu viện Pháp Vương (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

Trong mùa An cư kiết hạ của Tăng-già, người con Phật thường nghe nhắc đến các tiêu đề “thúc liễm thân tâm,” “thanh tịnh hòa hợp”... Các tiêu đề này nhắc nhở người xuất gia bản nguyện và sơ tâm của mình đối với tự thân, cũng như đối với Phật Pháp và con đường tiếp độ sanh chúng.

Nói đến Tăng-già (Sangha) là nói đến tăng chúng, tập thể của người xuất gia đã thọ giới tỳ-kheo (bhikkhu), tỳ-kheo ni (bhikkhuni), qui định là từ bốn vị trở lên. (Một tỳ-kheo chúng ta gọi là “tăng”, một vị tỳ-kheo ni chúng ta gọi là “ni”, chỉ là cách gọi cho gọn trong thói quen của Phật giáo Việt Nam, kỳ thực chữ “tăng” hay “ni” không đủ và không đúng để gọi một vị tỳ-kheo hay tỳ-kheo ni)

Ngày nay có người triển khai chữ “Sangha” để gọi chung cho các tập thể cư sĩ không thọ giới tỳ-kheo hay tỳ-kheo ni do Phật chế; có người thí phát cho nam nữ phật-tử tu gieo duyên vài ngày, thọ giới sa-di và sa-di ni, hoặc không thọ giới gì cả, cũng xưng là “tăng, ni”. Các việc xảy ra như thế, là do không qui chiếu nơi giới luật, không nghiên cứu tường tận ý nghĩa và các nguyên tắc sinh hoạt truyền thống của Tăng-già. Không biết mà vẫn làm, hoặc biết mà vẫn cứ làm, thì đều là lạm xưng.

Tăng-già là rường cột của Phật Pháp, gồm những vị đã tự nguyện cắt bỏ đời sống gia đình thân thuộc, chọn lựa nếp sống chay tịnh, độc thân suốt đời nơi chốn thiên môn, thành tâm lãnh thọ đại giới (của tỳ-kheo, tỳ-kheo ni); trong thì vun bồi đạo hạnh, giới đức, ngoài thì thể hiện hạnh vô cầu, vô tránh (“nội cần khắc niệm chi công, ngoại hoằng bất tránh chi đức”), mục đích là để tìm cầu giải thoát giác ngộ và cứu độ chúng sinh.

Trong ý nghĩa cốt lõi ấy, các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, phải sống theo tăng-chúng, tăng-đoàn (Sangha), có nghĩa là không thể tách rời các sinh hoạt của cộng đồng Tăng-già. Dù trong hoàn cảnh phải độc cư hành đạo ở một trú xứ, đạo tràng nào đó, cũng phải tự động trở về với tăng-chúng khi có hội chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo ni vẫn tập để bố-tát, an cư, tự tứ, v.v.. Suốt nhiều tháng trong năm, vì hoàng pháp mà phải giao tiếp, hướng dẫn, ứng phó đạo tràng, làm tất cả việc thiệp thế, một tỳ-kheo hay tỳ-kheo ni cần có thời gian cho việc trở về với chính mình, trở về với Tăng-già để tu tập, nghiên tầm giáo điển, thiền quán, lễ tụng... An cư là cơ hội để trở về ấy. Đức Phật là bậc đại giác mà có khi cũng dành thời gian an cư, không tiếp khách; huống hồ hàng đệ tử của ngài, chưa hẳn là tất cả đều đã giải thoát giác ngộ. Hẳn là bậc Đại giác không sợ loạn tâm khi giao tiếp, nhưng ngài đã vì Tăng-già mà nêu gương. Cái gương đó, đệ tử của ngài nên suy nghiệm để nghiêm túc thực hành bốn phận và bốn nguyện của người trưởng tử Như Lai.

Thiện nam thiện nữ phật-tử cũng nên thấu suốt điều ấy để hết lòng hộ trì, ủng hộ các đạo tràng an cư của Tăng-già. Bởi vì thời gian an cư mới chính là đời sống thực của Tăng chúng: dừng lại các sinh hoạt thiệp thế, kiểm soát thân, giới hạn nói năng, quán sát tâm ý, lắng đọng ba nghiệp cho thanh tịnh; dành trọn ngày đêm cho việc tu tập hành trì. Và chính nhờ thời gian này, các hành giả độc cư được tắm gội trong biển đức của Tăng-đoàn, học hỏi những điều thâm sâu uyên áo, giải tỏa những điều khúc mắc chưa gặp mình sự khai thị, soi lại chính mình trong gương sáng của các bậc trưởng thượng và pháp lữ chung quanh. Suốt năm sống xa Tăng-đoàn, nay là dịp thử nghiệm nội lực của chính mình: giữa tăng lữ khắp nơi tụ hội về, mỗi người một tánh ý, xuất thân từ nhiều địa phương khác nhau, sinh từ những thế hệ cách biệt nhau, khác thầy tổ, khác tông môn, có thấy chút tự mãn, bất đồng, hay phiền não nào khởi lên trong sinh hoạt đồng sự suốt thời gian cấm túc an cư hay không? Lục hòa có thể áp dụng được không? Sống xa Tăng-đoàn làm sao biết được tâm mình rộng rang thanh tịnh có thể hòa hợp với bất cứ ai, bất cứ hoàn cảnh nào? Sinh hoạt với Tăng-đoàn, mới có thể chứng thực được điều ấy.

Đó là ý nghĩa của “thúc liễm thân tâm,” và cũng là ý nghĩa của “thanh tịnh hòa hợp” mà một mùa an cư có thể mang lại cho chư vị tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, những bậc xuất trần cao cả, những kẻ thừa tự Chánh Pháp của Như Lai.

Người phật-tử tại gia khắp nơi luôn qui hướng các đạo tràng an cư, kỳ vọng nơi tánh đức như hải của Tăng-già có thể tỏa rộng để Phật Pháp được trường tồn và mọi loài chúng sanh nhờ đó mà được nhuần thấm hương đạo.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ẤN ĐỘ: Hàng trăm nhà sư dự buổi thiền giảng của Sư trưởng Taklung Tsetul

Shimla, Himachal Pradesh – Vào ngày 25-5-2012, Sư trưởng Taklung Tsetul, vị lãnh đạo đời thứ 6 của Trường phái Phật giáo Tây Tạng Nyingma, đã chủ trì buổi thiền giảng tại Tu viện Dorjee Dak ở thành phố Shimla.

Buổi thiền định đặc biệt này đã thu hút hàng trăm tăng sĩ đến tham dự.

Nhà sư Dorjee Jama nói rằng buổi thiền giảng này rất quan trọng vì đã dạy cho chư tăng nghệ thuật thiền định.

“Đây là một truyền thống cổ xưa của mối quan hệ giữa thầy và trò. Giáo lý này rất cần thiết cho việc thiền định,” sư Jama nói.

Ông cho biết thêm rằng đây là lần đầu tiên họ dự một buổi thiền định có quy mô như vậy.

Ông nói, “Chúng tôi chưa từng dự buổi thuyết giảng ở mức độ lớn thế này. Đây là lần đầu tiên buổi thiền giảng có quy mô lớn như vậy được tổ chức tại đây, và những buổi giảng ở tầm mức này từng diễn ra tại Bhutan, Sikkim và Assam. Tăng sĩ và du khách ngoại quốc cũng đã đến dự”.

(ANI – May 25, 2012)

NHẬT BẢN: Cửa Chùa Honen-in rộng mở với công chúng

Shinsho Kajjita, vị sư trưởng 56 tuổi của Chùa Honen-in tại Kyoto, đã rộng mở cửa chùa của mình cho công chúng qua các buổi hòa nhạc, triển lãm nghệ thuật và hội nghị chuyên đề.

Tại Nhật Bản, chức năng chính của tu sĩ Phật giáo là cử hành tang lễ hoặc duy trì các nghi lễ chôn cất gia đình. Nhưng dưới sự lãnh đạo của sư trưởng Kajjita, Chùa Honen-in ngày nay mỗi năm tổ chức hơn 100 buổi hòa nhạc, triển lãm nghệ thuật, hội nghị chuyên đề và các buổi thuyết trình của khách mời. Và bản thân sư Kajjita thường xuyên có những buổi nói chuyện hàng giờ dành cho du khách và tín đồ về tư tưởng Phật giáo.

Các buổi hòa nhạc được tổ chức tại đây vào tháng 7 hàng năm, và thu hút hơn 100 người tham dự mỗi đêm. Vào tháng 3, chính sư Kajjita đã tham gia một buổi hòa nhạc, với phần tụng kinh Phật giáo của ông được đệm bằng đàn koto.

(The Japan Times – May 26, 2012)



Sư trưởng Shinsho Kajjita của Chùa Honen-in và (phải) một nghệ sĩ đang trình diễn âm nhạc tại chùa - Photos: JANE SINGER

TÂY TẠNG: Dự án Làng Tây Tạng thành lập Trung tâm và Trường Đào tạo Thangka cho Trẻ em

Tổ chức phi lợi nhuận Dự án Làng Tây Tạng (TVP) đã thành lập một trung tâm và trường đào tạo vẽ Thangka (tranh cuộn) tại tu viện Pa Lhakang ở thành phố Tagong. Trung tâm Thangka Tagong cung cấp một mái ấm và trường học cho 48 trẻ mồ côi và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn từ vùng Kham Tagong.

Mục tiêu của Trung tâm Thangka Tagong là dạy các em một chương trình giáo dục phổ thông thiên về tu hành, vì phần lớn các em muốn trở thành tu sĩ tại tu viện này.

TVP và tu viện Pa Lhakang cũng đồng ý dạy thêm chương trình học nghề, với trọng tâm là dạy học viên sáng tạo Thangka, loại tranh cuộn truyền thống Phật giáo của Tây Tạng, mô tả chư thần, các quang cảnh và các biểu tượng Phật giáo.

(Buddhist Art News – May 23, 2012)

PHÁP: Ngôi chùa lớn nhất châu Âu sẽ mở cửa tháng 6

Vào ngày 22-6-2012, ngôi chùa và là trung tâm văn hóa tại Bussy-Saint-Georges, gần Paris, sẽ chính thức mở cửa.

Đây sẽ là ngôi chùa lớn nhất châu Âu, tọa lạc trên một khu đất rộng có nhiều cây ăn trái. Chùa được xây chủ yếu bằng kính, gỗ



Tu viện Dorjee Dak do Sư trưởng Taklung Tsetul đứng đầu - Photo: Google

--->

và bê tông với những khoảnh vườn có mái.

Cùng với không gian cho 1.000 tín đồ, khu liên hợp này sẽ có khoảng 40 phòng ngủ cho những người theo học các khóa tu, các phòng cầu nguyện, một nhà hàng chay, không gian dành cho các buổi thiền định, hội thảo thư pháp và các hoạt động khác.

Trong khu vực chính có một tượng Phật lớn, cao 16 feet, nặng 8 tấn. Tượng được làm bằng ngọc bích trắng, đẽo trực tiếp từ một ngọn núi ở Miến Điện.

(Mahabodhi – May 26, 2012)



Ngôi chùa mới tại Bussy-Saint-Georges, gần Disneyland Paris, Pháp - Photo:UPI

HÀN QUỐC: Phật tử người Thái thọ giới tại Seoul

Seoul, Hàn quốc - Lễ thọ giới Phật tử người Thái đã được tổ chức lần đầu tiên ở Hàn quốc vào ngày 20-5-2012. Buổi lễ diễn ra tại Seoul cùng với các nghi thức Phật giáo Thái Lan khác và một cuộc triển lãm như một phần của Lễ hội Liên Hoa Đăng.

Các nghi thức diễn ra từ 2 giờ chiều trước Chùa Jogye, bao gồm một điệu múa cầu phước truyền thống Thái Lan, một lễ thọ giới tập thể của Phật tử Thái và lễ cúng dường chư tăng. Vật phẩm cúng dường được đưa về Trung tâm Phát huy Phật giáo Thái-Hàn vừa được thành lập tại Ansan.

Đàn ông con trai người Thái thường xin được thọ giới làm sa di và tăng sĩ để tu học Phật giáo. Truyền thống này từ nhiều thế kỷ nay đã góp phần vào sự hưng thịnh liên tục của Phật giáo tại Thái Lan.

(Tipitaka Network – May 28, 2012)

TÍCH LAN: Sắp phát hành phim về cuộc đời của Tất Đạt Đa Cồ Đàm

“Sri Siddhartha Gautama” – một bộ phim sử thi dựa trên câu chuyện về cuộc đời của Thái tử Tất Đạt Đa, từ khi Ngài đản sinh cho đến khi giác ngộ - là dự án mới nhất của Quỹ Ánh sáng châu Á của Tích Lan.

Phim được dàn dựng công phu tại các địa điểm tuyệt đẹp ở Tích Lan, với một kịch bản xác thực được hội đồng tối cao của Đại Tăng đoàn phê duyệt.

Phim do các nam nữ diễn viên Ấn Độ, Tích Lan và Mỹ đóng các vai chính, được sản xuất bởi chủ tịch Quỹ Ánh sáng châu Á là Navin Guneratne và ông Jeff Goonewardena, cựu tổng lãnh sự Tích Lan tại Los Angeles (Hoa Kỳ), Venezuela và Colombia, đồng thời là nhà kinh doanh khách sạn nổi tiếng.

Phim do Saman Weeraman làm đạo diễn, và nhà làm phim nổi tiếng Chandram Rutnam là cố vấn cho toàn bộ việc sản xuất. Dự kiến bộ phim này sẽ được phát hành vào tháng 10 năm nay.

(alltop.com – June 1, 2012)

Một số hình ảnh của phim về cuộc đời Thái tử Tất Đạt Đa - Photos: alltop.com:



SINGAPORE: Gia đình nhà sư tập nghệ thuật Phật giáo Woon Wee Teng tài trợ giải nghệ thuật Vương quốc Anh

Một gia đình người Singapore gồm các nhà sư tập nghệ thuật sẽ tài trợ một giải nghệ thuật mới cho sinh viên tại Anh.

Giải là đứa con tinh thần của nhà sư tập nghệ thuật Woon Wee Teng, người sư tập nghệ thuật cùng với 3 người anh em trai của mình.

Với tổng số tiền tài trợ là 40.000 bảng (80.000 usd) một năm, giải thưởng này bằng với giá trị Giải Turner, giải thưởng nghệ thuật lớn nhất của Anh.

Ông Woon bắt đầu sư tập nghệ thuật Phật giáo từ khi ông học lớp 5 Tiểu học, và các hiện vật đầu tiên của ông là những lá bùa và tượng Phật do các nhà sư tặng ông.

Ngày nay, bộ sưu tập nghệ thuật Phật giáo của các anh em trai này đã phát triển, bao gồm các tác phẩm điêu khắc, tranh cuộn, tranh vẽ v.v. Trong số đó có một tượng Quan Âm mạ vàng rất quý hiếm, có niên đại từ vào năm 1172 thuộc Vương quốc Đại Lý (Trung Hoa).

(Buddhist Art News – June 4, 2012)



Nhà sư tập Woon Wee Teng với 3 trong số những tượng Phật quý của ông - Photo: The Sunday Times

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

ẤN ĐỘ: Họa sĩ Ấn Độ muốn tái tạo quá khứ huy hoàng của Phật giáo

Họa sĩ Phật giáo Mallikarjuna Rao đã được truyền cảm hứng bởi Amaravati, một trong những nền văn minh Phật giáo lớn nhất tại Ấn Độ. Ông muốn trở thành một phần của sự hồi sinh đang diễn ra hiện nay của Phật giáo ở đất nước này.

Cuộc triển lãm tranh vừa được tổ chức trong 4 ngày tại thành phố Kakinada, bang Andhra Pradesh của ông có tên là "Lòng tôn kính đối với sự vinh quang của Amaravati". Mặc dù tất cả các bức tranh đã được bán, những người chủ mới đồng ý để cuộc triển lãm tiếp tục đi khắp đất nước. Tiền bán tranh đã được tặng cho dự án Dhyana Buddha của Amaravati ở quận Guntur.

Họa sĩ M. Rao nói, "Đây là một nỗ lực để làm cho mọi người hiểu về sự huy hoàng trong quá khứ của Phật giáo cũng như của Amaravati. Đó là lý do tại sao tôi đặt tựa đề cho cuộc triển lãm này là "Lòng tôn kính đối với sự vinh quang của Amaravati".

(buddhisttrends.com – June 4, 2012)



Một tác phẩm của họa sĩ W. Rao -
Photo: EOM

MÃ LAI: Thành lập Trung tâm Chư Ni Phật giáo Nguyên thủy

Kuala Lumpur, Mã Lai – Một nhóm người Mã Lai thuộc tổ chức không thường xuyên "Mạng lưới Hỗ trợ cho Phụ nữ Xuất gia tại Mã Lai và Singapore" đã thành lập Trung tâm Chư Ni Phật giáo Nguyên thủy đầu tiên của Mã Lai, với việc chính thức khánh thành Tịnh xá Gotami tại một vùng

ngoại ô của thủ đô Kuala Lumpur. Tịnh xá Gotami cung cấp chỗ ở và cơ sở vật chất cho chư ni Mã Lai lần ngoại quốc vắng lai trong khu vực này. Mặc dù nhiều phụ nữ Mã Lai thọ giới theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, nhưng rất ít người thọ giới tỳ kheo ni do thiếu sự bảo trợ, vốn là một trong những yếu tố.

Người ta hy vọng rằng với sự hỗ trợ từ cộng đồng địa phương, Tịnh xá Gotami cuối cùng sẽ có thể chuyển đến cơ sở thoải mái và rộng rãi hơn trong tương lai gần, thay vì được đặt trên tầng 3 của một khu cửa hàng như hiện nay.

(Mahabodi IP – June 5, 2012)



Tịnh xá Gotami thuộc Trung tâm Chư Ni Phật giáo Nguyên thủy Mã Lai - Photo: The Buddhist Channel

HOA KỲ: Angelina Jolie tìm lời khuyên của tăng sĩ để định thời gian đám cưới

Angelina, 37 tuổi, một trong những phụ nữ thành công nhất tại Hollywood, đang tìm lời tư vấn về chiêm tinh học của một nhà sư châu Á để chọn một thời điểm tốt cho cuộc hôn nhân của cô và Brad Pitt.

Jolie rất quan tâm đến việc nhờ nhà sư người Cam Bốt tại chùa Wat Khmer ở Los Angeles này chọn một thời gian tốt đẹp cho Brad và cô để thắt chặt mối quan hệ đã hành công của họ.

Trong quá khứ, Jolie đã dùng chiêm tinh học, như Phật tử thực hành, để giúp cô chọn điều tốt lành nhất cho những giây phút quan trọng trong đời mình.

Jolie đã dẫn 2 trong số 6 đứa con nuôi đến ngôi chùa ở Los Angeles này, nhưng nhà sư cũng đến thăm nhà của gia đình cô để

ngiên cứu tử vi và xác định ngày cưới.

(Alltop – June 7, 2012)



Angelina Jolie và Brad Pitt -
Photo: Walter Jayawardhana

NAM HÀN: Phái viên cao cấp của Đức Đạt lai Lạt ma đến Nam Hàn

Sư trưởng Samdhong, một cựu thủ tướng của chính phủ Tây Tạng lưu vong đã đến Nam Hàn để tham dự một sự kiện tôn giáo. Đây là một cuộc viếng thăm hiếm hoi của một quan chức hàng đầu Tây Tạng.

Sư trưởng Samdhong sẽ tham dự hội nghị Đồng đạo Phật tử Thế giới tại thành phố Yeosu từ ngày 11 đến 15-6-2012.

Ban đầu ban tổ chức tìm cách mời Đức Đạt lai Lạt ma, nhưng sau đó đã bỏ kế hoạch này do cân nhắc về việc Trung quốc hứa sẽ gửi 100 đại biểu tham dự.

Là viên chức cao cấp nhất từ trước đến nay của Tây Tạng đến viếng Nam Hàn, Sư trưởng Samdhong sẽ gặp gỡ đại biểu Phật giáo từ các quốc gia khác trong chuyến đi này của ông, vốn được lên kế hoạch để tránh sự chú ý.

Có khoảng 400 đại biểu từ 30 nước tham dự sự kiện được tổ chức 2 năm một lần này, bên lề của hội chợ triển lãm Yeosu 2012.

(AFP – June 11, 2012)



Sư trưởng Samdhong - Photo: AFP

NAM HÀN: Hội nghị Đồng đạo Phật tử Thế giới 2012

Năm nay, Tông phái Tào Khê của Phật giáo Hàn quốc đăng cai tổ chức Hội nghị Đồng đạo Phật tử Thế giới tại thành phố Yeosu. Hội nghị sẽ diễn ra trong thời gian của Hội chợ triển lãm Quốc tế Yeosu 2012 và Lễ hội Liên hoa Đăng, từ ngày 11 đến 16-6-2012.

Thượng tọa Hyegyong, Giám đốc Ban Xã hội, nói, 'Lý do về sự trùng hợp của hội nghị với hội chợ triển lãm và Lễ hội Liên hoa Đăng là vì đó sẽ là một cách tốt đẹp để thế giới thấy được vẻ đẹp và sự phong phú của truyền thống Phật giáo Hàn quốc, và để phát huy Phật giáo Hàn quốc. Chúng tôi sẽ có một kế hoạch tham quan dự kiến diễn ra trong 6 ngày, với một nửa thời gian được dành cho thành phố Yeosu và hội nghị, và những ngày khác để xem lễ hội Liên hoa Đăng'.

(Shambala Sun - June 12, 2012)

Với sự thể hiện mới mẻ 7 bài hát truyền thống Tây Tạng và ba phần tụng kinh mở rộng theo phong cách hiện đại, Hoa Đồng nội là một kết hợp tân cổ đầy thu hút phục qua một trong những giọng ca mạnh mẽ nhất của Tây Tạng.

Ở mặt A của album - gồm các bài hát truyền thống - Dolma hát về tình yêu, gia đình và hạnh phúc. Ở mặt B - thần chú - cô ngân nga những âm tiết dân ca tôn giáo thật phong phú về lịch sử lâu đời của Phật giáo, hoàn hảo cho những giây phút chiêm nghiệm hoặc đơn giản dành cho thư giãn.

Hoa Đồng nội đã phát trực tiếp trên iTunes vào ngày 8-6-2012, và hiện có sẵn tại tất cả các cửa hàng âm nhạc trực tuyến lớn.

(Buddha dharma - June 12, 2012)



Hình bìa album Hoa Đồng nội của nữ ca sĩ Dolma Tsering - Photo: Robert Nathan

ẤN ĐỘ - TÍCH LAN: Mạng lưới Phật giáo Ấn Độ-Tích Lan

Một nhóm Phật tử tích cực người Ấn Độ và Tích Lan từ các tổ chức Phật giáo hàng đầu đã có một loạt cuộc thảo luận bên lề Hội nghị Phật giáo Thế giới tại Bangkok, Thái Lan (từ 21 đến 25-5-2012). Và họ đã quyết định thành lập một 'Mạng lưới Phật giáo Ấn Độ-Tích Lan' để theo đuổi một số mục đích và mục tiêu sơ bộ, có lợi ích cho sự nghiệp củng cố và truyền bá Phật giáo ở cả 2 nước và các vùng khác trên thế giới. Người ta dự đoán rằng, từ những sự tương tác này, một tổ

chức lớn hơn sẽ phát triển theo thời gian.

Các mục đích và mục tiêu sơ bộ của Mạng lưới Phật giáo này là:

- Phát triển và tăng cường quan hệ nồng ấm và thân thiện giữa Phật tử tại Ấn Độ và Tích Lan,

- Hợp tác trong các dự án dẫn đến sự phát huy hòa bình và bất bạo động, quan hệ thân thiện và hiểu biết giữa các dân tộc của Ấn Độ và Tích Lan trong một khuôn khổ của các nguyên lý Phật giáo, và của quá khứ chia sẻ trong một nền văn minh Phật giáo chung vốn ảnh hưởng đến cả hai nước, và

- Cùng làm việc để truyền bá Phật giáo trên toàn thế giới.

(Tipitaka Network - June 14, 2012)

NAM HÀN: Những biện pháp cải cách mạnh mẽ của Tông phái Tào Khê

Seoul, Nam Hàn - Tông phái Tào Khê, tông phái Phật giáo lớn nhất của Nam Hàn, đã công bố một bộ các biện pháp cải cách quyết liệt cho việc điều hành tông phái và các tự viện thuộc quyền vào ngày 7-6-2012.

Người đứng đầu tông phái là Thượng tọa Jaseung đã công bố kế hoạch này, nói rằng những ảnh hưởng, tranh chấp và xung đột phụ kéo dài nhiều thập kỷ trong việc điều hành tông phái và chùa chiền chủ yếu là do một hệ thống quản lý không chuyên nghiệp, và rằng hàng loạt các vụ bê bối gần đây đều có liên quan chặt chẽ với việc này.

Trọng tâm của kế hoạch cải cách là ủy thác việc quản lý tài chính của tông phái và các tự viện cho các nhà quản lý chuyên nghiệp và thiết lập các hệ thống minh bạch về quản lý thu chi của các chùa.

Tông phái cũng sẽ ra luật về kế



Biểu trưng Hội nghị Đồng đạo Phật tử Thế giới Yeosu 2012 - Photo: Shambala Sun

ẤN ĐỘ: Ca sĩ Tây Tạng Dolma Tsering phát hành album mới, 'Hoa đồng nội'

Ca sĩ Tây Tạng lưu vong Dolma Tsering đã phát hành album nhạc truyền thống đầu tiên tựa đề 'Hoa Đồng nội' của cô vào tuần này.



Buổi họp công bố những biện pháp cải cách của Tông phái Tào Khê.

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

toán và lập ngân sách cho các chùa, và để cho các Phật tử thế tục tham gia vào việc quản lý ngân sách chùa. Các chùa cũng sẽ có nghĩa vụ phát biên lai cho mọi khoản thu và nhận thẻ tín dụng.

(Tipitaka Network - June 16, 2012)



NHẬT BẢN: Thu hồi 4 tượng Phật bị đánh cắp

Ngày 16-6-2012, một cư dân 64 tuổi của tỉnh Kochi đã bị bắt, do bị cáo buộc đánh cắp 4 tượng Phật trị giá khoảng 140 triệu yen từ một ngôi chùa ở thành phố Konan thuộc tỉnh này vào tháng 3-2012.

Nghi phạm Shunji Nishio đã đột nhập Chùa Enichiji vào giữa tháng 3 và lấy cắp 4 tượng Phật, trong đó có tượng Đại Nhật Như lai Phật, vốn được chính phủ xem là một Tài sản Văn hóa Quan trọng.

Cảnh sát đã tìm được và thu giữ tất cả các pho tượng nói trên.

Cảnh sát còn bắt thêm Naoyoshi Saiki, 61 tuổi, cũng sống tại Kochi, là người bị cáo buộc đã cố bán số tượng cho một bên thứ ba, cho dù ông ta biết rằng chúng bị lấy cắp.

Vào tháng 5, cảnh sát nhận được thông tin rằng một giao dịch liên quan đến các pho tượng bị trộm sẽ diễn ra tại một bãi đậu xe gần Ga JR Shin-Osaka.

Các điều tra viên đã thấy một xe hơi có biển số cấp tại Kochi, và họ

đã thu lại pho tượng Phật Đại Nhật Như lai từ ngăn để hành lý của chiếc xe.

Việc phát hiện này cuối cùng dẫn đến vụ bắt giữ 2 nghi phạm nói trên.

(The Japan Times - June 18, 2012)

HOA KỲ: Vũ nhạc Phật giáo đa phương tiện "Samaya"

Samaya, một vở vũ nhạc đa phương tiện lấy cảm hứng từ hình ảnh và năng lượng của Phật giáo Mật tông, sẽ được trình diễn tại khu Không gian Âm nhạc Thực nghiệm La Sala ở Brooklyn, New York, trong 3 đêm 28, 29-6 và 1-7-2012.

Samaya kết hợp nhạc đương đại với phần động tác và ca hát trực tiếp bằng tiếng Anh và Tây Tạng, cùng với phần chiếu hình ảnh và hoạt hình.

Nó được truyền cảm hứng từ những chuyến viếng thăm những tu viện Tây Tạng tại Ấn Độ của nhà văn và đạo diễn Hary Einhorn, là những nơi đã gây ấn tượng mạnh với ông về phương cách mà nghệ thuật biểu diễn được hợp nhất với việc thực hành tôn giáo.

Âm nhạc trong Samaya do Einhorn và Philippe Treuille viết. Đây là lần hợp tác thứ 3 của họ - tác phẩm gần đây nhất của họ là Tâm Kinh đã được trình diễn tại các địa điểm chung quanh New York.

Với vở Samaya này, Einhorn và Philippe có được sự cộng tác của họa sĩ đồ họa hoạt hình Peyton Skyler.

(Buddhadharma - June 18, 2012)

Các diễn viên của vở Samaya - Photo by shambalasan.com:



ANH: Đức Đạt lai Lạt ma bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với bà Suu Kyi

Ngày 19-6-2012 tại Luân Đôn, Đức Đạt lai Lạt ma, vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng lưu vong đã hội đàm với lãnh đạo đối lập Miến Điện là bà Aung San Suu Kyi.

Trong một thông điệp đăng trên trang web của mình vào ngày 19-6, Đức Đạt lai Lạt ma nói rằng 2 người đoạt giải Nobel này đã gặp gỡ trong khoảng 30 phút.

Ngài cho biết mình đã nói với bà Suu Kyi rằng ngài có "sự ngưỡng mộ thực sự đối với lòng can đảm của bà", và rằng ngài tin tưởng bà sẽ là người "phụng sự tuyệt vời cho nhân loại".

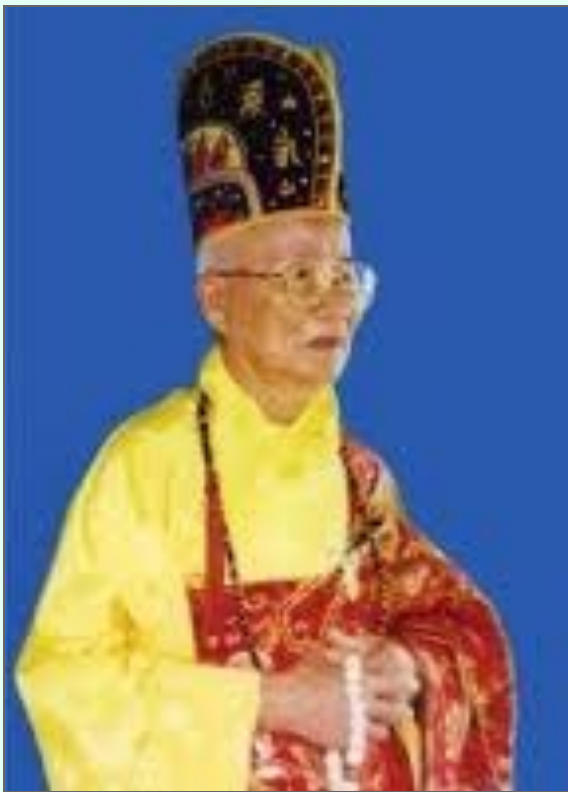
Cuộc hội kiến này trùng hợp với sinh nhật thứ 67 của bà Suu Kyi khi bà thực hiện chuyến thăm đầu tiên của mình đến châu Âu sau 24 năm. Bà đã được các lãnh tụ của Miến Điện phóng thích khỏi sự quản thúc tại gia vào năm 2010.

Đức Đạt lai Lạt ma, 76 tuổi, cũng đang trong chuyến đi thăm châu Âu.

(Star Tribune - June 21, 2012)



Đức Đạt lai Lạt ma và bà Suu Kyi - Photo: PTI



ĐLHT THÍCH HUYỀN QUANG,
Đệ Tử Tăng Thống GHPGVNTN (1920—2008)



ĐLHT. Thích Huyền Quang trong chuyến đi trị bệnh tại Hà Nội, năm 2003. TT. Tuệ Sỹ và TT. Đức Thắng tháp tùng.

Thơ **DIỆU TRANG**

SƯ ĐI SƯ LẠI VỀ

(Thay lễ hoa tang kính dâng Giác linh
Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang,
viên tịch ngày 05/7/2008)

*Nước theo dòng xuôi chảy
Ngăn hai bờ Giác-Mê
Dòng đời trôi lặn mãi
Hay không côi đi-về?*

*Cuộc đời là tạm bợ
Sư thị hiện ta-bà
Hoá thân là khách trọ
Sư gieo mầm liên hoa*

*Nơi ao tù nước đọng
Sư gạn đục lắng trong
Từ khô cạn sỏi đá
Từng bước Sư thông dong*

*Huyễn mộng bào ảnh thôi!
Sư hóa cánh chim trời
Băng ngang vùng bão nổi
Vượt nghìn trùng biển khơi*

*Sư đứng bên bờ Giác
Đôi mắt về bờ Mê
Thương chúng sanh làm lạc
Sư đi Sư lại về*

*Sư bước xuống dòng sông
Bùn như hóa nước trong
Liên hoa tỏa nở rộng
Đưa Sư ngược bến Không*

*Không đến cũng không đi
Không tụ không phân ly
Cùng pháp giới vô vi
Sư đi Sư lại về...*

*Mọi loài chim khi bay
Chỉ mang theo đôi cánh
Vọng hướng về trời Tây
Khắp bài Huyền Quang ảnh...*

DIỄN VĂN KHAI MẠC KHÓA AN CƯ KIẾT HẠ TẠI ĐẠO TRÀNG CHÙA BÁT NHÃ *Phật lịch 2556 (2012)*



NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch: Chư tôn Hòa Thượng Thiên chủ, chư tôn Hòa Thượng Hóa Chủ, chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại đức Tăng Ni.

Kính thưa chư vị Thiện hữu tri thức, quý cơ quan truyền thông báo chí, quý Thiện nam tín nữ Phật tử.

Kính thưa liệt quý vị,

Để thắp sáng hình ảnh đức Thế Tôn và hàng Thánh chúng còn tại thế, cũng như bảo tồn và phát huy tinh thần câu hội và hòa hợp Tăng Già, hàng năm GHPGVNTN Hoa Kỳ luôn tổ chức khóa an cư kiết hạ. Đây là thời gian để Chư Tôn đức Tăng Ni vân tập về một trú xứ cùng tiến tu đạo nghiệp, vun bồi giới đức làm hành trang, tư lương trên bước đường tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

An cư kiết hạ là một pháp môn tu cho hàng đệ tử xuất gia thể hiện lòng từ bi hộ mạng sinh linh, giữ gìn giới luật và làm tăng trưởng giá trị sống hòa hợp như nước với sữa của hàng Chúng Trung Tôn. Đồng thời, an cư kiết hạ cũng là thời gian, như duyên cho hàng đệ tử tại gia phát tâm hộ pháp, tạo lấy phước lạc cho chính mình.

Đặc biệt năm nay, khóa an cư kiết hạ được tổ chức tại chùa Bát Nhã do Hòa Thượng Hóa chủ Thích Nguyên Trí, phó chủ tịch nội vụ GHPGVNTNHK phát tâm bảo trợ. Trong nhân dịp này, kính nguyện chư đại Tăng thanh tịnh, hòa hiệp trong Tịnh nghiệp đạo tràng an cư kiết hạ, bằng tấm lòng thành thiết, bằng ý lực trang nghiêm nhất tâm cầu nguyện mười phương chư Phật, chư vị Già lam Thánh chúng, Hộ pháp Thiện thần gia bị cho công trình xây dựng chùa Bát Nhã được hanh thông thành tựu viên mãn. Đây là Phật sự mang tính lịch sử hoằng dương Phật pháp nơi hải ngoại.

Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni,

Kính thưa quý đồng hương Phật tử,

Chúng ta được quyền tin tưởng và hi vọng rằng, ngày nào giới luật của Phật dạy còn được duy trì gìn giữ một cách nghiêm mật bởi chúng Tăng. Ngày nào đời sống luôn khởi sắc, hòa hợp tin yêu giữa cá nhân Tăng đối với cộng đồng Tăng chân thật, quý kính, hòa ái trong tinh thần thượng tôn giới luật, thì ngày đó, Phật pháp được xương minh, chánh pháp được trường lưu, giữa cuộc vô thường, sinh diệt.

Hôm nay, chúng ta làm lễ khai mạc khóa an cư kiết hạ tại đạo tràng chùa Bát Nhã thì cũng có nghĩa là tất cả chư Tôn đức Tăng Ni khai mở tinh thần tu tập cho thế hệ kế thừa và mãi mãi ngàn sau.

Mùa an cư kiết hạ năm nay, như chúng ta thấy, nơi ăn, chốn ở, cũng như các phương tiện khác đều giới hạn, khiêm tốn. Nhưng sự giới hạn và khiêm tốn ấy đã gói trọn tấm lòng hi sinh của Hòa Thượng Hóa chủ, chẳng quản khó khăn, không ngại mệt nhọc, tích cực lo cho tròn tất cả phương tiện có được cho khóa an cư kiết hạ năm nay. Chứng ấy không thôi, cũng đủ biểu tỏ tấm lòng tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức của ngài rồi. Do vậy, phương tiện tuy đơn sơ, nhưng tấm lòng thuần hậu, kính mong đại Tăng thù từ xót thương mà lượng thứ.

Thành kính đảnh lễ 10 phương chư Phật luôn thăm gia hộ cho đạo tràng an cư kiết hạ được thập phần viên mãn. Và chư Tôn Trưởng lão Hòa Thượng Thiên chủ cùng đại chúng, pháp thể khinh an, đạo nghiệp viên thành.

Đồng cầu nguyện chư vị Thiện nam tín nữ, quý Phật tử phát tâm hộ trì khóa an cư kiết hạ cùng bửu quyền vô lượng an Khang, cát tường như ý.

Chân thành kính cảm ơn chư vị truyền thông báo chí, quý Phật tử tại địa phương cũng như các vùng phụ cận luôn được an Khang, sở cầu như nguyện

NAM MÔ THÀNH TỰU TRANG NGHIÊM CÔNG ĐỨC PHẬT

Ngày 19/06/2012

Ban Chúc Sự Trường Hạ

AN CƯ

HT. Thích Trí Thủ

LTS: Bài này trích từ Yết Ma Yếu Chỉ - KARMAVACANĀBINDUSĀRA (chương Sáu, An Cư và Tự Tứ, tiết 1) của cố Đại lão Hòa thượng Thích Trí Thủ. Tác phẩm Yết Ma Yếu Chỉ sưu tập tất cả những gì do Đại lão Hòa thượng giảng dạy về Giới - Luật cho Tăng Ni tại khắp các Phật học viện, Tu viện trong nhiều năm; sau đó được biên tập bởi Trưởng lão Hòa thượng Thích Đồng Minh và Thượng Toạ Thích Nguyên Chứng. Nhân mùa an cư kiết hạ, Chánh Pháp trích đăng trong hai kỳ báo liên tiếp để chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử tham khảo. Tiết 1 về An Cư gồm 4 tiểu mục; chúng tôi xin trích đăng 2 mục đầu: 1. Duyên khởi và Ý nghĩa, 2. Hạn kỳ An cư. Tiết 2 về Tự Tứ, gồm 3 tiểu mục; chúng tôi trích đăng mục đầu (Ý nghĩa). Các số của chú thích sẽ theo bài trích đăng ở số trước và số này, không theo bản nguyên thủy của Yết Ma Yếu Chỉ.

(tiếp theo kỳ trước)

2. HẠN KỲ AN CƯ

Tính theo lịch Ấn Độ thời xưa, ngày an cư bắt đầu từ mồng một trăng tròn tháng A-sa-đà,[10] tức vào khoảng nửa tháng 6 dương lịch kéo dài suốt ba tháng, cho đến hết ngày trăng tròn tháng Át-thấp-phước-dữu-xà.[11] Theo sự ghi nhận của ngài Huyền Trang trong Tây vực ký[12] và Pháp Hiển trong Nam hải ký qui nội pháp truyện[13] thì ngày mồng một trăng tròn tháng A-sa-đà tương đương ngày 16 tháng 5 theo lịch Trung Quốc. Các xứ Phật giáo phương nam bắt đầu vào ngày 16 tháng 6 tính theo lịch Trung quốc. Nhưng ở Trung quốc, các Luật sư qui định an cư vào ngày 16 tháng 4 theo lịch Trung quốc. Sự qui định này lấy cơ sở từ bản dịch chữ Hán kinh Vu lan theo đó, ngày tự tứ được nói là ngày 15 tháng 7 lịch Trung quốc, do vậy, ngày kiết hạ an cư phải bắt đầu từ 16 tháng 4. Các xứ ảnh hưởng Phật giáo Trung quốc như nước ta và nước Nhật đều theo thông lệ kiết an cư vào ngày 16 tháng 4. Đây là do sự ước tính sai khác về thời tiết mà các địa phương không đồng nhau. Như ở nước ta, mùa mưa giữa miền Bắc và miền Nam cũng có sự sai khác nhau hơn một tháng. Tuy vậy, theo phong tục mỗi nước mà ấn định để phù hợp với thời tiết an cư. Ngày rằm tháng 7, ở nước ta cũng như ở Trung quốc xa xưa đã trở thành ngày lễ quan trọng, cho nên ngày kiết hạ an cư vẫn phải bắt đầu từ ngày 16 tháng 4, mặc dù vào thời kỳ này nhiều địa phương ở nước ta chưa bước vào mùa mưa. Do sự sai biệt theo truyền thống mà nước ta hai hệ

Tăng-già Nam và Bắc truyền không kiết hạ an cư cùng một ngày thống nhất như nhau.

Thông lệ nước ta từ xưa ngoài hạn kỳ ba tháng kiết hạ, còn có hạn kỳ ba tháng kiết đông, tức an cư vào mùa đông, khoảng từ 16 tháng 9 đến hết ngày 15 tháng 12. Đây là thực hành theo điều được qui định bởi Bồ tát giới Phạm võng. Theo đó, người thọ giới bồ-tát, nếu mỗi năm vào hai thời mùa hạ và mùa đông mà không an cư để tọa thiền, hành đầu đà thì phạm tội khinh cấu.[14] Ý nghĩa của sự qui định này là do bởi mùa hạ quá nóng bức và mùa đông quá lạnh lẽo nên sự hành đạo và hóa đạo của người thọ giới Bồ tát thường gặp phải nhiều khó khăn, do đó, không thể du phương giáo hóa mà cần phải an cư tọa thiền để bồi dưỡng đạo đức bản thân.

Dù có sự qui định như vậy, nhưng theo tinh thần Phật chế trong các Luật tạng Thanh văn, thì mỗi năm chỉ có một mùa an cư duy nhất cho các tỳ-kheo, do vậy, chỉ có một mùa an cư chính thức mà thôi, và như vậy mỗi năm cũng chỉ có một ngày tự tứ, lấy đó làm cơ sở tính tuổi hạ lạp của tỳ-kheo. An cư mùa đông, nếu có thực hành, thì cũng không có ngày tự tứ và không căn cứ theo đó mà tính hạ lạp.

Và lại, đời sống Tăng-già nguyên thủy, y trên bốn thánh chủng, và đức Thế Tôn cũng thường nhắc nhở các tỳ-kheo rằng không nên dừng chân tại một chỗ quá lâu, cho nên luật cho mỗi năm chỉ có ba tháng an cư là thời gian mà tỳ-kheo tạm thời không du phương hành đạo và giáo hóa.



Có hai hạn kỳ của sự an cư mùa mưa, gọi là tiền an cư và hậu an cư.[15] Tiền an cư là an cư phần đầu của mùa hạ. Cụ thể là kết an cư vào ngày mồng 1 trăng tròn tháng 4 A-sa-đà, tức tương đương ngày 16 tháng 4 hay tháng 5 tùy theo cách tính tháng giữa lịch Ấn Độ và lịch Trung quốc. Trong khoảng từ ngày 17 tháng 4 hay tháng 5 cho đến hết ngày 16 tháng 5 hay tháng 6 được gọi là thời kỳ của hậu an cư. Nói theo thông lệ ở nước ta, ngày kiết tiền an cư là vào ngày 16 tháng 4 âm lịch, và từ ngày 17 đến hết ngày 16 tháng 5 là thời kỳ của hậu an cư. Trong thời kỳ hậu an cư, Luật cũng chia làm hai phần là trung an cư và hậu an cư.[16] Trung an cư bắt đầu ngày 17 tháng 4 đến hết ngày 15 tháng 5. Hậu an cư là ngày 16 tháng 5.[17] Dù có hai cách chia các thời kỳ an cư như vậy, nhưng trong tác pháp thường chỉ đề cập đến hai trường hợp là tiền và hậu an cư mà thôi.

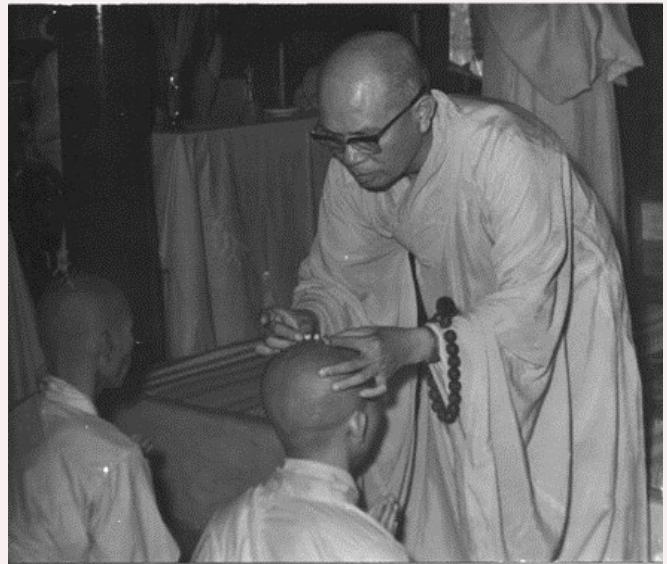
Nếu kiết tiền an cư thì đến hết ngày 15 tháng 7 là hết kỳ hạn. Nếu hậu an cư bắt đầu từ ngày 17 tháng 4 thì hết ngày 16 tháng 7 là hết hạn. Cứ theo đó mà tính, cho đến nếu kiết hậu an cư vào ngày 16 tháng 5 thì hết ngày 15 tháng 8 là hết hạn. Nói cách khác, hạn kỳ an cư nhất định phải đủ ba tháng, gồm 9 tuần mỗi tuần 10 ngày. Nhưng do tháng thiếu của âm lịch, nên ít khi đủ cả 90 ngày.

Điều cũng cần nhớ ở đây là thời gian ngày và đêm trong Luật tạng luôn luôn được tính theo sự sáng và tối của mặt trời. Do đó, nói rằng hạn kỳ an cư bắt đầu từ ngày 16 tháng 4 (hay tháng 5 ta). Có nghĩa là phải kể từ khi ánh sáng mai vừa xuất hiện của ngày đó. và nói rằng đến hết ngày 15 tháng 7 tức là hết đêm 15 này lúc ánh sáng mai của ngày 16 hôm sau bắt đầu xuất hiện. Ánh sáng xuất hiện được phân biệt theo hai cách: hoặc sáng đủ để nhìn thấy các đường chỉ trong lòng tay, hoặc đủ sáng để phân biệt được lá vàng với lá xanh. Như vậy, một tỳ-kheo từ chỗ khác muốn đến an cư tại một trú xứ nào đó thì phải đến trước khi ánh sáng mai của ngày 15 tháng 4 vừa xuất hiện.[18] Để chấp hành đúng thời điểm, các luật sư Trung hoa còn phân tích chi tiết thêm rằng, nếu tỳ-kheo trên đường đi đến trú xứ an cư, nhưng chưa kịp bước chân vào cương giới của trú xứ mà ánh sáng ban mai xuất hiện thì phải liệng một cục đất cho lọt trước vào trong trú xứ. Nguyên tắc cơ bản phải giữ là phải đặt chân lên đất của trú xứ trước khi ánh sáng mai hiện. Tuy nhiên, trong trường hợp do duyên sự không thể đến đúng thời điểm, vẫn không vi phạm nếu tâm niệm luôn luôn hướng vào trú xứ an cư.

TIẾT 2. TỰ TƯ

1. Ý NGHĨA

Tự tư là tiếng dịch Hán từ tiếng Phạn, *pravāraṇā*. [19] Từ này cũng được phiên âm là bát-hòa-la, và có các tiếng dịch Hán khác như thịnh thính[20] hay tùy ý.[21] Nghĩa từ này là < sự thỉnh cầu.> Đây chỉ cho sự thỉnh cầu người khác chỉ điểm những khuyết điểm



của mình. Sự chỉ điểm được căn cứ trên ba trường hợp: do được thấy, được nghe và được nghi.

Mục đích của việc tự tư cũng giống như của việc thuyết giới, đó là biểu hiện sự thanh tịnh và hòa hiệp của Tăng. Nhưng nó quan trọng hơn sự thuyết giới ở chỗ mở ra một giai đoạn mới trong đời sống đạo hạnh của một tỳ-kheo, sau khi chấm dứt thời hạn ba tháng sống chung giữa Tăng.

Nhật kỳ tự tư cũng giống như của việc thuyết giới, được thực hiện thông thường vào ngày trăng tròn. Nhưng khác với thuyết giới có định kỳ mỗi nửa tháng, thì tự tư chỉ định kỳ một lần trong một năm sau mùa an cư mà thôi. Nói cách khác, tự tư là một hình thức bổ-tát không đọc giới bốn. Do đó, các việc tập hợp Tăng, kết tiểu giới, và hành trì kiểm Tăng, cả hai đều giống nhau. Cho đến các trường hợp tỳ-kheo khách đến dự tự tư, việc dời ngày tự tư do các duyên sự bất thường, thay đều giống nhau cả.

Tuy nhiên, có một số điểm khác biệt giữa tự tư và thuyết giới sẽ được nêu lên dưới đây.

i. Vấn đề túc số Tăng

Trong sự thuyết giới, túc số Tăng tối thiểu là bốn tỳ-kheo. Nhưng trong sự tự tư, túc số Tăng tối thiểu phải là năm tỳ-kheo. Bởi vì trong số năm tỳ-kheo, khi một tỳ-kheo bạch tự tư, nghĩa là yêu cầu Tăng chỉ điểm những khuyết điểm của mình, thì Tăng số phải đủ bốn tỳ-kheo. Nếu chỉ hiện diện từ bốn tỳ-kheo trở xuống đến hai vị, thì chỉ được phép tác pháp đối thủ tự tư. Còn nếu chỉ có một tỳ-kheo thì chỉ tác pháp tâm niệm tự tư.

ii. Vấn đề tác pháp

Thuyết giới tất nhiên phải đọc giới bốn. Trong khi đọc tỳ-kheo nào nhớ lại điều mình vi phạm thì bày tỏ mà sám hối. Như vậy, sự sám hối có tính cách tự giác và tự nguyện. Tự tư không có thuyết giới, mà mỗi người, từ vị Thượng tọa lớn nhất cho đến tỳ-kheo nhỏ nhất, phải tự mình yêu cầu Tăng chỉ điểm. Như vậy, nó không thuộc tính cách tự nguyện và tự giác. Cho nên, phạm vi thuyết tội của tự tư rộng rãi hơn thuyết giới rất nhiều. Do sự kiện này mà yết-ma

thuyết giới và yết-ma tự tứ có khác nhau.

iii. Vấn đề giới dục

Cũng như thuyết giới, tỳ-kheo có duyên sự như pháp có thể giới dục. Nhưng trong trường hợp thuyết giới, do tính cách tự nguyện và tự giác, do đó sự giới dục gồm luôn cả sự thuyết tịnh. Trong trường hợp tự tứ, chỉ giới dục chứ không có sự thuyết tịnh.

Nói tóm lại, ngoài ba điểm khác nhau cần bản trên đây những vấn đề còn lại, cả thuyết giới và tự tứ đều áp dụng nguyên tắc như đã nói trong chương thuyết giới.

HT. Thích Trí Thủ

[10] A-sa-đà, Pali: *āsāḥā /āsāḥī* (Skt. *āṣāḍha*), trong khoảng tháng 6-7 Dương lịch. Cf. *Mahāvagga ii*. Vin. iv. tr. 137: Có hai hạn kỳ bắt đầu mùa mưa. Hạn kỳ đầu bắt đầu từ ngày rằm tháng *āsāḥī*. Hạn kỳ sau bắt đầu sau đó một tháng.

[11] A-thấp-phước-dữu-xà 阿濕縛庾闍. Pali: *assayuja* (Skt. *āśvayuja*), khoảng tháng 9-10 Dương lịch.

[12] *Đại đường Tây vực ký 2* (Đại 51, tr. 876a): «Theo Thánh giáo của Như Lai, mỗi năm có ba mùa. Từ 16 tháng giêng đến 15 tháng 5 là mùa nóng. Từ 16 tháng 5 đến 15 tháng 9 là mùa mưa. Từ 16 tháng 9 đến 15 tháng giêng là mùa lạnh... Tăng đồ Ấn độ y theo Thánh giáo của Phật tọa an cư mùa mưa, hoặc phần trước của ba tháng, hoặc phần sau của ba tháng. Ba tháng đầu của mùa hạ là từ 16 tháng 5 đến 15 tháng 8, theo lịch Trung quốc.» Ba tháng đầu của mùa hạ, Hán: tiền tam nguyệt hạ 前三月夏, vì mùa mưa gồm 4 tháng trong đó chia làm 3 tháng đầu và 3 tháng cuối.

[13] Chương 14, <Ngũ chúng an cư>, Đại 54, tr. 217a 25.

[14] Cf. *Phạm võng kinh*, Đại 24, tr. 1008a11.

[15] *Tứ phần 37*, Đại 22, tr. 832a26.

[16] *Tứ phần 58*, tr. 998b11: có ba an cư: tiền an cư, trung an cư, hậu an cư. *Tăng kỳ 27*, tr. 451b10: tiền an cư từ ngày 16 tháng Tư đến rằm tháng Bảy. Hậu an cư, từ 16 tháng Năm đến rằm tháng Tám.

[17] *Hành sự sao*, thượng 4, tr. 38b21.

[18] *Tứ phần 37*, tr. 830c18tt. Cf. *Hành sự sao*, thượng 4, tr. 39c10.

[19] Pali: *pavāraṇā*; Hán âm: bát-hòa-la 鉢和羅.

[20] Hán: thỉnh thỉnh 請請, cf. *Trung A hàm 29*, kinh Thỉnh (Đại 1, tr. 610).

[21] Hán: Tùy ý 隨意; cf. Nghĩa Tịnh, *Căn bản Thuyết nhất thiết hữu bộ Tỳ nại da Tùy ý sự* (Đại 23, tr. 1044).



(tiếp theo kỳ trước và hết)

5.- Y:

Tàu dịch là Ca sa tức là hoại sắc, bất chính sắc. Dùng để cho chư Tăng mặc. Những vị được chính thức có Y kể từ khi đã thọ giới. Sau khi đắc giới, giới sư quyền thừa chư Phật để truyền Y cho giới tử. Y cũng có nhiều bậc khác nhau.

Người thọ mười giới tức là Sa di giới: Vị này bắt đầu chính thức được ở trong hàng ngũ xuất gia. Những vị thọ mười giới thì chỉ được phép mặc (mang) chiếc Mạng Y là những chiếc Y không có mạng (miếng) nhỏ, tức là Y không có Điều.

Khi mặc Mạng y có bài kệ và chú như sau:

*Đại tai giải thoát phục,
Vô tướng phước điền y,
Phi phụng như giới hạnh,
Quảng độ chư quần sanh.*

Nghĩa là:

Lớn thay áo giải thoát,
Là ruộng phước không tướng,
Mặc kính đúng giới hạnh,
Rộng độ hết chúng sanh.

Nam mô Ca sa tràng Bồ tát ma ha tát.

Vị thọ Cụ túc giới cũng gọi là Tỳ kheo giới: Được mặc những chiếc Y có những miếng vuông, thường gọi là Điều Y.

Y này có ba loại khác nhau:

- Áo mặc ở ngoài gọi là Tăng già lê,
- Áo mặc ở giữa gọi là Uất đà la tăng,
- Áo trong, áo lót gọi là An đà hội.

Chiếc áo Tăng già lê cũng có các bậc khác nhau như:

Ngũ điều y, thất điều y và đại y.

*.- Chiếc Y có năm miếng thì gọi là Ngũ điều.

Khi mặc chiếc Y này thì đọc kệ chú và phát nguyện:

*Thiện tai giải thoát phục,
Vô thượng phước điền y,
Ngã kim đánh đốỉ thọ,
Thế thế bất xả ly.*

Án tất đà da tóa ha (3 lần)

Nghĩa là:

Lành thay áo giải thoát,
Áo ruộng phước vô thượng,
Nay con đầu đội nhận,
Đời đời không lìa bỏ.

Án tất đà da tóa ha (3 lần)

*.- Chiếc Y có bảy miếng thì gọi là Thất điều. Khi mặc chiếc Y này cũng đọc kệ chú và phát nguyện:



*Thiên tai giải thoát phục,
Vô thượng phước điền y,
Ngã kim đánh đối thọ,
Thế thế thường đặc phi.*
Ăn độ ba độ ba tóa ha (3 lần)
Nghĩa là:

Lành thay áo giải thoát,
Áo ruộng phước vô thượng,
Nay con đầu đội nhận,
Đời đời thường được mặc.
Ăn độ ba độ ba tóa ha (3 lần)

- Chiếc Y từ 9 Điều trở lên 25 điều (miếng vuông), thì được gọi là Đại y. Đại y cũng có ba bậc:

- Chiếc y có 9 miếng, 11 miếng, 13 miếng thì gọi là Hạ đại y.

- Chiếc Y có 15 miếng, có 17 miếng, 19 miếng thì gọi là Trung đại y.

- Chiếc y có 21 miếng, 23 miếng, 25 miếng thì gọi Thượng đại y.

Khi mặc (thiền môn gọi là đắp) ba chiếc Đại Y trên đây cũng đọc kệ, chú và phát nguyện:

*Thiên tai giải thoát phục,
Vô thượng phước điền y,
Phụng trì Như lai mạng,
Quảng độ chư chúng sanh.*

Ăn ma ha bà ba tra tất để tóa ha (3 lần)

Nghĩa là:

Lành thay áo giải thoát,
Áo ruộng phước vô thượng,
Vâng giữ Như lai mạng
Rộng độ hết quần sanh.

Ăn ma ha bà ba tra tất để tóa ha (3 lần)

Những chiếc Y này đã có từ đời đức Phật. Chiếc Y đầu tiên được cúng dường cho chư Tăng là chiếc Y của bà Di mẫu của đức Phật (tức là bà Kiều đàm di vị Tỳ kheo ni đầu tiên).

Y của chư Tăng được gọi rất nhiều tên: Hoại nạp phục, Hoại sắc phục, Pháp phục, Pháp y, Ứng pháp diệu phục, Liên hoa phục, Giải thoát phục, Giải thoát tràng tướng phục, Xuất thế phục, Ly trần phục, Vô cầu phục, ... Nói chung là Ca sa tràng Như lai,

nghĩa là áo của chư Phật, chính là lòng nhu hòa nhẫn nhục như trong kinh Pháp hoa đã dạy.

6.- Bát:

Xuất xứ: trong kinh Phật bốn hạnh có nói: Khi đức Phật còn tại thế, có hai thương gia là Đế ly phú bà và Bạt ly ca đều ở phía bắc Ấn độ. Hai vị này, một hôm đem sữa cúng dường đức Phật, nhưng đức Phật không có đồ đựng. Lúc bấy giờ có bốn vị thiên vương đem bốn cái bát bằng vàng đến dâng cúng đức Phật để đựng sữa, ngài không nhận. Bốn vị thiên vương ấy lại trở về đem bốn cái bát khác cũng có đủ các loại quý như: ngọc, ngà, xa cừ, ... để dâng cúng đức Phật, ngài cũng không nhận. Sau cùng bốn vị ấy đem dâng cúng bốn cái bát khác bằng đá, đức Phật rất hoan hỷ.

Ý nghĩa: Chử Bát, tiếng Phạn gọi là Bát đa la, Tàu dịch là Ứng lượng khí. Nghĩa là đồ dùng để chứa đựng các thực phẩm chỉ đủ vừa sức ăn cho một người.

Bình bát chỉ được làm bằng đá, bằng sành, bằng đất sét nung thật chín rồi tráng men bên trong cho khỏi rỉ nước, chứ không được làm bằng vàng bạc hay các kim khí quý... Nếu dùng bằng kim khí quý thì không đúng phẩm hạnh của vị xuất gia.. Các vị đã phát tâm xuất gia tức là tập hạnh xả bỏ tất cả, kể cả thân mạng nếu cần và đúng với chánh pháp, nghĩa là xả phũ cầu trần xả thân cầu đạo.

Đặc biệt Bình bát không nên làm bằng gỗ, vì đây là loại bát của Bà la môn đã thường dùng.

Ở các nước Tiểu thừa Phật giáo, chư Tăng thường đi khất thực nên thường dùng bình bát. Các nước theo Đại thừa Phật giáo thì không đi khất thực nên chỉ dùng bình bát trong ba tháng an cư kiết hạ, có nơi còn ba tháng kiết đông nữa; đồng thời, thỉnh thoảng có quý thí chủ phát tâm cúng dường trai Tăng thì cũng dùng bình bát để cúng Phật trước khi thọ trai. Sau khi các vị đã đắc giới, chư giới sư trao truyền bình bát và bắt đầu trì bình từ đó.

Mỗi khi dùng bình bát, tâm thường niệm:

*Thiên tai Bát đa La,
Như Lai ứng lượng khí,
Phụng trì dĩ tư thân,
Trưởng dưỡng trí huệ mạng,
Ăn chỉ rị chỉ rị phạ nhự ra hồng
phấn tra (3 lần)*

Nghĩa là:

Lành thay bát đa la,
Ứng lượng khí của Phật
Vâng giữ để tu thân,
Nuôi lớn thân và trí.

Ăn chỉ rị chỉ rị phạ nhự ra hồng
phấn tra (3 lần)

Mỗi lần đi khất thực, tay nâng bình bát đang còn trống không, đức Phật dạy đệ tử của ngài không phiền muộn, không lo lắng mà phải an tịnh và thầm nguyện:

*Nhược kiến không bát,
Đương nguyện chúng sanh,*





*Cứu cánh thanh tịnh,
Không vô phiền não.
Nghĩa là:
Nếu thấy bát không,
Xin nguyện chúng sanh,
Cứu cánh thanh tịnh,
Trống không phiền não.*

Và, sau đó thí chủ đã cúng dường phẩm vật được đầy đủ thì thầm nguyện tiếp:

*Nhược kiến mãn bát,
Đương nguyện chúng sanh,
Cụ túc thanh mãn,
Nhất thể thiện pháp.
Nghĩa là:
Nếu thấy bát đầy,
Xin nguyện chúng sanh,
Chứa đựng đầy đủ,
Tất cả pháp lành.*

7.- Tích Trượng:

Xuất xứ: Theo kinh Tích trượng có chép: Nay các Tỳ kheo, các người nên thọ trì tích trượng, vì rằng tích trượng là một pháp khí mà ở đời các Như lai đã có thọ trì.

Ý nghĩa: Tiếng Phạn gọi là Khiết khí la, Tàu dịch là Tích trượng, tức là các gậy của các vị Tỳ kheo dùng để đi đường hay đi khất thực.

Tích trượng cũng còn có tên là Đức trượng, nghĩa là nhờ chiếc gậy trí huệ và đức độ này mà người xuất gia học đạo giải thoát được vững tiến và hướng đến quả vị giải thoát.

Trong kinh Tích trượng cũng có chép: Ngài Ca Diếp bạch Phật: Bạch đức Thế tôn, thế nào gọi là Tích trượng? Đức Phật dạy các ý nghĩa như sau:

- Tích cũng còn nghĩa là Khinh, có nghĩa là nhờ chiếc gậy đức hạnh và trí tuệ này mà phiền não được nhẹ đi và sớm ra khỏi cảnh sanh tử luân hồi.

- Tích cũng có nghĩa là Minh, nghĩa là được trí huệ sáng suốt, là hết khổ não.

Đường kính của chiếc Tích trượng thì vừa đủ cho vòng tay của người sử dụng. Cũng còn được gọi với những tên: Thịnh trượng hay Minh trượng. Vì, trong khi đi đến nhà ai, vị sa môn cần gõ tích trượng xuống đất để người trong nhà biết. Trên đầu tích

trượng có bốn cái gọng và mười hai cái vòng. Đó là biểu tượng cho Tứ diệu đế và Thập nhị nhơn duyên, buộc các Tỳ kheo luôn luôn phải nhớ nghĩ, luôn luôn phải thực hành. Ngoài ra còn có loại tích trượng trên đầu chỉ có hai cái vòng và sáu cái khâu, thì nó tượng trưng cho Chơn đế, Tục đế là Lục độ. Tích trượng này do đức Phật Ca Diếp chế ra. Tất cả hai loại tích trượng ấy đều không cao quá đầu người.

Cái tích trượng của Bà la môn thì có bảy mắt và có ba bậc: sơ, trung và thượng. Theo phái Bà la môn thì cái gì cũng ở trong số bảy:

*.- Bảy bậc tu, bảy quả đức, bảy sức linh...

Bảy bậc tu của họ gồm:

- Tu tại gia,
- Tu vái các thần thánh thông thường,
- Tu biết biến hóa,
- Tu biết thần biến, linh thiêng,
- Tu cần thần thánh, không mặc quần áo,
- Tu thiền định,
- Tu bậc thượng, làm thầy cả trong các phép tu trên, là vị nối gót đại diện cho đức Phạm thiên.

Ngày xưa ở Ấn độ, họ thường quan trọng con số bảy, họ cho là huyền vi đến với con người. Cái gì họ cũng dùng và nghĩ đến số bảy như:

- Bảy vị tiên (Sapta-Rchirs),
- Bảy cảnh tiên (Sapta-Poura),
- Bảy hòn đảo tiên (Sapta-Douita),
- Bảy biển (Sapta-Samudra),
- Bảy sông linh (Sapta-Nady),
- Bảy núi linh (Sapta-Pariatta),
- Bảy cây ở cõi trời (Sapta-Arania),
- Bảy chủng (Sapta-Coula),
- Bảy cảnh giới từ hạ đến thượng (Sapta-Loça),
- Bảy loại gồm cả trời đất thần thánh như:

Jyaus, Naranari-Viradj, Brahma, Vischnou, Siva...

Riêng trong Phật giáo, ngài Địa tạng vương Bồ tát đã dùng tích trượng để đi vào địa ngục hướng dẫn cho thập loại chúng sanh đang bị đọa trong các cõi ấy được hiểu rõ chánh pháp, được giải thoát lên các cảnh giới sung sướng hơn hay trực chỉ đến cảnh giới giác ngộ thành Phật. Mỗi khi ngài vào trong địa ngục, ngài dùng tích trượng gõ xuống đất thì các cửa ngục được mở ra, cho nên trong kinh có dạy: Chấn khai địa ngục chi môn.

Những vị sau khi đã đắc giới, liền được thừa truyền tích trượng. Trong khi nhận lãnh, các vị giới tử thầm niệm rằng:

*Thiện tại khiết khí la,
Trí huệ công đức bốn,
Như pháp thọ trì giả,
Siêu đẳng niết bàn nghan.*

Án, na lật thế, na lật thế, na lật tra, bát đế, na lật đế, na dạ bát nễ hồng phần tra (3 lần).

Nghĩa là:

Lành thay chiếc tích trượng,
Gốc công đức, trí huệ,
Thọ trì như chánh pháp,
Sớm lên bờ niết bàn.

Án, na lật thế, na lật thế, na lật tra, bát đế, na lật đế, na dạ bát nễ hồng phần tra (3 lần)

Nhưng khi các vị dùng tích trượng để đi đó đây



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Mới hợp đạo Bồ tát,
 Ấn phạt tất ba ra ma ni tóa ha (3 lần)

9.- Ngọa Cụ:

Ngọa tức là nằm. Dụng cụ dùng để ngồi và nằm. Quý vị xuất gia thường dùng hằng ngày cho nên trong luật Trường Hàng gọi là Nhật dụng.

Ngày xưa khi đức Phật còn tại thế, chư Tăng sống không lập chùa chiền, tịnh thất như ngày nay. Trong tay chỉ có bình bát, ba chiếc y, một tích trượng, một dây lọc nước và một ngọa cụ mà thôi. Đi đâu đều mang tất cả những pháp khí ấy đi theo.

Ngày nay chư Tăng có chùa, có tông lâm, có Phật học viện, có tịnh thất, ... nên ít dùng đến ngọa cụ tích trượng trừ khi tấn đàn truyền giới và trao giới cho giới tử phát tâm đăng đàn cầu giới pháp để tu. Ngọa cụ cũng được dùng trong lúc đăng đàn chẩn tế, nhưng được gọi là tọa cụ chứ không gọi là ngọa cụ như trong luật tiểu.

Khi dùng ngọa cụ thì thãm nguyện câu kệ và chú như sau:

*Ngọa cụ ni sư đàn,
 Trưởng dưỡng tâm miêu tánh,
 Triển khai đăng thánh địa,
 Phụng trì Như Lai mạng.*

Ấn a mật lật để hồng phẩn tra (3lần)

Nghĩa là:

*Ngọa cụ ni sư đàn,
 Nuôi lớn lúa tâm tánh,
 Mở ra lên đất thánh,
 Phụng giữ Như Lai mạng.*

Trên đây là những Pháp khí và Pháp cụ có từ thời đức Phật đã được tổ tổ thừa truyền cho đến ngày nay. Những thứ được viết ra trong bài này hoàn toàn gần như chỉ dành riêng cho hàng xuất gia, nhưng phải cần cầu giới pháp, có thọ giới và đắc giới. Và tùy theo giới mà thọ dụng khác nhau như Y, Bát, Tích trượng và tọa cụ, ... Ngoài ra, những pháp khí khác thì những vị tân xuất gia và Phật tử tại gia đều có thể dùng được như nhau. Vậy bài này quý vị nào trong hàng tại gia được phước báo thọ dụng thì cũng nên tuân theo lời Phật dạy để hành trì đúng như pháp.

Điều Ngự Tử TÍN NGHĨA



thì lại thãm nguyện:

*Chấp trì tích trượng,
 Dưỡng nguyện chúng sanh,
 Thiết đại thí hội,
 Thị như thiết đạo.*

(Câu chú đọc y như khi được nhận tích trượng do giới sư trao)

Nghĩa là:

*Cầm giữ tích trượng,
 xin nguyện chúng sanh,
 Thiết đại hội thí,
 Chỉ đạo như thật.*

8.- Dây lọc nước:

Xuất xứ: Ngày xưa khi đức Phật chứng thành đạo quả, ngài dùng huệ nhãn, xem thấy trong nước có vô số vi trùng, ngài liền truyền dạy cho hàng đệ tử, nhất là hàng xuất gia đều phải có một cái túi bằng vải để lọc nước trước khi uống.

Ý nghĩa: Đạo Phật là đạo từ bi. Đạo Phật tôn trọng mạng sống. Vì khi uống nước mà không dùng dây lọc nước để lọc thì mắc phải tội ăn thịt chúng sanh. Chúng sanh được tôn trọng trên từ bậc thánh như chư Tăng, loài người, dưới đến cho các loài có chân, không chân hay có cánh không cánh đều được giữ gìn mà không nên sát hại.

Bởi thế cho nên, hàng xuất gia phải dùng những vật thực không liên hệ đến mạng sống của chúng sanh. Một khi đã phát tâm xuất gia, đã được thọ giới thì cần phải có dây lọc nước. Tào dịch là Lự thủy nang.

Khi nhận thọ thì thãm nguyện:

*Thiện tai lự thủy nan,
 Hộ sanh hành tự cụ,
 Xuất nhập thường đới dụng,
 Phương hợp Bồ tát đạo.*

Ấn phạt tất ba ra ma ni tóa ha (3lần)

Nghĩa là:

*Lành thay dây lọc nước,
 Vật bảo trợ mạng sống,
 Ra vào thường dùng đến,*



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT

CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

Phật Lịch 2556

Số 14/HĐĐH/TT/QCT

THÔNG TƯ

Kính gửi: Chư Tôn Trưởng Lão, Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, quý Cư Sĩ Thành Viên, các Cơ Sở Tự Viện Thuộc GHPGVNTNHNK, Ban Hướng Dẫn GDPT Việt Nam tại Hoa Kỳ,

Trích yếu: V/v tổ chức Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I,
Nam Mô Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính chư tôn đức Giáo Phẩm,
Kính thưa quý Cư Sĩ thành viên,

Chiếu Quy Chế của GHPGVNTNHNK, chiếu quyết định của Đại Hội Thường Niên lần thứ 3 nhiệm kỳ I tại Phật Học Viện Quốc Tế vào ngày 19 tháng 6 năm 2011, chiếu quyết định của cuộc họp GHPGVNTNHNK ngày 10 tháng 3 năm 2012 tại Chùa Bát Nhã, Santa Ana, về việc tổ chức Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I của GHPGVNTNHNK để kiểm điểm Phật sự trong 4 năm qua, hoạch định các Phật sự sắp tới, tu chính Quy Chế, và công cử thành phần nhân sự của Hội Đồng Điều Hành Nhiệm Kỳ II (2012-2016), kính xin chư tôn Giáo Phẩm và quý Cư sĩ thành viên gia tâm hỗ trợ và thực hiện một số Phật sự cần thiết sau đây:

1- Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I của GHPGVNTNHNK sẽ được long trọng tổ chức từ **Thứ Sáu đến Chủ Nhật, ngày 10 đến ngày 12 tháng 8 năm 2012 tại Chùa Cổ Lâm, 3503 South Graham Street, Seattle, WA 98118; Tel.: (206) 723-4741**, do Hòa Thượng Thích Nguyên An làm Trưởng Ban Tổ Chức.

2- Nhất tâm cung thỉnh chư tôn Giáo Phẩm và kính mời quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNHNK sắp xếp Phật sự tại địa phương để quang lâm chứng minh, tham dự Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I.

3- Xin mua vé máy bay về phi trường sau đây để Ban Tổ Chức tiện việc đưa đón, và đến trễ nhất là **trưa Thứ Sáu, ngày 10 tháng 8. Phi Trường Seattle (SEA-TAC).**

4- Xin chư tôn đức Tăng, Ni và quý cư sĩ hoan hỷ điền vào phiếu ghi danh (đính kèm) và gửi về Ban Tổ Chức trễ nhất là ngày 10 tháng 7 năm 2012.

5- Thành phần Đại Biểu tham dự Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I như sau:

a) Đại Biểu Chính Thức:

- Chư tôn Trưởng Lão trong Hội Đồng Chứng Minh; chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Ni Trưởng trong Hội Đồng Giáo Phẩm; chư Tôn Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ trong Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành -- Quyền Chủ Tịch, các Phó Chủ Tịch, Tổng Thư Ký, Phó Tổng Thư Ký, Thủ Quỹ, chư vị Tổng Vụ Trưởng;

- Mỗi Tổng Vụ; Vụ; Ban Ngành trực thuộc Tổng Vụ; Tự Viện; Đơn Vị Cơ Sở trực thuộc GHPGVNTNHNK; Ban Hướng Dẫn GDPT Việt Nam tại Hoa Kỳ; có 2 Đại Biểu Chính Thức;

b) Đại Biểu Dự Khuyết và Quan Sát:

Mỗi Tổng Vụ; Vụ; Ban, Ngành trực thuộc Tổng Vụ; Tự Viện; Đơn Vị Cơ Sở trực thuộc GHPGVNTNHNK; Ban Hướng Dẫn GDPT Việt Nam tại Hoa Kỳ; có 3 Đại Biểu Dự Khuyết, và Đại Biểu Quan Sát không giới hạn;

6- Ban Tổ Chức chịu trách nhiệm chỗ ở và ăn uống cho chư Đại Biểu Chính Thức. Ban Tổ Chức chi lo phần ăn uống cho các Đại Biểu Dự Khuyết và Quan Sát, phần chỗ ở thì xin chư vị hoan hỷ tự túc.

7- Xin các Tổng Vụ lập phúc trình Phật sự và gửi về cho Văn Phòng Tổng Thư Ký, hoặc Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành, trễ nhất là đầu tháng 7 năm 2012 để Văn Phòng Tổng Thư Ký thực hiện Bản Phúc Trình Phật Sự Toàn Nhiệm Kỳ I.

Vì sự vững mạnh của cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ và vì Phật sự chung của Giáo Hội, kính mong chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNHNK hoan hỷ thực hiện các Phật sự nêu trên.

Nguyện cầu chư Phật gia bị cho chư Tôn Đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự thành tựu; đồng kính chúc quý Cư Sĩ thành viên Giáo Hội thân tâm an lạc, Bồ đề tâm kiên cố.

Nay Thông Tư,

Phật Lịch 2556, Santa Ana, ngày 07 tháng 5 năm 2012

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK

Quyền Chủ Tịch

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Văn Phòng Điều Hợp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu
CHÙA PHÁP HOA

20 Butler Avenue PENNINGTON S.A 5013
Tel: 61.8.84478477 – Fax 61.8.82401758

Phật lịch 2555, Adelaide ngày 15 tháng 2 năm 2012

THƯ CUNG THỈNH

Trích yếu v/v

LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ ĐẠI HỘI GIÁO HỘI VÀ KHÁNH THÀNH BẢO THÁP

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch Chư Tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa Đại Đức, Tăng Ni
Kính thưa chư thiện chư thiện nam tín nữ Phật tử các giới

Đây là lần thứ 6 Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư đã được yết ma thành tựu trong Lễ Hiệp Kỷ tại chùa Thiện Minh Lyon, Pháp Quốc, tháng 9 năm 2011, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan nhận lãnh và giáo hội Nam Úc, chùa Pháp Hoa chịu trách nhiệm tổ chức tại Adelaide, Nam Úc.

Bốn tự Pháp Hoa chúng con/ chúng tôi trong pháp duyên thù thắng này mạnh dạn đứng ra tổ chức lễ được sự bảo trợ của Giáo Hội PGVNTNHN tại UDL – TTL; đồng thời giáo hội địa phương có trình với Hội Đồng Điều Hành đồng thuận cùng tổ chức lễ khánh thành Bảo tháp Tam Bảo và lễ chúc thọ Hòa thượng Phương Trượng tổ đình Pháp Hoa.

Thay mặt Ban tổ chức, chúng con/chúng tôi xin cung kính cung thỉnh chư tôn đức Tăng Ni và kính mời quý vị Phật tử hoan hỷ sắp xếp thời gian quang lâm về **chùa Pháp Hoa, Nam Úc vào thứ Sáu, thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày 16, 17, 18 tháng 11 năm 2012** để chứng minh và tham dự **đại hội, lễ hiệp kỷ và khánh thành.**

Sự thân lâm phó hội của quý Ngài và quý vị làm cho lễ hội thêm phần trang nghiêm và long trọng. Kính chúc chư Tôn Đức Pháp thể khinh an, Phật sự viên thành, quý Phật tử thân tâm an lạc, vạn sự cát tường như ý.

Cung kính khế thủ

Cố vấn và chứng minh

HT Thích Như Huệ

TM Ban Tổ chức
Trưởng Ban

TK Thích Viên Trí



SẮC TỨC LÀ KHÔNG, KHÔNG TỨC LÀ SẮC

Tác giả: **Cư Sĩ LÝ NHẤT QUANG**

Dịch giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

I.- LỜI NÓI ĐẦU:

Nhân loại xem các pháp luôn luôn cố chấp thành kiến đối với "Sắc", như trước đây nhận định có một thứ "Hữu" tồn tại; đó là điều khiến họ chấp thường cho "Hữu" trực tiếp tạo ra vũ trụ vạn tượng, sự chấp thường này của họ kể từ khi sanh ra cho đến khi tử vong chưa có một tí trải qua hoài nghi. Nhưng ở đây chỉ cần chứng minh cái "Hữu" này là "Hữu" không xác thực, liền có thể phát hiện tất cả "Pháp" sanh khởi, tồn tại cho đến diệt vong, đều do nơi các thứ điều kiện quan hệ hòa hợp hoặc phân tán mà khiến như thế; điều kiện chủ yếu căn bản gọi là nhân, và điều kiện thứ yếu phối hợp gọi là duyên. Nhân duyên hòa hợp thì các thứ pháp sanh khởi. Nhân duyên phân tán thì các thứ pháp tiêu diệt. Các thứ pháp (vạn sự vạn vật) đây sanh khởi cho đến tiêu diệt không phải tự thành đơn độc và cũng không phải tồn tại cô độc. Cần truy cứu vấn đề này, mỗi bộ phận đó đều không có thật tánh, tức là không "Tự Tánh" có thể đạt được, cho nên gọi là "Không Tánh".

II.- KHÔNG "TỰ CÓ TÁNH":

Sắc là chỗ chúng ta có thể thấy được, thính là tiếng chúng ta có thể nghe được, hương là chất thơm chúng ta có thể ngửi được, vị là mùi vị chúng ta có thể thưởng thức được, xúc là nơi chúng ta có thể sờ mó được. Sắc, thính, hương, vị, xúc trong Phật Giáo gọi chung là sắc pháp và nó cũng chính là sự vật mà chúng ta thường ngày sinh hoạt đều xác nhận cho là thật "Có". Nhưng chúng ta từ xưa đến nay chưa từng chú ý cho chúng nó là nhu yếu mà lại ủng hộ những sự việc hoặc những điều kiện (nhân duyên) khác ngoài chúng nó cho nên mới "Có" cái (quả). Những sự việc, những điều kiện đây trong Phật Giáo gọi là "Nhân duyên sở sanh pháp" (Nhân duyên là chỗ sanh ra các pháp). Nguyên vì tất cả nhân loại trong thế gian đều không hiểu biết "Nhân duyên sở sanh pháp" cho nên một khi gặp phải một sự kiện khó khăn trong việc truy cứu nguồn gốc của nó, liền hoàn toàn khẳng định cho nó là "tự hữu"(tự riêng có)! Như thấy quang tuyến mặt trời, cho đến nguồn gốc và sơ khởi của trời đất, hành tinh, v.v... liền giải thích rằng ai cũng không có thứ năng lực này để suy cứu chúng nó và ai cũng khó khăn đoán ra manh mối của chúng nó. Nhân đây có một số người lại bảo rằng chỉ công sở phi nhân của thế gian mới có thể sáng tạo sự vật, rồi từ đó họ không gia công suy xét đến nơi đến chốn tất cả chỗ của sự vật mà lại còn đem chúng nó quy kết cho là Tự Nhiên, là

Trời sanh, là Thượng Đế tạo và lại mặc nhiên từ chối đổ trách nhiệm thối thoát vào họ cho xong chuyện. Mà những thứ quy kết nói trên được cho là "Có" Tự Nhiên, "Có" Trời sanh, "Có" Thượng Đế tạo và rồi họ vẫn không thoát khỏi phạm vi mê chấp "Tự Có Tánh". Hơn nữa lại có một số người chuyên suy cứu đầu mỗi khai mở của sự vật và tính toán tuổi tác của nó v.v... Thật ra tuổi tác của nó có thể tính toán ra được nhưng không xác thực. Nó là cái gì? Khi họ đem vật A tính toán tuổi tác thì rất đúng, nhưng vật A là do hai vật B và C hòa hợp mà thành. Hơn nữa hai vật B và C cũng có tuổi tác có thể tính toán được, nhưng tuổi tác của vật A cũng phải căn cứ nơi tuổi tác của hai vật B và C để tính toán mới hợp lý. Thế nhưng hai vật B và C cũng không phải là cá thể, đều do các vật khác diễn biến mà thành. Cho nên cứ như thế mà suy cứu về nguồn gốc của nó từ gần đến xa thì không có một pháp nào tìm được khởi điểm của nó để làm căn cứ cho việc tính toán. Như các nhà khoa học cận đại nghĩ rằng cần phải nghiên cứu cho ra tuổi tác của quả địa cầu; khởi điểm từ nơi trọng lượng muối trong biển cả, từ nơi sự biến hóa của nham thạch và từ nơi thiên thạch rớt xuống trong thái không, họ tưởng rằng tận dụng đến cùng những phương pháp đo đạc đó có thể tìm ra tuổi tác của quả địa cầu. Kỳ thật tuổi tác của quả địa cầu thì vĩnh viễn không thể trắc nghiệm được. Tại sao biết? Nhà Vật Lý học Ngụy Trát Khắc Nhĩ nói rằng: "Hiện tại do hệ thống hành tinh chiếm lãnh toàn bộ khu vực, trước kia hạt vi trần vi tế giao tiếp tràn đầy khắp nơi, những hạt vi trần này nhất định đã trải qua tập hợp vài khối lớn để hình thành các hành tinh, thời gian trải qua ước tính là một ức năm". Thứ hỏi một ức năm đây có phải là tuổi tác của địa cầu không? Lại hỏi tiếp những hạt vi trần kia là thuộc về những nhân gì mà có thể kết thành? Những hạt vi trần kia là nhân tố để kết thành thì chúng nó cũng có lai lịch cũng có thời gian và cũng phải được kể vào trong phạm vi tính toán tuổi tác. Căn cứ nơi trạng huống nói trên, ai có thể tìm được tuổi tác của nó, ai có thể dự đoán được khởi điểm của nó? Đã không nói được khởi điểm thì nó lại không "Tự Có Tánh" có thể đạt được. Cái "Có" như thế, xét về lý thì tuyệt đối đúng không vững. Cái "Có" đã đứng không vững thì làm sao có thể nói là "Có" được? Thế nhưng về mặt trái của cái "Có" vừa đề cập lại hiển bày ra cái "Không"! Nhưng khi bàn đến cái "Không" trên sự thật lại có một thứ quá trình tồn tại đang tiếp tục diễn biến không gián đoạn; đây là cái "Có" lại xuất hiện. Như thế tức có tức không (Sắc tức thị không) lại được thể hội ngay lúc này vậy.

III.- KHÔNG “TÁNH CHẰNG BIẾN”

Có một số sự vật bình thường biến động rất chậm mà ngay lúc đó chúng ta không thể cảm giác chỗ phát khởi của nó để quan sát; nhân đây lại bị người ta chấp nhận cho nó là bất biến (không biến động). Như chúng ta nhìn thấy “một chén nước” và luôn luôn cho nó là bất biến. Như vậy một khi qua quá trình truy cứu thử hỏi: “Chén nước đây” ngày hôm qua thì nó như thế nào, ngày hôm nay thì nó như thế nào và ngày mai thì nó như thế nào? Có phải trước một giây đồng hồ là “Chén nước đây”, ngay một giây đồng hồ là “Chén nước đây” và sau một giây đồng hồ là “Chén nước đây” đúng không? Quá trình như thế đặt câu hỏi ngược lại liền khiến chúng ta lãnh hội ngay dấu hiệu vật chất ba lần biến hóa trạng thái nơi Vật Lý học, chén nước đây hoặc biến thành băng, hoặc biến thành hơi! Nơi trong Hóa học vận tốc hoạt động



ly khai của phân tử nước, cho đến trong Điện học chỗ giải thích về điện tử xoay quanh hạt nhân nguyên tử với tốc độ nhanh bay lượn vận động sát na không dừng, điều đó chứng minh cho thấy “Chén nước đây” sớm chiều không còn là nước của ban đầu nữa! Nhưng mà ý thức của nhân loại từ đầu đến cuối vẫn dừng lại ở chỗ “Chén nước đây” bao gồm cả quan niệm không có biến động. Do nơi quan niệm “Tánh chẳng biến”, lập trường của “Hữu” liền lấp kín tâm thức của chúng ta khiến cho cái “Không” chẳng xuất hiện. Để dẫn chứng điều đó đem nhân vật đã qua đời cách mười năm trước một khi hồi ức thì ngay lập tức ảnh tượng kia hiển hiện trình bày ra trước mắt rõ ràng rành mạch; mặc dù biết rõ nhân vật trong đó sớm đã tạ thế. Ý niệm “Tánh chẳng biến” trên đây khiến tinh thần gánh vác trên lưng một trách nhiệm giao phó chổng chắt; nhưng thực tế sự vật hiện tại luôn luôn thay đổi bên trong không bao giờ gián đoạn, không có khoảnh khắc thường trụ. Sở dĩ “Có”: chỉ là tạm thời, chỉ là sát na, chỉ là “Có” trong nháy mắt; nó không phải “Có” thường trụ “Bất biến”. Vì thế thật nghĩa của cái “Có” không thể thành lập, chỉ phải nương cho cái “Không” đại diện thay thế nó mà thôi! Cho nên gọi là: “Sắc tức là không”.

IV.- KHÔNG “TÁNH ĐỘC LẬP”

Cái gì là “Tánh độc lập”? Ý tưởng của nhân loại luôn luôn tin nhận sự tồn tại của vật chất, đều cho có cá thể đơn thuần; hoặc có thể phân tích đến nguyên tố của cá thể. Đứng ra thế gian đều không có cá thể đơn thuần tồn tại. Cũng chính là nói: bất kỳ sự vật gì trong thế gian đều không có “Tánh độc lập” tồn tại. Tất cả tồn tại đây đều là tánh tập hợp, nhưng không phải tập hợp trên Vật lý mà chính là tập hợp trên Hóa học và cũng chính chỗ các nhà Phật học gọi “Nhân duyên chỗ sanh ra các pháp”. Còn nguyên tố mà nơi Hóa học gọi chính là sự xấp xếp bày tỏ của chu kỳ, liên báo cho chúng ta rõ chúng nó đều không phải cá thể; các nhà Khoa học dùng “Vi vũ trụ” để mệnh danh chúng nó, do nơi những thứ danh xưng này có thể suy tưởng ra tình hình phức tạp của chúng nó. Ở trước đem phân tử nguyên tử cho là cá thể, nhưng trước mắt biết rõ

điện tử, chất tử, trung tử đều hoàn toàn không phải cá thể. Khoa học nghiên cứu vi tế của vũ trụ sẽ có thể tiết lộ được sự cấu tạo của điện tử và của chất tử. Nhưng đến trung tử khi quán chiếu một vật nào đó đã gặp phải một thứ hợp thể phức tạp. Kinh Phật trải qua hơn hai ngàn năm trăm năm trước đã vạch ra thuyết minh mới: Trên thế giới tuyệt đối không thấy có cá thể tồn tại độc lập, đều là giả pháp do nhân duyên hòa hợp tạo thành. Đây mới là thuyết giáo, thật ra đã bảo ngầm rằng: các nhà khoa học hiện đại đi tìm kiếm sự tồn tại của cá thể chỉ là một việc mộng tưởng. Lời thuyết giáo này bao gồm đã cảnh tỉnh chúng ta chớ ảo tưởng cho rằng sự vật tồn tại “Độc lập”. Đây cũng chính là “Sắc tức là không”, chỗ gợi ý tốt nhất cho chúng ta.

V.- KÈ NẰNG BIẾN VÀ VẬT BỊ BIẾN:

Cái “Không” đã trình bày ở trên là thuộc về sự phân tích của khoa học, chính là chỉ cho cái “Sắc” thấy được trong cảnh giới, nơi Phật pháp gọi là “Ngoại sắc”, các học giả cận đại gọi là “Vật chất”. Nếu như chỉ căn cứ vào ý kiến ở trên, liền sẽ bị rơi vào Cơ Giới Luận của Khoa học. Như thế cái “Không” của “Sắc tức là không, không tức là sắc” nơi Phật

Giáo cùng với cái “Không” của Khoa học phân tích có điểm nào khác không? Nay xin giải thích sơ lược như sau:

Nơi sắc pháp khi quán sát, Khoa học và Phật Pháp phân tích “Không” lý luận tự hồ có chỗ tương tự; chỉ cần hiểu rõ biến đổi của sự vật đều là bị biến, mà nó không phải là tự mình năng biến. Sự vật đã là vật bị biến, như thế nhất định có kẻ năng biến bao gồm trong nó. Các nhà khoa học đối với vật bị biến lại bận rộn tìm cầu, mà chưa biết có kẻ năng biến ở trong vận hành; chưa thoát khỏi thiếu kiến! Như thế kẻ năng biến là ai? Theo Phật Pháp kẻ năng biến gọi là “Tâm Pháp”. Tâm Pháp đây có sự tụ họp của Tâm Thức hữu tình, bản thân của nó tuy nhiên cũng có thành phần bị biến, nhưng nó lại có một phần lực lượng nắm giữ chủ động năng biến. Phạm sự vật biến đổi quanh co đều hoàn toàn không thoát khỏi sự biến hóa của năng biến chi phối. Sức năng biến đây tức là năng lực của tâm thức chúng ta, cũng tức là “Duy Thức Hiện Lực” (năng lực thể hiện của Duy Thức). Cảnh giới của Duy Thức thể hiện chính là tướng của cái “Không”. Tại sao là tướng của cái “Không”? Nay xin giải thích sơ lược như sau:



1)- Dùng Máy Điện Ảnh Để Thí Dụ:

Thử hỏi “Sắc” là cái gì? Theo Duy Thức Học nói: “Là tướng phần của Tâm và Tâm Sở biến hiện nên gọi là Sắc”. Lại nói: “Sắc Pháp tức là hình ảnh của hai thứ Tâm và Tâm Sở hiện ra”. “Tâm” và “Tâm Sở” là cái gì? “Tướng Phần” lại là cái gì? “Tâm” thì không nêu danh được, chỉ có thể căn cứ nơi “Tướng và Dụng” của nó để gọi. Thí dụ như con mắt có thể thấy sắc liền biết có sắc tồn tại; cái thấy đây có thể hiểu biết chính là “Tâm”. “Tâm Sở” là pháp thuộc sở hữu của “Tâm”, cũng chính là sự tác dụng vận hành giúp đỡ của tâm. Như ngày nay sáng sớm ông ngồi dậy; sự “ngồi dậy” của ông là động tác nhất định đã trải qua sự quyết định của tâm; sự “Quyết định” đây tức

là “Tâm Sở”. “Tâm” và “Tâm Sở” cũng chính là “kẻ Năng Biến”, tức là nguyên động lực khiến ông ngồi dậy. Còn “Tướng Phần” tức là “Sắc” thuộc về “vật bị biến”; như một đoạn cảnh tượng (quá trình) trong khi ông ngồi dậy, nhất định có sự thật tồn tại tại của hiện trường; sự thật tồn tại của hiện trường đây chính là “Sắc”. Thứ tâm tác dụng đây có thể dùng máy điện ảnh để thí dụ: “Máy điện ảnh” chia hai bộ phận “Máy nhiếp ảnh” và “Máy phóng ảnh”. Sự tác dụng của máy nhiếp ảnh có thể khiến nhạy sáng của phim thu lấy ngoại cảnh. Máy phóng ảnh có thể tự phóng nhạy sáng của phim hiện ra ảnh tượng trên màn ảnh. Quả tâm của chúng ta như một cuốn phim. Tâm có thể thu nhiếp và giữ gìn tất cả pháp, dụ như máy nhiếp ảnh của điện ảnh nắm giữ tất cả cảnh vật. Lại nữa tâm có thể phát khởi hiện hành và sanh ra tất cả pháp, giống như máy phóng ảnh phóng chiếu đến màn ảnh chỗ hiện trường biểu diễn tác động ngồi dậy vào buổi sáng. Hiện tượng đó chính là “Tướng phần” và cũng gọi là “Sắc”. Như thế có thể biết: Tướng phần của Tâm và Tâm Sở biến hiện đều gọi là sắc. Hơn nữa quán chiếu biết sắc tướng trên màn ảnh là do máy phóng ảnh không chế. Máy phóng ảnh một khi phóng ra thì cảnh tượng trên màn ảnh chững chặc sanh ra. Máy phóng ảnh một khi đình chỉ thì ảnh tượng trên màn ảnh lẽ đương nhiên tắt mất. Do đây có thể biết rõ nguyên lý: “Tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt”.

“Tâm Sở” nơi Duy Thức Học nói gồm có 51 thứ, trong đó Pháp Thiện có 11 thứ và Pháp Bất Thiện có 26 thứ. Hai thứ Tâm Sở pháp thiện và pháp bất thiện đều là ống kính giúp cho chúng ta chọn lựa, cũng chính là chỗ ý niệm của chúng ta tuyển lựa; những điều tốt và những điều xấu trong tương lai đều ở nơi một niệm này. Trong thế giới hiện thật trước mắt của chúng ta: có thiện ác, chánh tà, đẹp xấu, khổ vui, đều do cuốn phim phóng ảnh của chúng ta đã được chụp lấy và ghi chép từ trước. Những cảnh ngộ khó khăn trước mắt là do ai xếp đặt? Theo sự thật mà luận, những hình ảnh đã được ghi chép trong cuốn phim không phải là hành vi tư tưởng trước đây của chúng ta sao? Mọi người cũng không nên trách ai! Chỉ có im hơi lặng tiếng, vững vàng chắc chắn thận trọng trong sự kiểm điểm mỗi niệm tưởng, mỗi lời nói, mỗi hành vi, mỗi động tác trước mắt của chúng ta thì mới có những ảnh tượng trong cuốn phim được ghi chép sáng sủa của tương lai. Cho nên những triển vọng xa xôi của tương lai công lại cũng chỉ ở trong một niệm, một hành vi! Nhân đây: nếu hôm nay chúng ta phát nguyện niệm Phật, lễ Phật cầu sanh về Cực Lạc thì sẽ được Tâm Sở của chúng ta tiếp nhận. Thế là “Thế giới Cực Lạc” của tương lai đương nhiên sẽ hiển hiện ở nơi trước mắt của chúng ta! Đây cũng chính là đạo lý hiện thật của pháp môn Tịnh Độ!

2)- Từ “Hiện Lực” Hiểu Rõ Thật Nghĩa của “Sắc, Không”:

“Ba cõi duy tâm, muôn pháp duy thức”. Ngàn Kinh muôn Luận đều nói như thế. Như “Đại Thừa



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

3) Từ “Tỷ Lượng” Hiểu Rõ Thật Nghĩa của “Sắc, Không”:

Theo Đại Thừa Khởi Tín Luận trình bày: “Tất cả các pháp vì nương nơi vọng niệm mà có sai biệt, nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới”. Cũng chính là nói: Ngày thường tất cả hình sắc của sự vật như hình tướng dài ngắn, vuông tròn, đúng sai, lớn nhỏ v.v... của “Sắc” đều do nơi vọng niệm của chúng ta mà phát khởi. Giả sử đem những lời vọng niệm đây trừ khử đi tức thì năng lực của tâm năng biến liền xoay chuyển trở thành thanh tịnh và tất cả cảnh giới của tất cả thì cũng hoàn toàn không có. Đây chính là cảnh giới không của vật bị biến trở thành thanh tịnh. Như thế xin nói lại, chỉ cần đem vọng niệm loại bỏ đi thì tất cả thuộc về “Không”, gọi là cảnh giới Không. Nhưng trên thực tế, chúng ta rất khó tin tưởng rút bỏ được vọng niệm để thế giới trở thành Không. Nguyên do trước mắt chúng ta hoàn toàn không có hiện lượng thực tế để chứng minh, cho nên chỉ có từ trong tỷ lượng đi tìm cầu sự giải đáp. Như bài thơ nói rằng: “Chấm thượng phiến thời xuân mộng gian, hành tận Giang Nam số thiên lý”, (tạm dịch là: Thời gian mộng đẹp nằm trên gối, ngàn dặm vượt qua đến Giang Nam). Bài thơ này trình bày chúng ta đang ngủ trên giường bỗng nhiên mộng mơ phát khởi, liền xuất hiện các cảnh giới. Các cảnh giới đây hiện ra như thế nào? Chúng không phải là (vật bị biến) do tâm mộng (năng biến) vọng tưởng phát sanh sao? Tâm mộng đây nguyên là “Không”, phát khởi cảnh mộng liền hiện ra hình sắc! Sắc tướng trong mộng đây đương nhiên cũng đều là Không; chỉ cần đem cái vọng tưởng bỏ đi thì cảnh mộng liền lập tức tiêu mất. Cảnh giới ban ngày cũng giống đạo lý này: Tất cả pháp ban ngày (bao gồm con người, sự vật, v.v...) cũng thuộc về vật bị biến, đều nương nơi vọng niệm mà hiện khởi sai biệt. Vọng niệm đây tức là chỉ cho Tâm (Không), là căn nguyên hiện khởi sơn hà đại địa (Sắc). Tâm vọng niệm đây đích thực là chỉ cho sức năng biến; nếu như có thể lìa khỏi tâm vọng niệm sai biệt thì không có tướng của tất cả cảnh giới. Những nguyên lý đã trình bày trên về “Sắc tức là không, không tức là sắc” cũng có thể rõ ràng hơn!

VI. KẾT LUẬN:

Xin hỏi: “Sắc tức là không, không tức là sắc”, như vậy cái “Không” là gì? Ông bảo rằng nhân vật là không và nhân vật một phần là chẳng không; ông bảo rằng sơn hà đại địa là không và sơn hà đại địa một phần là chẳng không. Như thế cái Không là gì?

Đáp rằng: “Chứng Đạo Ca” nói: “Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên” (tạm dịch là: Trong mộng rõ ràng có sáu cõi, sau khi giác ngộ lý không thì không có đại Thiên). Đây chính là nói, ngay khi chúng ta chưa ngộ đạo rốt ráo, giống như mộng bị chi phối quả báo thiện ác trong sáu cõi (Trời, người, A Tu La, địa ngục, ngạ



Khởi Tín Luận” từng nói: “Tâm niệm pháp dị”. Tâm tức là chỉ cho tám Thức Tâm Vương, Niệm tức là chỉ cho các Tâm Sở, Pháp tức là chỉ cho các cảnh thiện ác. Ngài Thiển Tiên lại nói: Ý niệm không đồng chính là tâm, liền đối với hoàn cảnh cảm giác không giống nhau. Sao lại thấy được? Hôm nay dùng cảnh “Hiện Lượng” để chứng minh. Trường hợp như Đại sư La Thập, lúc 7 tuổi Ngài theo mẹ vào chùa lễ Phật. Ngài thấy trong điện Phật có một cái bát thật quá đẹp; Ngài liền cầm lấy bát ấy đội trên đầu để chơi. Bỗng nhiên trong thời gian ấy Ngài liền khởi lên một niệm nghĩ rằng: tuổi tôi quá nhỏ làm sao có thể vói tới và đỡ lên cái bát rất nặng? Ngài khi phát khởi một niệm nghĩ về vấn đề đó, liền dùng hai tay đỡ cái bát lên một lần nữa, nhưng cái bát ấy hoàn toàn không di động. Như vậy Ngài mới ngộ được đạo lý “Vạn pháp duy tâm”. Đúng ra tâm niệm của Ngài lúc bấy giờ cũng chưa ý thức được cái “bát” khi nào nặng khi nào nhẹ, cái bát không có vấn đề nặng nhẹ cho nên rất dễ dàng đỡ lên đầu để đội. Ngay lúc đó tâm niệm của Ngài để ý đến cái bát thì cái bát trở nên nặng và cái bát nặng có thể rút xuống đất. Vì thế phải thấy được rằng: cái bát không có vấn đề nặng nhẹ, mà chính là tâm có sai biệt nặng nhẹ động tĩnh. Đạo lý “Tâm niệm pháp dị” ở trên thì cũng giống như thế. Thêm nữa có một sự việc như sau: trước kia nước Cao Lê có một vị Pháp sư tên là Nguyên Hiểu. Pháp sư đến Trung Quốc tham học. Một đêm nọ, khi Pháp sư ngủ trên phần mộ, miệng của ngài lúc đó cảm giác rất khát nước; ánh sáng từ mặt trăng chiếu xuống khiến cho Pháp sư xem thấy nước trong khe hở chảy ra thanh khiết phi thường, liền dùng hai tay bưng nước lên uống, cảm giác được đạo vị đặc biệt thanh lương ngon miệng. Nhưng đến sáng ngày sau, cũng chính nơi đó Pháp sư mới thấy được nước thanh lương ngon ngọt của đêm hôm qua là phát nguồn từ trong phần mộ chảy ra, tâm của Pháp sư liền khởi lên buồn nôn và ói mửa. Nhân đây, Pháp sư liền ngộ được cảnh giới của “vạn pháp duy tâm”, nghĩa là tâm thanh tịnh thì nước thanh tịnh, tâm ô nhiễm thì nước ô nhiễm. Từ nguyên lý này chúng ta biết được: ai có thể đem ra cái Không của tất cả ngoại cảnh (sắc) ngay lúc đó tâm cảnh của họ hoàn toàn thanh tịnh! Tâm Không của năng biến và vật bị biến của ngoại cảnh khi cùng nhau hiện ra sắc tướng bình đẳng như một đây chính là “Sắc tức là không, không tức là sắc”!

quỳ, súc sanh). Nhưng quả báo của sáu cõi đều do tâm (bổn không) của chúng ta tạo ra thiện ác khổ lạc (huyền sắc). Từ ngày chưa giác ngộ trở về trước, tức là khi chưa chứng được lý “Không”, chỗ thọ khổ và khoái lạc mỗi loại luôn luôn rõ ràng như thế. Nào ai có thể biết được một cảnh mộng đẹp là gì? Nhưng ngay sau khi tỉnh giấc, tất cả của tất cả ngay lập tức tan ra mây khói không hình bóng không dấu tích, đấy tức là “Không”. Chúng ta vô tri vô giác ở trong sáu đường sanh sanh tử tử luân hồi thọ khổ không bao giờ chấm dứt; chúng ta chỉ cần một sớm được giác ngộ, biết rõ mộng giả hiện, đem tâm mộng trở lại không thì cùng “Sắc” của tâm mộng xen lẫn tiếp xúc, thì lập tức liền được chuyển hóa trở thành không. Sơn hà đại địa, nhân vật, v.v... (Sắc) của thế gian đây đều tiêu mất cũng giống nhau với mộng tỉnh và được một điểm là dấu vết cũng không có. Nên hỏi rằng cái “Không” là gì? Cái “Không” đây chính là không có tâm vọng tưởng phân biệt!

Thích Thắng Hoan dịch

(Nguyên bản đăng trong “Nguyệt San Trung Quốc Phật Giáo”, tập Hiệp Đính kỳ 4, quyển 3 thứ 17)

Thuyền Bát Nhã

*Lòng chày khi đã tịnh rồi
Chẳng còn vướng mắc cõi đời sân si
Tâm từ bi nẻo chánh đi
Như Lai diệu pháp huyền vi nhiệm mầu
CÓ KHÔNG trong cuộc bể dâu
Quán thân tự tại pháp mầu an nhiên
Tuệ khai tâm thoát muộn phiền
Con thuyền Bát Nhã đến miền Chân Như.*

XUÂN MAI



PHẬT AN CƯ KHÔNG TIẾP KHÁCH

Quảng Tánh

Một thời, Thế Tôn trú ở Icchànangala, tại khóm rừng ở Icchànangala. Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Ta muốn sống độc cư Thiền tịnh trong ba tháng, không tiếp một ai, trừ một người đem đồ ăn lại. Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Như vậy, không một ai đến viếng Thế Tôn, trừ một người đem đồ ăn lại.

Rồi Thế Tôn, sau khi ba tháng ấy đã mãn, từ chỗ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, gọi các Tỷ-kheo:

Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo đến hỏi các ông: “Với sự an trú nào, này chư Hiền, Samôn Gotama an trú nhiều trong mùa mưa?”. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Với định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này chư Hiền, Thế Tôn an trú nhiều trong các mùa mưa”.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, chánh niệm Ta thở vô, chánh niệm Ta thở ra.

Hay thở vô dài, Ta rõ biết: “Ta thở vô dài”. Hay thở ra dài, Ta rõ biết: “Ta thở ra dài”. Hay thở vô ngắn, Ta rõ biết: “Ta thở vô ngắn”. Hay thở ra ngắn, Ta rõ biết: “Ta thở ra ngắn”... “Quán từ bỏ, Ta thở vô”, Ta rõ biết như vậy. “Quán từ bỏ, Ta thở ra”, Ta rõ biết như vậy.

Này các Tỷ-kheo, ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú, đây là Phạm trú, đây là Như Lai trú; người ấy nói một cách chơn chánh, phải nói định niệm hơi thở vô, hơi thở ra là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú.

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thường an ổn khỏi các khổ ách; những vị ấy tu tập, làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, sẽ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc. Và này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đoạn tận các lậu hoặc, tu hành thành mãn, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát; những vị ấy tu tập, làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, ngay trong hiện tại, đưa đến lạc trú, chánh niệm tinh giác.

Này các Tỷ-kheo, ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú, đây là Phạm trú, đây là Như Lai trú; người ấy nói một cách chơn chánh, phải nói định niệm hơi thở vô, hơi thở ra là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú.

(Kinh Tương Ưng Bộ V, chương 10, phẩm 2, phần Icchànangala)

SUY NGHIỆM:

Thời Thế Tôn tại thế, Ngài rất chú trọng đến phận sự an cư mùa mưa của chư Tăng. Đặc biệt nhất là trong ba tháng mùa mưa ở rừng Icchànangala, Ngài đã nhập thất và quyết định “không tiếp một ai”, trừ vị thị giả mang cơm nước cho Ngài.

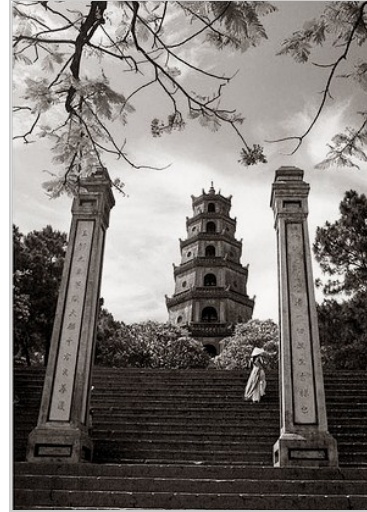
Vậy thì Thế Tôn nhập thất an cư để làm gì? Ngài chỉ an trú “với định niệm hơi thở vô, hơi thở ra...”. Ngài đã làm một việc rất bình thường, đó là thực hành chi-quán của thiền Tứ niệm xứ. Rõ ràng Đức Phật là bậc đã giác ngộ thì chắc chắn “những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí, giải thoát” nhưng Ngài vẫn an cư và tọa thiền miên mật như chúng Tăng hẳn phải có nguyên nhân.

Một mặt, Ngài khẳng định rằng tu tập thiền Tứ niệm xứ sẽ “làm cho sung mãn định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, sẽ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc”. Đây là pháp môn căn bản, là con đường thẳng để đi đến thành tựu giải thoát, Niết-bàn mà các “bậc hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách” như chúng ta phải nương theo, hành trì, nhất là trong ba tháng an cư kiết hạ.

Mặt khác, “định niệm hơi thở vô, hơi thở ra là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú”. Nghĩa là từ các bậc Thánh vô học trở lên, tuy đã đoạn tận phiền não và giải thoát hoàn toàn nhưng vẫn an trú trong “định niệm hơi thở” để nuôi dưỡng thân tâm an lạc. Như vậy, Như Lai và các bậc Thánh La hán mà còn an trú trong “định niệm hơi thở”, hà huống là phàm tình như chúng ta.

Ấn tượng nhất vẫn là Phật an cư không tiếp khách. Sự “không tiếp một ai” và “không một ai đến viếng Thế Tôn” trong mùa an cư của Đức Phật là bài học cảnh tỉnh cho những người xuất gia vì bọn bề Phật sự mà không thể thực hành phận sự an cư và cả những hành giả tuy có từng chúng an cư nhưng lại quá bận rộn, trong các đạo tràng an cư kiết hạ hiện nay.

(www.thichquangtanh.com)



Huế

*Vàng son nghiệp để đâu còn nữa
Thế kỷ gian truân đã đổi dời
Cổ lâu rêu đá phai nguyệt bạch
Kim đài hồn phách nhập quân vương.*

*Bốn phương kiếm toả màu u tịch
Thẻ xương phơi trắng Thượng Tứ môn
Đường Phụng Bay rời câu ca cũ
Gian bếp, mâm đồng, khung cửu thô.*

*Cúi nhìn đá sỏi, truy tung tích
Bốn phía uy nghi lẫm miếu thiêng
Hương Giang rơi vào tay như lệ
Thuyền xuôi bờ cây xanh triền miên.*

*Lâm lũ một mình lên cổ mộ
Nặng tràn qua khung cửa mở toang
Trong ngọn gió lửa bay ngào ngạt
Tháp thoáng như là bóng tiền nhân*

*Chiều ghé chân buồn qua Thiên Mục
Chạm nếp thơm thiền áo tiểu tăng
Ngân ngơ hồn phách lên phương phật
Chuông lay hồi tỉnh nắng xa gần.*

GIÓ THẢO NGUYÊN

LỄ KHAI GIẢNG KHÓA AN CƯ KIẾT HẠ TẠI CHÙA BÁT NHÃ SANTA ANA, CALIFORNIA, NGÀY 19.6.2012



**LỄ KHAI GIẢNG KHÓA AN CƯ KIẾT HẠ TẠI CHÙA BÁT NHÃ
SANTA ANA, CALIFORNIA, NGÀY 19.6.2012**



TỈNH NGHIỆP ĐẠO TRÀNG AN CƯ



Photos: Kim Anh

LUẬN NGŨ UẨN

Nguyên tác: **Tôn giả Thế Thân** (Acarya Vasubandhu)

Hán dịch: **Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng**

Việt dịch: **Tỳ khưu Tâm Hạnh**

Đức Thế Tôn nói về Ngũ uẩn: Sắc uẩn; Thọ uẩn; Tưởng uẩn; Hành uẩn; Thức uẩn.

Sắc uẩn là gì? Là bốn đại chủng (1) và những sắc (2) do bốn đại chủng tạo thành.

Bốn Đại chủng là gì? Là Địa giới (3), Thủy giới, Hoả giới, Phong giới.

Địa giới là gì? Là thành tố cứng rắn, mềm mại. Thủy giới là gì? Là thành tố ẩm ướt và liên tục kết dính. Hoả giới là gì? Là thành tố nhiệt độ như nóng, lạnh... Phong giới là gì? Là thành tố nhẹ, vừa và lưu chuyển.

Các sắc do bốn đại chủng tạo thành (dựa trên 4 yếu tố mà được thành hình - Tứ đại sở tạo) là gì? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần và một phần của xúc trần và vô biểu sắc v.v...

Nhãn căn là gì? Là tịnh sắc lấy sắc trần làm đối tượng. Nhĩ căn là gì? Là tịnh sắc lấy thanh trần làm đối tượng. Tỷ căn là gì? Là tịnh sắc lấy hương trần làm đối tượng. Thiệt căn là gì? Là tịnh sắc lấy vị trần làm đối tượng. Thân căn là gì? Là tịnh sắc lấy xúc trần được tạo ra làm đối tượng. Sắc trần là gì? Là đối tượng của mắt, như hiển sắc (4), hình sắc và biểu sắc (5). Thanh trần là gì? Là đối tượng của tai, gồm những âm thanh do chấp thọ đại chủng làm nhân (6), âm thanh do phi chấp thọ đại chủng làm nhân (7), âm thanh do cả hai loại trên làm nhân. Hương trần là gì? Là đối tượng của mũi như mùi thơm, mùi hôi và các loại mùi khác. Vị trần là gì? Là đối tượng của lưỡi như các vị ngọt, bùi, chua, cay, đắng và nhạt.

Một phần của xúc trần là gì? Là đối tượng của thân, trừ 4 đại chủng năng tạo ra, tức là những xúc trần còn lại như tính chất trơn, rít, nặng, nhẹ, lạnh, nóng, đói, khát v.v...

Vô biểu sắc là gì? Là những sắc được sinh ra do biểu nghiệp hay định, không thấy và không có sự đối đãi.

Thọ uẩn là gì? Là 3 loại cảm thọ: khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Lạc thọ là những cảm giác dễ chịu, khi nó mất đi thì chúng ta muốn nó có lại; khổ thọ là cảm giác khó chịu, khi nó đến với ta thì ta không thích và muốn nó mất đi; bất khổ bất lạc là

cảm giác không thuộc về 2 trường hợp trên.

Tưởng uẩn là gì? Là nắm giữ các tướng (8) của đối tượng.

Hành uẩn là gì? Trừ thọ uẩn và tưởng uẩn ra, là các tâm sở còn lại và tâm bất tương ưng hành pháp.

Tâm sở (9) là gì? Đó là các tâm sở cùng tương ưng với tâm vương. Các tâm sở này gồm:

- 5 biến hành: Xúc, tác, thọ, tưởng, tư;
- 5 biệt cảnh: Dục, thẳng giải, niệm, định, tuệ;
- 11 thiện: Tín, tầm, quý, vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, khinh an, bất phóng dật, xả, bất hại;
- 6 phiền não: Tham, sân, mạn, si, kiến, nghi;

- 20 tùy phiền não: Phẫn, hận, phú, não, tật, san, cuống, siểm, kiêu, hại, vô tầm, vô quý, hôn trầm, trạo, bất tín, giải đãi, phóng dật, vọng niệm, tán loạn, bất chánh tri; và
- 4 bất định: ố tác (hối), thuy miên, tầm, tư.

Xúc là gì? Là sự hoà hợp của 3 pháp (10), tính của nó là phân biệt.

Tác ý là gì? Là có tính năng làm cho tâm phát sinh sự hiểu biết.

Tư là gì? Là đối với công đức và lỗi lầm hay ngược lại với 2 trường hợp trên, khiến cho tâm tạo tác, tính của nó là ý nghiệp.

Dục là gì? Là đối với việc mình ưa thích, tính của nó là hi vọng.

Thẳng giải là gì? Tính năng của nó là xác định, đối với việc đã quyết định thì dứt khoát đúng như thế.

Niệm là gì? Tính năng của nó ghi nhận rõ sự việc mình đã từng trải qua khiến cho tâm không quên.

Định là gì? Tính của nó là không tán loạn đối với sự việc chúng ta đang quan sát khiến cho tâm và cảnh trở thành một.

Tuệ là gì? Có tính năng trạch pháp, đối với đối tượng được nhận thức theo như lý, hoặc phi lý, hoặc không thuộc như lý cũng không thuộc phi lý.

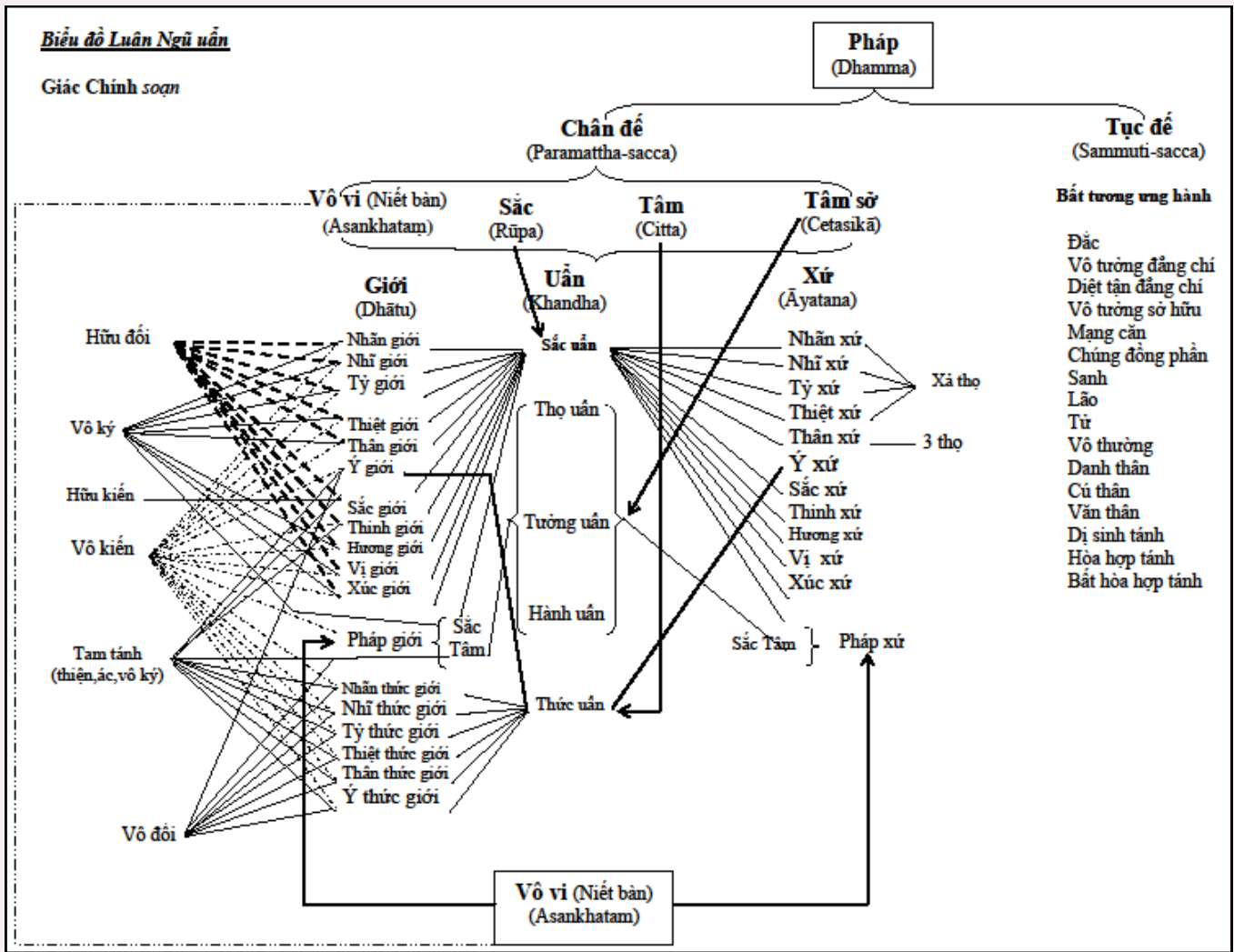
Tín là gì? Có tính năng làm cho tâm mình thanh tịnh phù hợp một cách chính xác với các Nghiệp, Thánh Quả, Tứ Đế và Tam Bảo.

Tâm là gì? Là tâm sở, tính của nó là nhờ vào thế lực của tự thân và năng lực của pháp (11) làm cho mình hổ thẹn với lỗi của mình.

Quý là gì? Là tâm sở, tính của nó làm cho mình sợ hãi trước thế lực của thế gian về lỗi của mình tạo ra.



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC



Vô tham là gì? Là tính của nó rất nhàm chán, không lệ thuộc, đối trị với tâm tham.

Vô sân là gì? Tính của nó là Từ để đối trị tâm sân.

Vô si là gì? Tính chất của nó là nhận thức đúng như thật theo đối tượng, nó đối trị tâm si.

Tinh tiến là gì? Tính của nó là khiến cho tâm dừng mãnh trong các phẩm thiện, nó đối trị giải đãi.

Khinh an là gì? Tính của nó là làm cho thân tâm được điều hoà dễ chịu, nó đối trị sự thô cứng, nặng nề.

Bất phóng dật là gì? Tính của nó là đối trị phóng dật, nghĩa là từ vô tham, vô sân, vô si, cho đến tinh tấn đều nương vào tâm sở bất phóng dật này để từ bỏ các pháp bất thiện, và tu tập pháp thiện để đối trị phóng dật.

Xả là gì? Tức không tham, cho đến tinh tấn vì nương vào đây nên đạt được tính bình đẳng của tâm, tính chân trực của tâm, tính không có công dụng (12) của tâm, nhờ đây mà loại trừ được những pháp nhiễm ô và an trụ trong pháp không nhiễm.

Bất hại là gì? Nghĩa là đối trị với hại, lấy Bi làm tính.

Tham (13) là gì? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, ham mê đắm chấp làm tính.

Sân (14) là gì? Nghĩa là đối với loài hữu tình ưa tổn hại làm tính.

Mạn (15) là gì? Có bảy loại:mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ty mạn tà mạn.

Thế nào là Mạn? Nghĩa là đối với những điều họ kém thua mình thì cho mình là hơn, hoặc họ bằng mình thì cho mình bằng, tính của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Quá mạn? Nghĩa là đối với những điều họ bằng mình mà cho mình hơn, hoặc họ hơn mình mà cho là mình bằng, tính của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Mạn quá mạn? Nghĩa là người ta hơn mình mà mình cho rằng mình hơn họ, tính chất của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Ngã mạn? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn tùy theo quan điểm cho là ngã hoặc ngã sở, tính chất của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Tăng thượng mạn? Trong sự chứng đắc pháp thù thắng tăng thượng, mình chưa chứng cho là đã chứng, tính chất của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Ty mạn? Nghĩa là người ta hơn mình nhiều phần mà mình cho rằng mình cũng được phần nào, tính của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Tà mạn? Nghĩa là mình thật sự không

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

tìm cách bao che bằng tâm quanh co.

Thế nào là kiêu? Là tính của tâm dựa vào việc thịnh vượng của mình rồi tham đắm mà tự cao.

Thế nào là hại? Là tính chất làm tổn hại các loài hữu tình.

Vô tầm là gì? Là tính chất không tự xấu hổ đối với những lỗi mình làm.

Vô quý là gì? Là tính chất không cảm thấy xấu hổ, sợ hãi với người khác đối với những lỗi đã làm.

Hôn trầm là gì? Là tính chất không tinh táo, không chịu đựng, thường mê muội của tâm.

Điệu cử là gì? Là tính chất không tĩnh lặng của tâm.

Bất tín là gì? Là đối nghịch với tín, không tin đúng dẫn đến với nghiệp quả v.v... lấy tâm bất tịnh làm tánh.

Giải đãi là gì? Là đối nghịch với tinh tấn. Có tánh không mạnh dạn để làm các pháp thiện.

Phóng dật là gì? Là tánh do tham, sân, si, biếng nhác mà tâm không thể tu tập đối với các điều lành; không phòng hộ đối với các phiền não.

Thất niệm là gì? Là tánh của niệm bị nhiễm ô, ghi nhớ không rõ ràng đối với các pháp thiện.

Tán loạn là gì? Là tánh do tham, sân, si chi phối làm tâm phân tán.

Bất chánh tri là gì? Là tánh của những hành động của thân, khẩu, ý trong hiện tại không y cứ vào sự hiểu biết đúng.

Ổ tác là gì? Là tính chất tâm không ổn định vì hồi hán.

Thùy miên là gì? Là tính chất tâm không tự chủ chuyển thành rất mê muội.

có đức mà cho là đã có, tính của nó là tâm kiêu ngạo.

Vô minh là gì? Nghĩa là đặc tính của nó là không có trí tuệ đối với Nghiệp, Bốn quả, Bốn Thánh đế và Tam Bảo. Nó có hai loại, phát sinh do: thứ nhất là câu sinh; thứ hai là phân biệt. Lại có dục lệ thuộc tham và sân, dục lệ thuộc vô minh (16) gọi là ba bất thiện căn. Ba bất thiện căn bao gồm bất thiện căn tham, bất thiện căn sân và bất thiện căn si.

Kiến là gì? Gồm có năm kiến (17): Thân kiến, Biên chấp kiến, Tà kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ.

Thân kiến nghĩa là đối với năm thủ uẩn, tùy theo quan điểm cho đó là ta, là cái của ta. Đặc tính của nó là làm cho trí tuệ bị nhiễm ô.

Biên chấp kiến nghĩa là do sức mạnh của Thân kiến tăng trưởng nên tùy theo quan điểm mà cho là thường hay đoạn. Đặc tính của nó là làm cho trí tuệ bị nhiễm ô.

Tà kiến có nghĩa là không tin hiểu vào nhân, không tin hiểu vào quả, hoặc phi báng tác dụng, hoặc phá hoại việc lành. Đặc tính của nó là làm cho trí tuệ bị nhiễm ô.

Kiến thủ nghĩa là đối với ba kiến trên và các uẩn làm nơi nương tựa của chúng, tùy theo cách nhìn mà chấp nó là bậc nhất, là trên hết, là hơn hết, là cùng cực. Đặc tính của nó là làm cho trí tuệ bị nhiễm ô.

Giới cấm thủ là gì? Là đối với giới cấm và nương vào các uẩn kia tùy theo nhận thức mà cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xa lìa, lấy nhiễm ô tuệ làm tánh.

Thế nào là nghi? Là tánh do dự, phân vân đối với các sự thật.

Trong các phiền não, ba kiến sau và nghi chỉ phát khởi do phân biệt; còn lại thì phát khởi thông cả câu sanh và phân biệt.

Thế nào là phần? Là tánh chất khi gặp những việc đang xảy ra không có lợi cho mình thì sanh tâm phiền muộn.

Thế nào là hận? Là tính kết oán không chịu bỏ.

Thế nào là phú? Là tính che giấu tội lỗi của mình.

Thế nào là nã? Là tính chất oán giận phát ra lời hung ác, bần thù.

Thế nào là tật? Là tính đối với việc thành công của người khác sanh tâm ganh ghét.

Thế nào là xan? Là tính của tâm tiếc của trái với sự bố thí.

Thế nào là cuống? Là tính đối người bằng những việc không thật.

Thế nào là siểm? Là tính che giấu lỗi của mình,

Sen và Bùn

... Gắn bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn
Ca dao Việt Nam

*Không bùn, không có sen hồng,
Ta tìm Tịnh Độ từ trong Ta Bà.
Không có rác, không có hoa,
Không dơ, không sạch, rác hoa một nguồn.*

CHÂN MINH TRÍ



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Tâm là gì? Là tánh năng tìm cầu (đối tượng) theo khái niệm do phân biệt khác nhau bằng tư và tuệ khiến cho tâm thô làm tánh.

Tứ là gì? Là tánh năng dò xét (đối tượng) theo khái niệm (ý ngôn) do phân biệt khác nhau bằng tư và tuệ khiến cho tâm vi tế làm tánh.

Bất tương ưng hành pháp là gì?

Là dựa vào những phần vị khác nhau của sắc, tâm và tâm sở, chỉ là giả đặt ra, thực chất nó không hoạt động, để xác định tính giống hay khác. Nó là gì? Là Đắc, Vô tướng đẳng chí (18), Diệt tận đẳng chí, Vô tướng sở hữu, Mạng căn, Chúng đồng phận, Sinh, Lão, Tử, Vô thường, Danh thân, Cú thân, Văn thân, Dị sinh tính v.v...

Đắc là gì? Là thu hoạch hoặc thành tựu. Ở đây có ba loại: Chúng tử, tự tại và hiện tiền, tùy theo trường hợp của nó.

Vô tướng đẳng chí là gì? Đã xa lìa được tham ở cõi trời Biến tịnh, nhưng vẫn chưa lìa tham ở các tầng trời trên. Đã xa lìa được tướng, trước tiên tác ý, đối với các Tâm và Tâm sở không hiện hành, đều diệt (19).

Diệt tận đẳng chí là gì? Đã lìa được tham ở vô sở hữu xứ. Từ cõi thứ nhất (chỉ cho Vô sắc giới) mong cầu tiến lên, do đã dứt trừ được tướng, trước tiên tác ý, đối với các Tâm và Tâm sở không hiện hành, hoặc chỉ hiện hành một phần, đều diệt.

Vô tướng sở hữu là gì? Là quả của Vô tướng đẳng chí đã đạt được. Hữu tình sinh trong cõi trời Vô tướng thì tính của nó là những Tâm và Tâm sở không hiện hành, đều diệt hết.

Mạng căn là gì? Là trong Chúng đồng phận bị các nghiệp trước (tiền sử) đưa đến, tính chất của nó là quyết định thời gian tồn tại.

Chúng đồng phận là gì? Là các loài hữu tình, tự mỗi loài có đặc điểm giống nhau.

Sinh là gì? Là trong Chúng đồng phận, đặc tính là sự trước không, nay có của các pháp hữu vi.

Lão là gì? Là trong sự tương tục các hành như vậy, đặc tính của nó là biến đổi khác đi.

Trụ là gì? là trong sự tương tục của các hành như vậy, đặc tính của nó là dựa vào để chuyển biến.

Vô thường là gì? Là trong sự tương tục các hành, đặc tính của nó là hoại diệt.

Danh thân là gì? Đặc tính của nó là từ ngữ khái niệm về tự tánh của các pháp.

Cú thân là gì? Đặc tính của nó là câu (văn) khái niệm về sự khác nhau của các pháp.

Văn thân là gì? Là những chữ cái. Nhờ có chữ cái mà nó có thể hiện tính chất của hai loại trên. Cũng gọi là "hiển", do làm chỗ sở y cho danh thân và cú thân để làm rõ nghĩa; còn gọi là "tự", vì không do sự sai biệt của danh và cú mà làm nó bị biến đổi.

Dị sinh tính là gì? Đặc tính của nó là chưa đắc được các pháp của bậc thánh (chỉ cho phàm phu).

Các loại như vậy, đến đây đã nói xong về Hành uẩn.

Thức uẩn là gì? Đặc tính của nó là phân biệt đối tượng, cũng gọi là tâm ý, do có tính chất tích tập (gom chứa), thuộc về ý.

Tâm tối thắng là gì? Là thức A-lại-da. Vì sao



vậy? Do thức này gom chứa các pháp hữu vi. Lại hành tướng hoạt động của thức này không thể phân biệt, trước sau một loại tương tục tùy chuyển. Lại do nó mà các Diệt tận đẳng chí, Vô tướng đẳng chí, Vô tướng sở hữu sinh khởi; thức biết rõ cảnh giới còn gọi là các chuyển thức phát sanh lại, vì nương vào sở duyên duyên (duyên của đối tượng, như nhờ lá lay động mà biết gió thổi) làm chuyển biến khác nhau, nên sinh diệt tương tục phát sinh trở lại, làm cho sanh tử lưu chuyển xoay vần.

A-lại-da thức là gì? Bao gồm chứa đựng tất cả chủng tử, cũng bao gồm tướng ngã mạn. Lại còn duyên với thân làm cảnh, thì đây là cũng gọi là A-đà-na thức, có thể giữ gìn lấy thân.

Y tối thắng (Mạt na) là gì?

Nghĩa là duyên A-lại-da thức làm cảnh, là thức luôn luôn tương ứng với ngã si, ngã kiến, ngã mạn và ngã ái..., trước sau một loại tương tục với nhau, ngoại trừ quả vị La-hán, quả vị Thánh đạo, Diệt tận đẳng chí đang hiện tiền.

Hỏi: Tại sao gọi là uẩn?

Đáp: Vì bản chất của nó là tích tụ nên gọi là uẩn; nghĩa là bao gồm phần chung và phần riêng của những sắc, thọ v.v... sai khác nhau của loại hữu tình trong các cảnh giới tương tục ở thế gian.

Lại có mười hai xứ: Nhãn xứ, sắc xứ; nhĩ xứ, thanh xứ; tỷ xứ, hương xứ; thiệt xứ, vị xứ v.v... Các xứ này đã giải thích ở trước. Xúc xứ là bốn đại và một phần của xúc như đã nói ở trước. Ý xứ chính là thức uẩn. Pháp xứ là thọ uẩn, tướng uẩn, hành uẩn, vô biểu sắc và cùng với vô vi.

Vô vi là gì? Hư không vô vi, Phi trạch diệt vô vi, Trạch diệt vô vi và Chân như vô vi.

Hư không vô vi là gì? Nó dung chứa tất cả các sắc.

Phi trạch diệt vô vi là gì? Nghĩa là diệt mà không do trí tuệ ly hệ. Nghĩa là không do đối trị phiền não mà các uẩn hoàn toàn không sanh khởi.

Trạch diệt vô vi là gì? Là diệt bằng ly hệ. Nghĩa là do đối trị phiền não nên các uẩn không thể nào sanh khởi.

Chơn như vô vi là gì? Đó là pháp tánh của các pháp, tánh vô ngã của các pháp.

Xứ nghĩa là gì? Nơi phát sinh các thức, là ý nghĩa của xứ.

Lại có mười tám giới: Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới,

hương giới, tỷ thức giới; thiết giới, vị giới, thiết thức giới; thân giới xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới và ý thức giới. Các giới như nhãn giới v.v... và các giới như sắc giới v.v... như đã nói trong xứ.

Ý Thức giới thứ sáu là gì? Nghĩa là dựa vào nhãn căn v.v... tiếp xúc với sắc trần v.v... phân biệt rõ ràng để làm tinh (pháp trần). Nói ý giới là nói các thức kia tuy diệt, nhưng không ngừng gián đoạn (ý căn), để hiển bày thức thứ sáu (ý thức) và kiến lập rộng ra mười tám giới. Như vậy sắc uẩn tức là mười giới, mười xứ (20), một phần pháp giới, pháp xứ (21). thức uẩn, là ý xứ (22), hay là bảy tâm giới (23); ba uẩn còn lại và một phần sắc uẩn, cùng các vô vi thuộc pháp xứ, pháp giới.

Giới là gì? Giữ gìn tánh đặc trưng, theo tướng trạng từng loại gọi là giới.

Tại sao phải nói đến uẩn, xứ, giới?

Vì muốn đối trị ba loại ngã chấp. Thứ tự ba loại ngã chấp như sau: 1. Tánh ngã chấp; 2. Thọ giả ngã chấp; 3. Tác giả ngã chấp (24).

Lại nữa, trong mười tám giới có bao nhiêu giới thuộc hữu sắc? Mười giới và một phần nhỏ (25), tức là Tự tánh sắc uẩn.

Có bao nhiêu giới thuộc về vô sắc? Các giới còn lại.

Có bao nhiêu giới thuộc về hữu kiến (26)? Có một là sắc giới.

Có bao nhiêu giới thuộc về vô kiến? Những giới còn lại.

Có bao nhiêu giới thuộc về hữu đối? Mười giới thuộc sắc (27), vì (căn) này có sự chướng ngại đối với (trần) kia nên gọi là hữu đối.

Có bao nhiêu giới thuộc về vô đối? Những giới còn lại.

Có bao nhiêu giới thuộc về hữu lậu? Có mười lăm giới và một phần nhỏ của ba giới sau (28), vì ở đó khởi phiền não, và hiện hành.

Có bao nhiêu giới thuộc về vô lậu? Ba phần nhỏ ở sau.

Có bao nhiêu giới thuộc về dục giới? Có 18 giới đều thuộc về dục giới.



Có bao nhiêu giới thuộc về sắc giới? Có mười bốn giới thuộc về sắc giới, trừ các giới như hương giới, vị giới, tỷ thức giới, thiết thức giới. (29)

Có bao nhiêu giới thuộc về vô sắc giới? Ba giới sau cùng (gồm ý căn giới, pháp giới và ý thức giới).

Có bao nhiêu giới không thuộc về ba cõi? Là những giới thuộc vô lậu.

Có bao nhiêu giới thuộc uẩn? Tất cả, trừ vô vi.

Có bao nhiêu giới thuộc thủ uẩn? Là hữu lậu.

Có bao nhiêu giới thuộc về thiện, bất thiện, vô ký? Là mười giới thông ba loại, là bảy tâm giới và sắc giới, tinh giới, pháp giới; tám giới còn lại thuộc vô ký.

Có bao nhiêu giới thuộc về nội giới? Đó là mười hai giới, trừ sắc giới, tinh giới, hương giới, vị giới, xúc giới và pháp giới.

Có bao nhiêu giới thuộc về ngoại giới? Đó là sáu giới vừa trừ ra.

Có bao nhiêu giới (hiện hành) cần có duyên? Là bảy tâm giới và tâm sở hữu pháp thuộc về một phần pháp giới.

Có bao nhiêu giới (hiện hành) không cần duyên? Là mười giới còn lại và một phần pháp giới.

Có bao nhiêu giới có khả năng phân biệt? Đó là ý giới, ý thức giới và một phần pháp giới.

Có bao nhiêu giới thuộc chấp thọ? Đó là năm (căn thuộc) nội giới và một phần của bốn giới: sắc, hương, vị, xúc thuộc ngoại giới.

Có bao nhiêu giới phi chấp thọ? Chín giới còn lại (30) và một phần của bốn giới (vừa kể trên).

Có bao nhiêu giới đồng phận? Như là năm giới thuộc sắc ở trong. Vì chúng và thức của chúng có cùng cảnh giới.

Có bao nhiêu giới bị đồng phận? Tự mỗi thức không phải đồng phần (bị). Tùy theo không gian và thời gian mà đồng loại với đồng phần (nên gọi là bị đồng phần).

Chú thích:

1. Bốn đại chủng: Bốn thành tố năng tạo. Đại: Bao trùm tất cả; Chủng: Hạt giống, thành tố sinh ra vật chất. Bốn đại chủng là bốn thành tố sinh ra tất cả vật chất.

2. Sắc (Rupa): Hoại và ngại (có tính chất băng hoại và chướng ngại / chướng ngại)

3. Giới (Dhatu): Phần vị, khu vực, lĩnh vực, phạm trù, phần đặc trưng...

4. Hiển sắc (varna-rupa): Màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, ánh sáng, cái bóng, sáng, tối, khói, mây, bụi, sương mù, hư không v.v... Hình sắc: Hình dạng như dài, ngắn, tròn, vuông, thô, tế, cao, thấp, ngay, cong v.v... Tức là ta có thể định vị (samsthana) được.

5. Biểu sắc (vijñapti-rupa): Sự cử động, hay hình dáng hoạt động hiện rõ như nằm, buông, co, duỗi, đi, đứng, ngồi, nằm v.v... (PQĐTĐ, Tr 506b, dòng 6 từ phải sang).

6. Chấp thọ đại chủng (upatta-mahabhuta-hetuka - chấp thọ đại chủng vi nhn): Phần vật chất tiếp thu và giữ lấy cảm giác làm nhân: thân thể loài hữu tình.

7. Phi chấp thọ đại chủng (nopatta-mahabhuta): Phần vật lý của loài vô tình

8. Tướng (laksana): Hiện tượng của đối tượng trong hiện tại được nhận thức bằng khái niệm.

9. Tâm sở (caitta): Những tâm lý phụ, phát sinh từ tâm vương, đồng sanh, đồng diệt, đồng căn, đồng cảnh với tâm vương. (tâm sở là chi phần, tâm vương là tổng thể)

10. Ba pháp: Căn, trần và thức

11. Năng lực của tự thân: Lòng tự trọng của con người, tự mặc cố. Năng lực của pháp: Nhờ vào pháp, luật v.v... xấu hổ với mình khi phạm lỗi.

12. Không có công dụng: Đạt được kết quả mà không lệ thuộc, không bị thối lui.

13. Lobha (tham) từ ngữ căn "Ludh" nghĩa là ôm ấp, bủn rủn. Khi nào cơ vật gì tốt đẹp thời tham tâm khởi lên.

14. Dosa (sân) từ ngữ căn "dus" nghĩa là phật ý, không bằng lòng.

15. Mana (mạn) từ ngữ căn "man" nghĩa là suy nghĩ, kiêu ngạo, tự đắc tự đại. (Thăng Pháp Tập Yếu Luận, tập I tr.36-37 – HT Minh Châu dịch và chú)

16. Vô minh là phạm phu bị lệ thuộc bởi tham, sân, si nên không có trí tuệ để nhận biết nhân duyên nghiệp báo, không tin bốn Thánh quả, không thực hành bốn đế và không tin vào Tam Bảo.

17. Năm kiến này được gọi là năm bất chánh kiến vì bản chất của nó là làm cho trí tuệ bị nhiễm ô. Thân kiến gồm có 20 thứ, cho rằng sắc này là ta, ta là sắc, sắc thuộc ta, ta thuộc sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, cộng lại thành 20 kiến chấp. Biên kiến là chấp một phía, cho rằng thế giới này là thường còn nên gọi là thường kiến, hoặc chấp sau khi chết là hết nên gọi là đoạn kiến. Tà kiến là không hiểu nhân quả, cho chủ trương của mình, việc làm của mình hay tôn giáo mình v.v... là đúng nhưng trên thực tế thì sai, làm những việc xấu ác mà cho là thiện, là tốt. Kiến thủ là cho rằng Ta, Cái của ta v.v... là trên hết, là bậc nhất, là cùng cực nên gọi là kiến thủ.

18. Đẳng chí: Tức là trạng thái nhập định, 1 trạng thái quân bình thân tâm trong khi nhập Thiền định.

19. Các Tâm và Tâm sở đi theo có hai trạng thái, hiện hành và không hiện hành. Dòng tâm A-lại-da thì không hiện hành, nhưng bảy tâm giới thì hiện hành. (Xem A lại da phần 18 giới ở sau)

20. Mười xứ: (Ayatana) Ở đây là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; sắc, thanh, hương, vị và xúc xứ. Mười giới (Dhatu) tên gọi cũng như thế, chỉ đổi chữ "xứ" thành chữ "giới" mà thôi.

21. Pháp xứ (dharma-sthana): Một trong mười hai xứ, là đối tượng của ý căn.

22. Ý xứ (mana-sthana): Một trong mười hai xứ, tức tâm vương, trong ngũ uẩn nó là thức uẩn, trong mười tám giới nó là tâm giới thứ bảy. Ý xứ này có khả năng làm cho tâm và tâm sở sinh trưởng.

23. Bảy tâm giới: Trong mười tám giới, sáu thức: Nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức, lại thêm ý căn nữa là thành bảy.

24. 1. Có cái ngã độc lập; 2. Có cái ngã nhận biết; 3. Có cái ngã hành động.

25. Một phần nhỏ là một phần pháp giới thuộc sắc.

26. Hữu kiến là thấy được. Chỉ cho sắc cảnh.

27. Mười giới này được bao hàm trong sắc uẩn được nói là hữu đối.

28. Trong mười tám giới, ý căn giới, pháp giới và ý thức giới thông cả hữu lậu và vô lậu. Ngoài ra năm căn, năm cảnh và năm thức còn lại chỉ là hữu lậu.

29. Hữu tình ở sắc giới không ăn bằng thức ăn như ở cõi dục, nên về phương diện ăn uống không còn có hai cảnh sở duyên là hương trần và vị trần, hai thức năng duyên là tỷ thức và thiệt thức. Tuy nhiên, dù cõi này không có hai thức, nhưng không phải là không có hai căn. Do luyện ái sáu căn nên nương vào nội thân mà phát sinh, chỉ không nương vào ngoại cảnh để hiện khởi.

30. Bảy tâm giới, pháp giới, thanh giới.

thơ



Khởi mê

Này em

khởi thuốc dày mê,

Hơi vào cõi mộng,

Hơi về chân như.

Bao giờ em hết ôn nhu

Tim anh sẽ ủ những ngày gương trong

Bao giờ em nói tiếng không

Điếu châm anh lại mỗi hong

Cõi người.

Đến Lộ Uyển, lạc đường, nghe Hoa-kinh

Loanh quanh ở chốn bụi hồng

Lạc đường trời đất gọi lòng gió mây

Núi non giục thả thơ bay

Hoa kinh rót nhẹ, chuông lay chiều vàng

Bao giờ mức ánh trăng tan

Vỡ trên sóng biển thấy chàng mai sau

Bao giờ kết lưới để châu

Hoa xưa lấp lánh chiếu màu-mười-phương

Bao giờ hơi thở bình an

Mắt thương nhìn cuộc trăng tàn biển dâu

Bao giờ ta lại tìm nhau

Dở trang bôi điệp hong màu mắt môi

Bao giờ lá rụng chân đôi

Nhật lên thấy lại nụ cười chân phương

Bao giờ gom hết yêu thương

Tình hoa tỉnh tọa ngát hương gọi mời

Bao giờ hoa cũng là người

Cánh quỳnh vui nở những lời sa-di

Đường về là bước đường đi

Quay đầu thấy bến. Biển mê cõi nào?

VÕ QUỲNH UYỂN



HẠ THƯƠNG

Hè về ve gọi râm rạn
Phải chăng chịu nắng, thở than đêm ngày?
Hè về xác phượng tung bay
Vấn vương nơi cội, tiếc ngày tháng xanh...
Nỗi buồn nặng tuổi học sinh
Xa Thầy, xa bạn, một mình nhớ thương.
Hạ nay, Ta tưu Đạo Trường
Bốn phương câu hội, niềm thương dạt dào,
Khép mình trong Giới thanh cao
Miệt mài tinh tấn, dôi trao tu trì.
Thuở xưa Đức Phật Mu-ni
Hoàng dương Giáo Pháp không đi mùa này.
Tì Bi diệu ý cao sâu
Không cho giẫm đạp lên đầu chúng sanh.
Mùa này sinh sản tăng nhanh
Côn trùng chật đất, du hành làm sao?
An cư được chế định vào
Phật không bỏ sót Hạ nào từ đây.
Nay con kẻ cận Quý Thầy
Già Lam bóng mát, hàng cây Bồ Đề.
Dấn mình trong chốn đam mê
Phong sương đã lấm, não nề vô biên...
Quay về nương tựa thắng duyên
Vào trong cửa Tịnh, lia miền trần ô.
Hòa trong thời khóa: “nam mô”
Voi niềm tục lụy, chôi Bồ Đề sanh.
Tháng ngày lưu lạc lữ hành
Mình con trụ xứ, bao quanh duyên trần.
Dốc mình ứng phó, hóa thân
Tùy duyên phương tiện để gần chúng sanh.

Xét con công lực tu hành
Vẫn còn yếu kém, dễ sanh não phiền.
Bản thân mình độ chưa yên
Làm sao có thể tạo duyên độ đời?
Về đây gặp lại nụ cười
Nnhư lời khích lệ của người tri âm.
Về đây thắt chặt đồng tâm
Nhớ lời hẹn cũ, hương trầm quyện bay.
Về đây Tôn Đức chỉ bày
Truyền trao kinh nghiệm, điều hay, lý mẫu.
Về đây Thiên Định chuyên sâu
Vô Sanh, Bất Tử, nơi đâu lối vào?
Về đây cùng chấp tay chào
A Di Đà Phật, đài cao sẵn dành.
Về đây không lợi, không danh
Tình người con Phật, tu hành bên nhau.
Về đây tan biến sầu đau
Cuộc trần huyễn mộng dệt thêm thêm phiền.
Về đây Bát Nhã từ thuyền
Vớt người chìm lụy về miền thanh thoi.
Y vàng thanh thoát chói ngời
An vui tứ chúng, đất trời bình yên.
Về đây đan kết lời nguyện
Vĩ đời, vĩ Đạo, kết duyên tu hành.
Trước là tự độ lấy mình
Sau là cứu vớt chúng sanh muôn loài.

Trường Hạ Bát Nhã, PL 2556

THÍCH MINH TUỆ

CHÙA VIỆT ĐẤT MỸ

Thích Đức Trí

Trong tinh thần truyền giáo để thực hiện sứ mệnh hoằng dương chánh pháp, người Phật Việt Nam cũng góp một phần không nhỏ đưa đời sống tâm linh và văn hoá đạo đức đến đất nước bạn. Hiện hữu Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại như là sự hóa thân màu nhiệm của một di sản văn hóa Phật Giáo Việt Nam. Nhìn lại một khoảng dài lịch sử, chúng ta cần có những giây phút trầm tư về giá trị của sự đóng góp cao cả của các bậc tiền nhân đã mở đường cho Phật Giáo phát triển. Như một sự thể hiện lòng tri ân và trách nhiệm, chúng ta cần thẩm định lại mô thức hoạt động và thực hành lời dạy cao quý của Đức Phật trong cuộc sống công nghiệp hiện đại. Mục đích duy nhất là phát triển tiềm năng vốn có của Phật giáo Việt nam đang được hình thành trên đất Mỹ. Từ ý nghĩa đó, trong bài viết này, chúng tôi dựa trên nhận thức thực tế về sự xuất hiện, tồn tại và phát triển các chùa Việt Nam tại Mỹ. Mục đích là tìm hiểu vai trò sinh hoạt tu học của chư Tăng và Phật tử ở hải ngoại, cơ sở chùa hải ngoại, nhu cầu tu học của Phật tử, điều kiện hoằng pháp và định hướng phát triển của chùa Việt trong tương lai. Đây là chủ đề khá rộng rãi, và thiết nghĩ rằng, cần nhiều cơ hội thảo luận rõ ràng cho một chương trình hoằng pháp cũng là điều không phải là thừa. Nếu không như thế, chúng ta không hình dung sự khó khăn để khắc phục, sự thuận lợi để phát huy cho Phật giáo trong xã hội hiện đại.

Cơ sở chùa tại hải ngoại:

Trong vài thập niên thôi mà đã có hàng trăm ngôi chùa Việt tại hải ngoại, đặc biệt là tại Mỹ cũng gần đến ba trăm ngôi chùa. Trong khi đó, Phật giáo đã truyền bá vào đất Mỹ khá mạnh vào khoảng cuối thế kỷ 19, nhưng nó chỉ phổ cập trong giới tri thức, tín đồ và chế độ thiết lập chùa rất đơn điệu. Phật tử Việt Nam thì khác, do ảnh hưởng truyền thống văn hóa đạo đức Phật Giáo có chiều dài lịch sử hơn người Mỹ, do vậy ở đâu có Phật tử Việt thì ở đó có hình ảnh của chùa Việt Nam. Người Phật tử Việt luôn có tinh thần bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống và gìn giữ nếp sống đạo đức cao đẹp. Cho nên khi hình thành Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại, họ dễ dàng đón nhận và có tinh thần ủng hộ mạnh mẽ trong việc thiết lập không gian tâm linh để có môi trường tu học. Họ luôn quan niệm, mái chùa là hình ảnh thân thương của dân tộc, là ngôi trường văn hóa đạo đức tâm linh, là cái nôi cho tuổi trẻ, là tâm hồn của những người con xa xứ... Nhưng làm thế nào để gìn giữ giá trị ngôi chùa ở hải ngoại và bảo tồn nét đẹp văn hóa đó trong lòng mỗi người con Phật mới là điểm son đáng ghi dấu trên xứ người.

Thực tế, ở Việt Nam xây dựng một ngôi chùa và bảo trì một ngôi chùa không khó. Điều đó phải chăng là quá chú quan? Nhưng thiết nghĩ, sự đồng lòng sẽ tạo nên một sức mạnh mà không việc gì không thành. Ở Việt Nam, nhân lực đầy đủ. Nam Bắc Trung đã có các trường đại học Phật Giáo, Cao đẳng và Trung cấp Phật học. Điều kiện thông tin báo chí Phật học lưu thông khá rộng rãi. Do vậy mà lượng tín đồ trong các chùa phát triển nhanh chóng và tinh thần tu học khá thuận lợi... thế nên việc bảo trì một ngôi chùa ở Việt Nam dễ dàng hơn.

Trong khi đó, ở xã hội công nghiệp hiện đại, người Phật tử phải làm việc suốt tuần, họ chỉ đến chùa được vào ngày chủ nhật để đọc kinh và nghe pháp. Ở Mỹ hình thành ngôi chùa khá dễ dàng nhưng bảo trì thì tương đối khó. Giống như sinh ra một đứa con thì chỉ mất một thời gian ngắn, nhưng nuôi dạy đứa con thành người thì phải hy sinh nhiều công sức lâu dài. Huống gì nói đến việc xây dựng và phát triển một ngôi nhà Phật giáo trên đất Mỹ! Bài học về các ngôi chùa của Phật giáo Trung Quốc tại Mỹ như là một cơn sốt để chúng ta cần suy tư. Khoảng từ 1853 về sau, có nhiều chùa Trung quốc tại Mỹ, nhưng dần dần các chùa dần bị mất dấu tích theo thời gian. Lý do duy nhất là không đào tạo được thế hệ kế tiếp và năng lực bảo trì. Hiện nay, các nhà nghiên cứu Phật Giáo Đài Loan cũng nhận định rằng, với những cơ sở chùa to lớn, chi phí tiền bảo trì càng cao thì sự tồn tại lâu trong xã hội hiện đại càng gặp khó khăn hơn.

Ở Mỹ, có nhiều chùa khá lớn, nhưng trong chùa có một vài vị Tăng, Ni, thậm chí chỉ có một vị xuất gia mà thôi. Đi khắp 50 tiểu bang nước Mỹ, thấp thỏm mà tìm được bao nhiêu ngôi chùa có chú tiểu xuất gia tu học như ở Việt Nam. Nếu không có chú tiểu thì làm gì có vị Hòa thượng tương lai. Như vậy, giải pháp thích hợp là mời thêm Tăng Ni Việt Nam đến Mỹ hoằng pháp. Bên cạnh đó phải mở lớp đào tạo Phật tử trẻ tuổi làm việc và phục vụ cho việc bảo trì chùa trong tương lai. Nếu chúng ta cứ nhiệt tâm xây chùa mà không chú trọng đào tạo nhân sự ở thế hệ kế tiếp thì tương lai Phật giáo tại hải ngoại sẽ như thế nào?



Chùa Tam Bảo, Oklahoma

Nhu cầu tu học của Phật tử

Điều nhận thấy rõ ràng rằng có ba thành phần Phật tử đang sinh hoạt trong một phạm vi của một ngôi chùa Việt Nam. Thành phần các phụ huynh Phật tử lớn tuổi định cư ở Mỹ, thành phần con cháu người Việt Nam sinh ra tại Mỹ, thành phần những tín đồ người Mỹ và các dân tộc khác đang đến với đạo Phật. Các phụ huynh Phật tử đã sống ở Việt Nam dễ dàng tham gia tu học vì có sẵn niềm tin sâu sắc với Tam Bảo. Hiện nay các con cháu người Việt Nam sinh ra và lớn lên tại hải ngoại rất đông. Chúng ta nỗ lực giáo dục các em ngay từ lúc đầu về khả năng ngôn ngữ, như học tiếng Việt song song với việc học tiếng Anh. Nếu không như thế thì tuổi trẻ sinh ra ở hải ngoại quên mất tiếng mẹ đẻ của mình. Tiếp cận văn hóa đời sống Tây Phương là cần thể nhập ngôn ngữ bản xứ, nhưng cần con em trở về với cội nguồn văn hóa Việt Nam thì phải gìn giữ ngôn ngữ Việt Nam. Có những nét đẹp trong văn hóa Việt Nam được bảo tồn tại xã hội Mỹ đem đến hạnh phúc trong gia đình và xã hội. Ví dụ như quan niệm về quan hệ dòng tộc và trách nhiệm con cái đối với cha mẹ, về tình nghĩa vợ chồng chung thủy và tinh thần yêu chuộng truyền thống đạo đức của tổ tiên để lại.

Xã hội Mỹ tiếp nhận nhiều nguồn văn hóa của các dân tộc khác, ngôn ngữ truyền thông phần lớn là tiếng Anh. Thực tập đọc kinh và nghe pháp bằng Anh ngữ có thêm kinh nghiệm tu học. Muốn có bộ mặt Phật Giáo Việt Nam tương lai tươi sáng thì phải có cái định hướng thiết thực trong hiện tại. Điều đó cần có tinh thần tu học nhất quán của chư Tăng và Phật tử trong việc thực tiễn hóa đạo Phật thích ứng với xã hội hiện đại.

Thành phần người Mỹ tu học rất thực dụng và đơn giản, việc đầu tiên đến với đạo Phật là tìm hiểu lời Phật dạy. Họ tư duy lời Phật dạy và thực hành thiền định để kiểm nghiệm trước. Mới đầu chúng ta thấy họ có vẻ thận trọng và thiếu tin tâm với Tam Bảo, nhưng khi họ hiểu ra mọi vấn đề, không còn nghi ngờ về giáo lý thì họ nỗ lực thực tập với niềm tin bất thối. Đặc điểm đáng tôn trọng của người Mỹ là tự thân với niềm tin xác quyết, chứ không thích tư duy và nghe một chiều, họ thích tìm kinh điển, tư duy, so sánh và kiểm định mọi thông tin và hành trì. Điều này cũng phù hợp với người học Phật có chánh kiến.

Điều kiện tu học

Hiện nay Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ vẫn chưa đủ điều kiện mở trường Phật học đào tạo cho Tăng Ni và Phật tử. Phần đông Tăng Ni đang hành đạo tại Mỹ đều từ Việt Nam qua hay đi du học các nước đến hoằng pháp và định cư. Có người cứ bảo rằng, tu học ở trong xã hội văn minh này thuận lợi, nhưng thực tế không như mình tưởng. Điều mà không ít vị Tăng Ni mới đến Mỹ khá ngỡ ngàng về đời sống sinh hoạt. Vì rằng, chúng ta từ nhỏ tu ở Việt Nam, sống môi trường thuận lợi: cơm cha, áo mẹ, công thầy dạy dỗ. Phần đông, chùa nào cũng có Phật tử nấu ăn phục vụ chu đáo. Phật tử mong được công quả tại chùa và để quý thầy cô có thời gian học tập và trau

đồi đời sống tâm linh và tri thức. Khi sống nước ngoài, vị Tăng hay vị Ni ở chùa đóng nhiều vai trò trong một ngôi chùa. Chủ nhật thì làm giảng sư, có lúc làm thầy hương đăng quét dọn, có lúc làm thầy người công quả, tưới cây, cắt cỏ, có lúc làm thầy kinh sư đi lo đám tang, thậm chí hằng ngày có lúc làm bà vú đi chợ nấu ăn, nếu không làm vậy thì ăn thức ăn ướp lạnh không tốt cho sức khỏe.

Nói đến Phật tử sống ở Mỹ cũng vậy, thành phần nhiệt tâm hộ đạo, ngoài làm ở công sở, còn chăm lo nhà cửa, chắt lọc từng chút thời gian để về chùa làm công quả, tụng kinh, nghe pháp. Thường ngày ai cũng có công việc làm ăn nên không có thời gian về chùa phục vụ thường xuyên. Giả sử họ có làm ra đồng tiền, họ không có ý hưởng thụ, thích chia sẻ cúng chùa và làm từ thiện. Trong xã hội hiện đại, vật chất không thiếu thốn, nhưng thời gian là vấn đề then chốt chi phối mọi điều kiện sinh hoạt.

Định hướng sự tu học và phát triển

Là người con Phật, được sanh ra từ trong bốn nguyện độ sanh của Phật, được sanh ra trong ngôi nhà Phật Pháp, ngôi nhà ấy đã ở thế gian trên 25 thế kỷ. Từ ánh sáng chứng ngộ dưới cội bồ đề, Đức Từ Phụ đã bền bỉ 49 năm tuyên thuyết con đường giải thoát khổ đau cho nhân loại. Lịch sử phát triển và tồn tại chánh pháp như ngọn đèn bất diệt trao tay qua từng thế hệ tiền nhân, thắp sáng nguồn từ bi và trí tuệ trong lòng đời sanh diệt. Những ngọn đèn ấy đã và đang bùng sáng trong dân tộc Việt Nam. Đạo Phật nhiệm mầu đã rửa sạch thù hận và đau thương trong lòng dân Việt qua bao giai đoạn lịch sử chiến tranh. Từ đó, hình ảnh Đức Phật và chánh Pháp của Phật được tôn vinh tại đất nước Việt Nam và Phật giáo Việt Nam luôn kề vai sát cánh với dân tộc Việt Nam. Người Việt Nam đã từng đón nhận đạo Phật mà làm nên lịch sử vẻ vang cho đất nước. Hôm nay, chúng ta khẳng định giá trị văn hóa Phật Giáo Việt Nam bằng hình thái tu học và kiến dương chánh pháp tại hải ngoại. Bao lớp Tăng Ni và Phật tử cũng tha thiết hiến dâng cho đời giá trị tinh túy Phật học. Chúng ta hãy cùng nhau kiến toàn được tổ chức Tăng Ni tu học và chăm lo công tác giảng dạy cho tín đồ như là một sứ mệnh. Nỗ lực đào tạo những Phật tử có trình độ Phật học để làm Phật sự. Từ đó, mới có đầy đủ điều kiện duy trì và phát triển chùa Việt tại hải ngoại lâu dài.



Chùa Tam Bảo, Oklahoma

SỰ BIỂU HIỆN CỦA CÂY TRE VÀ KHÓM TRÚC

Thân tặng anh Nguyễn Sanh Ty và những chàng quân tử

thơ

Sáng qua, người anh thân quý đã khoe là Hoa Trúc Nhật vừa nở. Thật vui mừng và bất ngờ vì chưa bao giờ mình biết là loài trúc có hoa. Chiều về anh gửi bốn tấm hình đẹp tuyệt vời của Hoa Trúc Nhật. Trúc, cũng như anh, thật mảnh mai và thanh khiết. Nó là hình ảnh biểu tượng cho người quân tử, cũng giống như anh. Nó có sức sống tràn trề và thích hợp trong phong cách thiết kế trong mọi không gian và thời gian.

Với tôi, anh không những là khóm trúc đẹp mà là những cây tre trân quý. Như chúng ta đã biết cây tre là biểu tượng cho tuổi thọ bởi vì nó luôn xanh tươi quanh năm và vẫn phát triển trong những điều kiện thật khó khăn. Khi bị cháy, đốt than của thân tre vẫn thẳng chứ không cong gãy. Vì thế, nó có thể là biểu tượng của sự bất khuất và kham nhẫn. Như một người quân tử, trước sau như một. Tôi cũng mong được làm khóm trúc nho nhỏ cạnh vườn anh.

Nhìn hình đẹp quá, tôi lại ghé nhà anh thăm để được nhìn tận mắt loài hoa trân quý. Gửi tặng anh và những bậc quân tử bài thơ này.



Hoa Trúc Nhật - ảnh Nguyễn Sanh Ty

Hoa Trúc Nhật

*Tôi đã biết anh là hàng quân tử
Nhưng đâu ngờ anh cũng lại nở hoa
Hoa mảnh mai thanh khiết thon dài
Sao thanh nhã như bức tranh vừa hoạ*

*Hoa Trúc Nhật ám lòng em yêu dấu
Để lại đời hình ảnh đẹp thanh tao
Như tình yêu tinh khiết tự thuở nào
Hương hoa đẹp sẽ ngược bay chiều gió.*

*Hoa Trúc Nhật anh và em băng lãng
Áng mây chiều đâu có vội bay xa
Cuộc đời này cũng sẽ vào quên lãng
Nhưng tâm lòng mãi ở lại trong ta..*

Cũng như thế, anh và tôi hay cây tre và khóm trúc cũng sẽ trôi vào quên lãng theo không gian và thời gian, có chăng chỉ là tấm lòng người để lại. Mà nói như cố nhạc sỹ Trịnh Công Sơn là "Sống trong đời sống cần có một tấm lòng.... để cho gió cuốn đi." Thăm nhà anh, nhìn hoa nở hoa tàn, chỉ có hương hoa vẫn la đà trong tâm thức.

Nhớ lại, anh thường nhắc tôi lời của quý Thầy thường dạy: Lấy thân giáo làm hành trang. Hôm nay có chút nắng gắt, nghĩ về anh và viết vài hàng để làm quà lưu niệm.

Sacramento ngày 7 tháng 6, 2012.

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

CON ĐƯỜNG HƯỚNG THƯỢNG

Thích Chúc Đại

Con người sinh ra trên cuộc đời này, có người được sống an vui hạnh phúc, có người lại chịu nhiều khổ đau bất hạnh, thiết nghĩ tất cả sự đau khổ hay hạnh phúc đều có sự tác động mật thiết của ý nghĩ, lời nói và việc làm của mỗi người. Nếu ai biết thực hành những thiện pháp thì sẽ hưởng được đời sống an lành hạnh phúc, còn trái lại nếu thực hành những pháp bất thiện thì sẽ tự chuốt lấy khổ đau. Như vậy, cuộc sống hạnh phúc hay đau khổ là do chính mình quyết định, chứ không phải một ai khác can thiệp vào. Điều này được minh chứng qua lời dạy minh triết của Bạc Giác Ngộ cách đây hơn hai nghìn năm trăm năm, lời dạy ấy được ghi lại trong kinh Tạp A Hàm thông qua cuộc đối thoại giữa Đức Thế Tôn và vua Ba Tư Nặc.

Kinh ghi chép rằng, một ngày nọ khi Đức Thế Tôn trú tại Kỳ Viên Tịnh Xá, vua Ba Tư Nặc đến dâng lễ bái thầy tôn kính và thưa rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Những vị Bà-la-môn sau khi chết sẽ tái sanh trở lại dòng họ Bà-la-môn hay tái sanh vào nhà Sát lợi, Tỳ xá, Thủ đà la? để trả lời cho vấn đề này, Đức Phật đã nêu ra bốn hạng người ở đời: Thứ nhất, hạng người từ bóng tối đi vào bóng tối; thứ hai, hạng người từ bóng tối đi ra ánh sáng; thứ ba, hạng người từ ánh sáng đi vào bóng tối; thứ tư, hạng người từ ánh sáng đi vào ánh sáng. Bốn hạng người này được giải thích như sau:

Thứ nhất: Hạng người từ bóng tối đi vào bóng tối

Có những người sanh vào nhà thuộc dòng họ thấp hèn, như sanh vào nhà Chiên-đà-la, nhà người săn bắn, bắt cá, làm đồ tre, nhà người kéo xe và những nhà làm nghề nghiệp thủ công hạ tiện khác; bần cùng, đoản mạng, hình thể tiều tụy mà lại sống theo hạnh

ngiệp thấp kém, cũng lại bị người hạ tiện sai khiến. Đó gọi là sanh ra trong bóng tối. Ở nơi bóng tối này, người ấy thân lại làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì những lý do này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào ác xứ đọa lạc, rơi vào trong địa ngục. Giống như người từ bóng tối đi vào bóng tối, từ nhà xí đi vào nhà xí, lấy máu rửa máu, bỏ ác lấy ác. Người từ bóng tối đi vào bóng tối cũng lại như vậy, cho nên gọi là từ bóng tối đi vào bóng tối.

Thứ hai: Hạng người từ bóng tối đi ra ánh sáng

Những người sanh vào gia đình thấp hèn cho đến bị người sai làm những điều hèn hạ. Như vậy gọi là sanh ra trong bóng tối. Nhưng người sống nơi bóng tối này, thân luôn làm việc lành, miệng thường nói lời lành, ý nghĩ đến điều lành; vì những lý do này, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được tái sanh vào đường lành, được hóa sanh cõi trời. Ví như người từ đi kiệu lên cưỡi ngựa, từ cưỡi ngựa tiến lên cưỡi voi; người từ bóng tối đi ra ánh sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là hạng người từ bóng tối đi ra ánh sáng.

Thứ ba: Hạng người từ ánh sáng đi vào bóng tối

Có người hiện đời sanh vào những gia đình giàu sang khoái lạc thuộc dòng họ Sát-đế-lợi, dòng họ Bà-la-môn, dòng họ Trưởng giả, cũng như sanh vào những gia đình giàu có khoái lạc khác, có nhiều tiền bạc, của cải, nô tỳ, người sai khiến, thường nhóm họp quyến thuộc, thân tướng đoan chánh, thông minh trí tuệ. Đó gọi là sinh ra từ ánh sáng. Nhưng từ nơi ánh sáng này, thân người ấy lại luôn làm

điều ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì lý do này, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như có người từ lầu cao, xuống cưỡi voi lớn, từ voi lớn xuống cưỡi ngựa, từ cưỡi ngựa xuống đi xe, từ xe xuống ngồi giường, từ giường bước xuống đất, từ đất rơi xuống hầm hố. Người từ ánh sáng đi vào bóng tối lại cũng như vậy.

Thứ tư: Hạng người từ ánh sáng đi vào ánh sáng

Có người sanh vào nhà giàu sang vui vẻ,... cho đến hình tướng đoan nghiêm. Đây gọi là sanh ra từ ánh sáng. Từ nơi ánh sáng này, người ấy thân luôn làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Vì lý do này, sau khi thân hoại mạng chung, được tái sanh vào đường lành, được hóa thân vào cõi trời. Giống như có người từ lầu quán đến lầu quán;... cho đến từ giường đến giường; hạng người từ ánh sáng đi vào ánh sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là từ ánh sáng đi vào ánh sáng.

Từ dẫn chứng của kinh văn, chúng ta có thể nhận biết nơi an trú của chính mình. Nghĩa là, chúng ta tự biết rõ nhất về hành nghiệp của chính mình, mình đang đi trong bóng đêm, hay đi trong ánh sáng. Bên cạnh đó, mỗi người cũng tự biết rằng, đời sống của chúng ta ở hiện tại cũng như vị lai là do chính mình quyết định. Hay nói cách khác, đời sống thanh cao hay hạ liệt của mỗi người đều do nghiệp của chính họ tạo tác ra,



thông qua sự huân tập hằng ngày của ý thức, lời nói và việc làm. "Các loài hữu tình vừa là chủ nhân của nghiệp (kamma), vừa là kẻ thừa nghiệp, nghiệp là thái tạng từ đó họ sinh ra, họ là quyền thuộc của nghiệp, vừa là cư trú trong nghiệp của mình. Nghiệp phân chia các loài hữu tình thành các hạng hạ liệt và ưu thắng". (Thích Minh Châu, Trung Bộ kinh tập III-481, VNCPHVN -2001) Nhưng trong Phật giáo ý thức luôn là chi phần đầu có tác dụng đưa đẩy làm sinh khởi hành động và lời nói. Chính vì thế, chúng ta cần thanh lọc và chuyển hóa những tâm thức bất thiện, luôn tưới tẩm hạt giống thiện, để hạnh phúc có mặt trong ta, quanh ta ngay trong đời sống này.

Ngoài ra, qua lời giảng dạy của Đức Thế Tôn, chúng ta phải ý thức được rằng, đời sống của mỗi người có hạnh phúc và thánh thiện hay không, không nằm ở sự nguyện cầu van xin, hay dựa dẫm vào một thế lực thần linh nào khác, hay ước vọng một sự che chở nào của thế lực bên ngoài, mà ở chính sự tu tập của chính mỗi người, nếu mỗi người biết tu tập chuyển hóa những nghiệp ác thành nghiệp thiện. Vì, nghiệp quyết định vận mệnh hiện tại của mỗi người và nghiệp cũng làm thay đổi vận mệnh hiện tại của con người và quyết định vận mệnh tương lai của người ấy, và nên ghi nhớ rằng: Không phải do sinh trưởng mà một người trở nên cao quý hay hạ tiện, mà do nghiệp hay hành động có tác ý khiến người ấy trở nên cao quý hay hạ tiện. Quan điểm này của Đức Phật cho thấy cái nhìn mới mẻ của Ngài về con người và giá trị của con người, hơn hết là giá trị về một con đường hướng thượng. Như vậy, con đường hướng thượng, là con đường tu tập chuyển hóa những nghiệp nhân bất thiện, hướng đến sự đoạn tận khổ đau, đạt đến quả vị giải thoát. Con đường hướng thượng ấy, mỗi người là chủ nhân của chính mình và phải tự mình cất bước.

Virginia Beach 10.06.2012
Thích Chúc Đại

NẾU

Nếu cho ba điều ước
Tôi xin đừng nhìn ngược
Tôi xin đừng nghe xuôi
Và ước mơ lúc nào cũng chờ tôi
Phía trước

thơ

TIẾNG ĐẬP

Người ta đập trên ngôn ngữ
Âm thanh của tiếng búa
Giống như âm thanh
Người ta phá ngôi nhà
Người ta đóng quan tài
Cũng chùng ấy nhát búa
Trên nhịp điệu thăm sâu của những lời tình tự
Không biết bằng âm thanh nào
Người ta dẫn tôi vào giấc mơ
Của chữ

VỚI MÌNH

Khi nhìn lại mình
Tôi cứ vương vào
Cuộc độc thoại mệt mỏi
Như đang nói chuyện cùng bóng tối

Khi lắng nghe mình

Xôn xao
Như vừa gặp lại người bạn cũ

Khi bỏ rơi mình

Tôi lại rơi vào một cõi cô đơn khác
Rồi lại mòn hơi trong nỗi kiếm tìm

MẶT HÈ

Khuôn mặt hè giấy
Hai hố mắt rỗng
Cái miệng cười như đang há hốc
Tôi úp lên mặt
Nó đã có cái nhìn của tôi
Nụ cười của tôi
Chỉ khác một điều, những hạt lệ

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH



TĂNG ĐOÀN VÀ LỤC HÒA

Thích Tâm Hòa

Theo cách nghĩ thông thường của người bên ngoài cửa chùa, Lục Hòa là một nguyên lý, một nguyên tắc hay qui tắc được áp dụng trong Tăng đoàn để có đời sống hòa hợp. Đơn giản mà nói, cách nghĩ ấy đúng. Nhưng dùng chữ “nguyên lý” hay “nguyên tắc” khiến người ta không khỏi có cảm nghĩ rằng để áp dụng Lục Hòa, tập thể xuất gia có vẻ như phải khép mình vào một thứ kỷ luật khắt khe, đầy khuôn khổ, phép tắc và thiếu tình cảm, giống như kỷ luật quân đội.

Ở đây sẽ không căn cứ trên các văn bản của kinh, luật, luận để khai triển, phân tích về xuất xứ, lịch sử, nguyên do, định nghĩa hoặc chú giải về hai chữ Lục Hòa. Điều mà chúng ta có thể trao đổi là kinh nghiệm thực tế được ghi nhận và truyền-tiếp ngay trong sinh hoạt Tăng đoàn từ hơn hai nghìn năm trăm năm qua. Kinh nghiệm ấy, có thể rút tía từ sinh hoạt tăng-đoàn nguyên thủy (qua kinh sách để lại), cũng có thể qua những bài học sống động của cộng đồng Tăng già Việt Nam xưa và nay, hoặc có thể chỉ trong phạm vi nhỏ của một Phật học viện, một tu viện, hay một ngôi chùa nhỏ, ở thành phố, hay nơi miền quê hẻo lánh.

Qua kinh nghiệm áp dụng Lục Hòa, tăng sĩ mọi thời đại và trú xứ mặc nhiên cảm nhận rằng, đó không phải là một nguyên tắc khô khan cứng ngắt, mà là một lẽ sống, một lối sống đẹp, có tình có lý. Thiếu Lục Hòa, tăng đoàn thời Phật không thể nào ổn định trật

tự và đi vào nề nếp một cách thuận hợp khi mà sự phân biệt giai cấp vốn là một thứ tập quán (hay định chế) trong xã hội Ấn độ thời bấy giờ (kéo dài cho đến ngày nay).

Nhưng Lục Hòa phải chăng là một lẽ sống có thể ứng dụng vào đời sống của bất cứ tập thể nào để mang lại trật tự và hòa hợp cho tập thể ấy? Đã có nhiều người cố gắng phân tích, biện



giải, nhằm rút tía một phương thức hữu hiệu về sự ổn định và hài hòa để áp dụng cho tổ chức, đoàn thể, thậm chí đảng phái ngoài xã hội. Những cố gắng ấy, dù ca ngợi Lục Hòa là phương thức tối hảo cho sinh hoạt tập thể, cuối cùng vẫn chỉ là sự tối hảo trên lý thuyết, không thể áp dụng được trong thực tế. Bởi vì, họ quên rằng, từ khởi thủy, Lục Hòa do Phật chế định là để áp dụng trong đời sống Tăng đoàn, một tập thể “bình bát cơm ngàn nhà”, không có sở hữu tài sản, không có ngôi vị hay quyền bính; một tập thể cát ái ly gia, xem “tứ đại giai không”, chỉ vì một mục đích duy nhất là chứng ngộ giải

thoát để “thệ độ nhất thiết nhân”.

Đối với tăng đoàn, đức Phật hướng dẫn pháp Lục Hòa; còn đối với tại gia cư sĩ, ngài dạy Tứ Nhiếp Pháp. Từ khi Phật giáo phát triển, với tư tưởng thực tiễn dẫn thân, tăng sĩ có thể áp dụng cả Lục Hòa và Tứ Nhiếp Pháp. Nhưng để áp dụng Lục Hòa một cách đúng mức vào các tổ chức thế tục, hầu như vẫn là điều bất khả. Có chăng sự thành công của một tập thể thế tục nào đó khi áp dụng Lục Hòa, cũng chỉ là “trên tinh thần” và một cách tương đối, trong một phạm vi nhỏ hẹp mà thôi.

Tại sao Lục Hòa không thể áp dụng rộng rãi cho tất cả các đoàn thể không phải tăng sĩ? Chẳng phải là Pháp Phật như mưa rải xuống đời, cây cỏ lớn nhỏ đều tùy theo khả năng mà thấm đượm hay sao? - Đồng ý là Pháp Phật như mưa, mỗi thứ cây cỏ đều hưởng dụng theo khả năng, nhưng đó là nói về mỗi cá thể. Một tập thể thì khác.

Tập thể tăng-già là tập thể xuất gia, áp dụng được Lục Hòa không phải là do bị ép vào một cái khuôn với nội qui, kỷ luật và những lời kêu gọi hoặc đủ thứ phương châm dẫn dắt như các tập thể

thế tục. Lục Hòa là một phương thức của tập thể tăng-già mà mỗi cá nhân, tăng hoặc ni, tự nguyện áp dụng để tạo sự hòa hợp trong đời sống chung. Sáu yếu tố được nêu ra trong Lục Hòa bao gồm cả ba nghiệp (thân, khẩu, ý), giới luật (qui tắc hành xử), kiến giải (tinh thần) và tài sản (vật chất). Sáu yếu tố này đối với đời sống tập thể, nếu có sự hòa và đồng, sẽ tạo nên trật tự, hài hòa, nhịp nhàng, không chõi với nhau. “Đồng” thì dễ, nhưng “hòa” thì rất khó. Tập thể thế tục nếu cố gắng, cũng có thể o ép mọi thành viên đi vào khuôn khổ của “đồng”. Còn muốn có “hòa” một cách nhẹ

nhàng, nhu thuận, tự nhiên, hồn nhiên, tự tại, tất phải có tu tập và sự thực nghiệm thường xuyên về tính cách vô ngã, duyên sinh của mọi sự mọi vật. Mỗi cá thể phải quên đi cái ngã của mình thì mới hòa được với đời sống tập thể. Điều cốt lõi của Lục Hòa là phá ngã, vô chấp, dù đức Phật không công khai nói ra, nhưng người xuất gia hẳn phải cảm nhận được qua sinh hoạt tập thể từ hai ngàn năm trăm qua.

Vậy thì thử phân tích từng điểm của Lục Hòa để xem tại sao chỉ có tập thể xuất gia áp dụng được mà tập thể thế tục thì không.

1. Thân hòa đồng trú:

cùng sinh sống ở một nơi chốn - rộng thì nói trụ xứ, khu vực, cơ sở (tự viện, tu viện, phật-học viện, đại tùng lâm...); hẹp thì là phòng ốc, chỗ ngủ, chỗ làm việc, nơi sinh hoạt chung (chánh điện, phòng họp). Người xuất gia sống đời đạm bạc - tam thường bất túc (ăn, mặc, ngủ) không để cho dư dật, thì đâu có thời giờ bận tâm chuyện chỗ ăn chỗ ở cho nên sẵn sàng và hoan hỷ nhường nhịn nhau. Còn như những tập thể đảng phái thế tục thiếu sự tu tập thì khác, dù có "đồng cảnh", "đồng sàng", "đồng nghiệp", "đồng môn" gì đi nữa thì cũng không có được "thân hòa" vì còn quá nhiều sở hữu.

2. Khẩu hòa vô tranh:

nói với nhau một cách hòa nhã, lịch sự, nhẹ nhàng, từ tốn, khiêm cung, dù có điểm bất đồng cũng không dẫn đến tranh cãi, lớn tiếng. Người xuất gia rõ biết "họa tùng khẩu xuất", lại biết âm thanh ngôn ngữ là vô thường, luôn giữ khẩu nghiệp thanh tịnh, niệm một câu Phật tốt hơn là buông một lời xằng bậy hoặc ngôn ngữ tổn hại đến người khác. Còn như những tập thể đảng phái thế tục thiếu sự tu tập thì khác, dù có "đồng thanh", "đồng khẩu", "đồng âm", "đồng biểu quyết", cũng khó giữ được hòa khí cho tập thể vì còn quá nặng nề chấp ngã..

3. Ý hòa đồng duyệt:

luôn giữ tâm ý hòa hợp và cảm thông với nhau trong niềm vui chung. Đó là niềm vui cùng sống trong



chánh pháp (pháp lạc), niềm vui có cùng lý tưởng hướng về giải thoát giác ngộ. Đây là niềm vui to lớn trùm lấp tất cả những dị biệt về thân phận, hoàn cảnh, danh, tướng, sở hữu, sở đắc. Với tâm vô ngã, người xuất gia trong giao tiếp, sinh hoạt tăng-đoàn, luôn hòa vui với đồng môn, pháp lữ, chia sẻ và lắng nghe tâm tình và hoàn cảnh của kẻ khác. Trong khi đó người thế tục đi vào tập thể, nếu không thực tập vô ngã thì có mặt ở đâu cũng chỉ mong vui mình bất kể người khác, chỉ muốn mọi người phải chịu lòng mình, tôn trọng và đối xử đặc biệt với mình. Cái ngã to tướng như vậy thì dù có "đồng tâm", "đồng chí", "nhất trí" chẳng nữa cũng không thể tạo được "ý hòa".

4. Giới hòa đồng tu:

cùng tuân thủ, giữ gìn những giới luật và qui tắc sống chung một cách hòa hợp. Giới luật và qui tắc (oai nghi) của tập thể tăng-già là căn bản của giải thoát. Người xuất gia biết rằng giữ gìn giới luật là bảo vệ (phòng hộ) ba nghiệp cho thanh tịnh, là nền tảng để tiến dần đến giải thoát giác ngộ; vì biết như vậy, và vì luôn có thú hướng giải thoát giác ngộ, người xuất gia tự nguyện đặt mình trong giới luật. Giới luật và các qui tắc sống chung (oai nghi) là gia bảo, là mạng sống của người xuất gia. Thế nên, không phải vì xuất thân thường dân mà giữ giới nhiều hơn, không phải vì bà con của Phật, của Tổ, của sư phụ danh tiếng mà không cần oai nghi tế hạnh. Vì sự nghiệp giải

thoát giác ngộ, người xuất gia phát nguyện thọ trì giới cấm; vì vui hòa với đời sống tăng-đoàn và trang nghiêm thân tướng để làm biểu tượng tôn quý trong Tam Bảo, người xuất gia giữ gìn oai nghi tế hạnh và các qui tắc sống chung tập thể. Giới luật và qui tắc oai nghi vì vậy không phải là những kỷ luật sắt thép gò bó cá nhân trong đời sống tập thể, mà chính là những thệ nguyện, những mặc ước tự nhiên giữa những kẻ xuất trần, vô ngã. Nhờ vô ngã, người xuất gia buông bỏ các danh, tướng, địa vị, giai tầng của xã hội lẫn trong tăng-đoàn để sống vui hòa với các tăng lữ khác trong các định chế có khả năng phòng hộ mình. Giới luật không phải là đẳng cấp, không phải là chỗ y cứ để phân biệt ngôi thứ, tôn ty trong tăng-đoàn. Trật tự và tôn ty trong tăng-đoàn y cứ nơi giới đức và hạ lạc. Thứ tôn ty trật tự ấy, được sắp xếp tự nhiên bằng sự khiêm cung, vô ngã của mỗi cá nhân tăng sĩ. Người thế tục trong đời sống kỷ luật của tập thể, nếu không thực hành vô ngã và nếu không thấy kỷ luật chính là mạng sống của tổ chức mình thì sẽ luôn huênh hoang về đẳng cấp, thâm niên, tuổi đoàn, tuổi đảng, tranh giành với nhau từng chỗ ngồi, địa vị. Muốn áp dụng Lục Hòa của Phật mà cá nhân mỗi người không biết quên mình đi thì sự tuân thủ kỷ luật chỉ là gượng ép, vô hồn, dù có "đồng" cũng không thể "hòa".

5. Kiến hòa đồng giải:

cùng chia sẻ, trao đổi với nhau một cách hòa hợp những hiểu biết

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

và kinh nghiệm trong việc thực nghiệm chánh pháp. Hiểu biết và kinh nghiệm ấy không phải là vốn liếng riêng tư để bo bo gìn giữ mà kiểm sống như các nghề nghiệp chuyên môn của thế tục. Người xuất gia chỉ có kiến giải và kinh nghiệm tu tập hướng về mục tiêu giải thoát giác ngộ. Mục tiêu ấy chẳng phải là cõi trời hay thiên đàng nhỏ hẹp mà người đến trước giành chỗ tốt, người đến sau bị thiệt thòi. Điều gọi là “sở đắc”, hay là kiến giải độc sáng của một cá nhân, không có ý nghĩa gì trong tiến trình tu tập, giải thoát. Trí tuệ siêu việt chỉ có thể hiển hiện nơi một bậc đạt đến vô ngã hoàn toàn. Thế nên, trong tinh thần vô ngã, người xuất gia có sự hiểu biết hay kinh nghiệm nào trong việc tu học cũng hết lòng chia sẻ, bàn bạc, lắng nghe, trao đổi, hướng dẫn, khuyến khích đồng môn pháp lữ của mình với tinh thần hòa kính. Tập thể thế tục muốn áp dụng “kiến hòa đồng giải” trước hết phải thực tập vô ngã, thấy rằng kiến thức và kinh nghiệm của thế gian đều là của chung, không giấu riêng cho mình một điều nhỏ nhặt hay bí hiểm nào để nuôi dưỡng, vinh danh một cái ngã huyễn vọng vô thường.

6. Lợi hòa đồng quân: chia sẻ nhau những quyền lợi vật chất một cách hợp lý, hài hòa, vui vẻ.

Nói “quyền lợi” ở đây là nói một cách miễn cưỡng. Thực ra, theo sinh hoạt truyền thống của tăng-đoàn nguyên thủy thời Phật, tăng sĩ là những người từ bỏ gia đình, sống hạnh khổ thực, ngoài ba y, bình bát, tọa cụ, ngoại cụ, kim chỉ, đũa lọc nước, không có vật sản tư hữu nào khác. Một đời sống phạm hạnh, đạm bạc và không thủ đắc như vậy không nên bàn và nghĩ đến chuyện quyền lợi hay lợi dưỡng như ở thế gian. Nhưng ở thời đại ngày nay, hạnh khổ sĩ vô sản không còn thích hợp. Tăng sĩ bây giờ sống ở tự viện, tu viện, giao tiếp xã hội, cần có những vật sản và tiền bạc theo nhu cầu, nhưng tinh thần luôn luôn là tinh thần vô sản, có nghĩa là sẵn sàng buông xả, bố thí, cúng dường tất cả những gì mà cá nhân mình đang nắm giữ nếu việc buông xả này mang lại lợi ích lớn cho người đón nhận mà không tổn hại đến quyền lợi chung cũng như làm nặng trách nhiệm cho người khác trong tăng-đoàn, hay trong đàn na thí chủ. Ba cõi bốn đại vốn là không. Người xuất gia đến và đi ở cõi đời này một cách vô ngã, vô ngã sở, vô vị lợi, cho nên có thể chia sẻ, san sẻ, ban phát, cho đi, một cách hòa ái, vui vẻ, không vướng bận, mắc mưu. Lợi hòa đồng quân có chỗ gọi là “đồng thí” –

theo cách nói này, có thể hiểu tương giao của tập thể tăng là để cho đi những gì mình có, chứ không phải để thủ đắc lợi dưỡng. Đến với nhau là để cho, để tặng, để thực hành hạnh buông xả - cũng là một cách để bỏ dần ngã chấp. Cá nhân trong những tập thể thế tục nếu không có tinh thần vô ngã, vị tha, sẽ không thể thực hành rốt ráo “lợi hòa đồng quân”.

Điểm qua ý nghĩa thâm sâu của Lục Hòa như vậy, một mặt để tán dương phương thức kỳ diệu của đức Thế Tôn nhằm hướng dẫn một đời sống tập thể hòa hợp, lại vừa là một pháp môn tu cho mỗi cá nhân khi đi vào biển lớn của tăng-đoàn; mặt khác, cũng để khơi dậy niềm tin tưởng mãnh liệt về sức mạnh hòa hợp của Tăng-già. Sức mạnh ấy có thể hóa giải tất cả mọi dị biệt, chấp tranh, mâu thuẫn mà không một tập thể thế tục nào có thể làm nổi. Sức mạnh ấy, khởi động chỉ bằng một ý niệm thôi: vô ngã.

Thích Tâm Hòa

Hình dưới: Chư tôn đức Tăng Ni trong Ngày Về Nguồn lần thứ I, tại Chùa Pháp Vân, Toronto, Canada, 2007.





CƠM DỠ, GIƯỜNG CỨNG, BỎ TU...

G-Minh

Có một thiền viện, cứ mỗi 10 năm thì những vị thiền sinh trong tu viện, được phép phá bỏ lời nguyện về sự giữ im lặng trong sự tu tập, chỉ là chỉ được nói hai tiếng.

Rồi mười năm đi qua, trong số thiền sinh có một vị thiền sinh đến lượt mình có cơ hội được trình bày. Ông ta suy nghĩ trong vài giây, rồi nhìn vào mắt vị thiền sư và nói lên hai tiếng:

"Cơm dở."

Rồi mười năm nữa lần nữa đi qua, vị thiền sinh ấy lại có dịp nói một lần nữa. Cũng như mười năm trước, ông ta cũng nhìn vào mắt vị thiền sư và nói hai tiếng:

"Giường cứng."

Rồi lại mười năm kể tiếp. Đó là một ngày trọng đại đánh dấu 30 năm tu học, ông ta lại có dịp nói. Lần này nhìn thẳng trừng vào mắt vị thiền sư thật lâu và nói:

"Bỏ tu."

Với khuôn mặt an nhiên đầy tự tại, cùng đôi mắt từ hòa vị thiền sư gạt đầu trả lời:

"Thầy hiểu."

Cái mấu chốt nào quan trọng trong câu chuyện vui buồn nơi cảnh thiền môn này?

Tâm trạng và mấu chốt, kể ra thì ở đây, nơi chốn thiền môn thâm mật, rất nhiều, chỉ có những ai đã và đang sống mới thâm cảm được, nhưng dù đứng vào góc cạnh nào chẳng nữa thì nó cũng chỉ là những tục duyên không đáng cho những hành giả chân thành với lý tưởng xuất trần quan tâm đến.

Thực ra cái mà hành giả phải thấy và vượt qua một cách đồng mãnh an nhiên đầy khi phách là sự xúc tác của nội tâm khi đối trị với ngoại cảnh và hoàn cảnh, với chính chúng ta, với chính con đường mà mình đang đặt bước chân đi khi dẫn thân chọn lựa, và phải có cái nhìn khoảng khoát hun hút sâu xa, thấy được mục đích

của mình muốn đến, lợi ích của nó trải dài như thế nào cho chính lý tưởng của mình đúng như ý nghĩa của nó, chứ không phải loanh quanh lẩn quẩn sống trong cuộc đời nhầy nhụa của muôn phiền tầm thường là "Ăn và Ngủ".

Có chắc rằng khi rời "bỏ tu" viện, theo tâm niệm vị kỳ nhỏ mọn ấy, rồi chúng ta chọn cho mình một hướng đi khác hơn, nghĩa là không giống như 30 mười năm trước đã sống, để rồi tìm một lẽ sống, ăn no mặc ấm, hoặc hơn chút nữa là ăn ngon mặc đẹp, ngủ giường nệm ấm chăn êm, hầu thoát ly những gì mà với tâm niệm đóng khung của mình trong 30 năm, cho là khổ lụy.

Chúng ta tạm chuyển, hoặc tạm cho là 30 năm ấy là khoảng thời gian dài hay ngắn tùy theo từng tâm niệm, để có thể nhìn xa, hoặc sâu hơn một chút.

Trong lẽ sống này có biết bao nhân sinh cũng trong khoảng thời gian ấy, tạo cho mình một lý tưởng và rất tinh chuyên thành kính khi hướng về lý tưởng ấy, con đường ấy hay nói rõ hơn là Chân Lý ấy. Để vực dậy, hay đánh thức cái Vô Minh trong chúng ta hằng bao đời say tỉnh; và cũng có biết bao hành giả biết rằng, lý tưởng ấy, chân lý ấy sẽ hướng chúng ta đến mục đích tối thượng, nói đơn giản là An Lạc Hạnh Phúc. Nhưng rồi chỉ một não phiền, một nhận định, một thiên kiến thiên cận, một nghịch duyên hơn quả đến... Thì thời gian cùng tâm huyết bao năm ấy biến thành những nghiệt ngã và cho là khổ nạn là đau thương, nên 6 tiếng được phát ra trong 30 năm mộng muội "Cơm dở, giường cứng, bỏ tu".

Có chắc rằng khi mà rời bỏ nơi mà mình đã sống với ngàn ấy thời gian hun đúc, khi mà sự vận

chuyển của đời sống tâm linh không nảy mầm, chỉ biết canh cánh bên lòng 6 tiếng được thốt ra trong 30 năm sống mơ hồ man dại.

Giờ thì được rồi đó, hãy tạm coi là không còn sống với 30 mười năm ấy nữa, có nghĩa là bắt đầu từ lúc vị thiền sư nói lên hai tiếng sấm sét là "Thầy hiểu," để rồi nhìn lại xem, sau thời gian ấy đến nay và có thể nói rằng cho hết đoạn đời còn lại, có bữa cơm nào chúng ta ăn không ngon? "Cơm dở" dù toàn là những món ăn mà người hành khổ suốt đời chưa thấy hoặc là chưa nếm đến, hoặc có những gia đình chưa biết đến cái vị mặn lạt ấy ngon dở ấy ra sao. Ô! Còn cái dở cái đau nào hơn cái dở cái đau này chẳng?... Bởi vì chúng ta đem cái "Cay đắng" vào trong miếng ăn của chính mình xuyên suốt trong lẽ sống lầm thẳng trầm của thế tục tầm thường này. Ngày như thế thì đêm đến có khác chi. Hiện tại trong lúc ngủ, chúng ta cũng có nệm ấm chăn êm trong bốn mùa thay đổi, cái mà những kẻ bần hàn cơ nhỡ, mơ ước cả một đời chưa có hoặc chưa thấy.

Nhưng thử hỏi chúng ta có ngủ được êm chẳng, hay cũng chỉ là "Giường cứng" của 30 năm xưa yên ắng ấy. Bởi vì trong giấc ngủ ấy của chúng ta tự đem cái "Xót Xa" vào trong giấc ngủ, xuyên suốt mộng tưởng đảo điên.

Đạo cũng thế mà đời cũng thế. Ở nhà và ở chùa nào có khác chi! Nếu hiểu đường đời chúng ta đi, và cứ đi mãi, cái đi này nó không nằm ngoài thông lệ là tạo cho mình một cuộc sống ấm no, giàu sang hạnh phúc, lắm ngựa nhiều xe, nhưng có mấy ai nói rằng ta mãn nguyện với những gì mình có; và như thế là cứ tất bật mãi cho cuộc đời thân tóm này càng nhiều càng tốt; ấy thế là mãi thiếu chứ nào có thấy dư đâu. Đi mãi đi hoài cũng bởi lẽ mình không chịu

thấy, không chịu thấy chứ không phải là không thấy. Mảnh đất để chúng ta đứng chân xây cho mình một căn lều che mưa nắng cuộc đời. Mưa nắng là cái lẽ thường nhiên của đất trời, nhưng người mà cứ mãi đi trong mưa nắng ấy tránh sao được cảnh cảm cúm phong hàn giá buốt đêm đen.

Đời sống trui rèn của người con Phật cũng thế, đã bước chân vào chùa làm người con Phật, thì cái chùng tử chướng nghiệp nó có cơ hội nổi lên, nguyên vì đời sống tâm linh của người con Phật có những phút giây quán chiếu, dù ngắn hay dài, lâu hay mau, và khoảnh khắc của những giây phút ấy chúng ta thấy được nó, mà đã là nghiệp chướng thì là cùng đồng hành với ta, nó là ma chứ không phải Phật, tà chứ không phải Chánh. Ma thì thấy Phật phải cúi đầu; Tà thấy Chánh phải thối lui. Nhưng có điều, trước khi cúi đầu, trước khi thối lui, nó không đơn giản thường tình như người học Phật chúng ta mong muốn: nó cũng phải vượn vai uốn ngược, chân đá tay thoi, đâm sau thụt trước, ăn miếng thì trả đòn, cứ thế cho đến khi nào chúng sức tàn lực kiệt mòn mỏi tàn hơi, nếu thông qua được thì lúc ấy chúng ta sẽ thấy thế nào là cây khô trở lá nắng hạn gặp mưa rào.

Nhưng khổ nổi, tâm tư người học Phật chưa chịu, chưa chịu chứ không phải không chịu, đem năng lực tu vi của mình ra để sẵn sàng vượn vai mà thi thố cho chính cuộc đời mình, un đúc xông ướp cho bền bỉ nguồn tâm, khơi giòng đạo lực, đốt sáng đạo tâm cho thắm thấu nguồn cơn đầu chân đầu vọng, mà nếu là như vậy thì than trách làm gì, thương vay khóc mướn làm chi, cho cảnh thiền môn nổi lòng mình phải thất thòm trong nhiều đêm khắc khoải.

Cho nên không thể không có những trở duyên, nếu chúng ta đã dẫn thân và chọn cho ta trong đời này làm một hành giả theo chân chư Phật, mang trong mình một pháp danh, thì phải cần những trở trăn Tâm Linh trong khuya sớm hầu vượt thẳng phàm tâm. Thuận duyên hăng có đó, nhưng nghịch duyên cũng kề cận sát bên, nên thành phần hòa nhập nó cũng



khác xa, mục đích do đó nó cũng thiên hình vạn trạng, đòi hỏi làm gì, như vậy như khác, như thế như kia, đục vọng ghê thật!

Một vũng nước trong muôn ngàn dòng nước đục

Một trăm người tục chỉ có một người thanh

Nước đục lọc ắt sẽ trong, tránh xa người tục đi tìm người thanh nào có, do vậy lấy những khó khăn bất đồng làm sự xúc tác cho lẽ nghiên tâm chính mình.

Đã mang vào người cái tầm cầu Học Phật mong cầu tìm chi cho nhiều cái sự HỮU DUYÊN, xa lánh làm gì cái lẽ VÔ DUYÊN, sao bằng chọn chữ TÙY DUYÊN. Có lẽ như vậy thì đường trở về nhà an nghỉ sẽ sớm hơn, trước khi bóng hoàng hôn dần tắt, khỏi phải sợ cái chập chờn của bóng đêm, khỏi phải dò dẫm thêm nhiều của mỗi bước chân hoang.

Có như vậy ta mới thấy gia trị đích thực mà vị Bồ Sĩ chúng ta trao cho mình một Pháp Danh, và có như vậy ta mới thấy sung sướng vô cùng, và hạnh phúc vô cùng ta là một Phật Tử.

Ai cũng ngán COM DỠ ai cũng sợ GIƯỜNG CỨNG và vì vậy mà ai cũng BỎ TU, nhưng chúng ta dù có trôi lăn vào phương trời vô định nào đi nữa, hoặc sanh sanh diệt diệt vạn nẻo luân hồi. Thì hãy cố biết và tâm niệm rằng ít nhiều ta cũng có những khoảnh khắc vô cùng trân quý là được sống 30 năm trong không khí THANH TỊNH nơi chốn KHÔNG MÔN, cho dù mình sợ cảnh **com dờ, giường cứng rồi bỏ tu**, sáu tiếng đó nếu trong đoạn đời lưu lạc thẳng trầm của

chúng ta, nếu một phút giây yên ả nào đó ngồi xuống và nghỉ về. Hy vọng rằng trong tâm tư lờ lẫm vụng dại của mình sẽ nhận chân được rằng: Mình là ai, đang làm gì, ở đâu, chướng duyên nặng nhẹ thế nào?... Thì có lẽ lúc ấy tiếng chuông chùa sẽ đồng vọng trong ta và có thể nếu còn chút nghị lực mong manh nào đó trong lòng, hãy cố mà nương tiếng chuông ngân để quay về nẻo cũ. Có một điều rất lạ, là, khi xưa chúng ta từ bỏ ra đi cũng trên con đường ấy, cho dầu thời gian dài ngắn thế nào, thì con đường cũ ấy vẫn là con đường xưa cũ năm nao, nhưng nó sẽ rất là mới lạ dưới con mắt của kẻ trở về, và cũng COM đó, lại thấy sao mà ngon, GIƯỜNG đó lại thấy êm ấm hẳn lên, dưới tâm tư kẻ trở về.

Bởi vì ta cũng là ta của muôn trùng kiếp lại

Cũng là ta của vạn thuở ban đầu

Cho dầu rừng xưa thay lá, hạ trường xuân sinh

Và lúc ấy ta sẽ thấy rằng.

Dấu chân xưa ta in trên nền rêu cũ

Dấu chân nay cũng nền rêu cũ ta in.

Nhưng dấu chân nay thì

Đặng thánh địa trung tâm khai thánh trí

Nhập thiền môn túc hạ phát liên hoa.

(Bước vào đất thánh mở ra thánh trí - đi vào cửa thiền chân tự nở hoa sen)

Được như vậy thì ngày trở về dưới mái chùa xưa, dâng hương, lễ Phật, tụng niệm, tham thiền, hiến cúng hương hoa phẩm vật như ngày nào vậy thôi, mà sao sự màu nhiệm nó quá đong đầy, nhiều hạnh phúc, chùa xưa vẫn còn đó, Phật vẫn mãi mỉm cười nơi liên tọa và ta giờ này, nơi đây, chỗ này, không gian ấy của 30 năm cũ, vẫn hiển thị ngàn đời cho dù ta có ra đi vạn kiếp.

Không có cái khó dễ nơi cái nhìn, nơi pháp môn, nơi nhận chân nhanh hay chậm, mới hay cũ, mà nó nằm ở niềm tin, nghị lực, tinh tấn, hành sâu, nguyện thiết.

G-Minh

THAY TIM

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Ngày 24 tháng 3 năm 2012 vừa qua, tin tức về việc ghép thay tim của cựu Phó Tổng Thống Hoa Kỳ Dick Cheney, 75 tuổi, đã được loan báo rộng rãi trên truyền thông đại chúng. Ông đã trải qua năm lần bị heart attack, nhiều lần đặt stent, by pass và đã đợi 20 tháng để nhận được một trái tim từ một ân nhân vô danh. Thông thường bệnh nhân khác chỉ đợi từ 6-12 tháng. Tình trạng sức khỏe của ông sau khi thay tim được coi như là ổn định và vị bác sĩ thực hiện ghép tim cho hay là Phó Tổng Thống có thể sống ít nhất là trên 10 năm nữa.

Hàng năm tại Hoa Kỳ có gần 2500 người nhận được trái tim nhân đạo trong khi đó còn trên 16,000 người dưới 55 tuổi và khoảng 40,000 người trên 65 tuổi có thể có sức khỏe tốt nếu được thay tim.

Với ghép tim, xác suất thoát khỏi tử vong suy tim là 83% trong năm đầu; 78,9% trong 2 năm kế tiếp; năm thứ ba là 75,4% và năm thứ tư là 71,7%.

Trái tim đầu tiên được thay ở người là vào ngày 3 tháng 12 năm 1967 tại Nam Phi do bác sĩ Christiaan N. Barnard thực hiện. Mặc dù bệnh nhân chỉ sống thêm được 18 ngày, nhưng bác sĩ Barnard đã mở đường cho việc thay tim trị bệnh ở người, vì cho tới thời điểm đó chỉ mới có thử nghiệm thay tim ở súc vật. Ngoài ra ông cũng là người đầu tiên lấy tim từ người hiến tặng mà não bộ mới bị tê liệt brain death trong khi các bộ phận khác còn ít nhiều hoạt động.

Người sống lâu nhất sau thay tim là ông Tony Huesman ở Ohio, thay tim vào tháng 8 năm 1978, ra đi cũng vào tháng 8 năm 2009, kéo dài tuổi thọ được 31 năm. Lập gia đình năm 1997, Ông chết sau một cơn viêm phổi do virus, khiến cho trái tim mới trở nên suy yếu. Bà vợ nói rằng, chồng bà nhận có một trái tim nhưng ông đã mở rộng trái tim gấp 10 lần qua những công việc thiện nguyện của ông.

Điều kiện để được thay tim

Để được thay tim, bệnh nhân phải ở trong giai đoạn cuối của bệnh suy tim với nhiều cơ nguy tử vong trong vòng một năm với giảm trầm trọng khả năng bơm máu của tâm thất trái; điều trị nội khoa và giải phẫu không cải thiện được bệnh tình.

Có ít nhất 2 lý do chính đưa tới suy tim:

a- Hủy hoại không trở lại bình thường được của tế bào tim gây ra do bệnh của động mạch vành nuôi dưỡng tim bị tắc nghẽn và bệnh nhân đã nhiều lần bị heart attack; và

b- Bệnh của tế bào tim cardiomyopathy mà nguyên nhân có thể là do nhiễm virus, vi khuẩn hoặc do di truyền.

Cả hai bệnh đều làm giảm khả năng bơm máu của tim. Để bù đắp tim dày lớn dần dần và trở nên

suy yếu. Bệnh nhân cảm thấy khó thở, mau mệt dù là làm công việc hết sức nhẹ hoặc khi không làm việc gì; phù nề chân và bụng.

Điều trị nội khoa dùng các loại dược phẩm và các phương thức hỗ trợ tim.

Ngoại khoa có thể là by-pass động mạch vành, thông tim đặt stent hoặc balloon, gọt bớt tim quá to, pacemaker...

Đôi khi thay tim cũng được thực hiện cho bệnh nhân tim do hậu quả của thấp khớp rheumatic fever, cao huyết áp, bất thường ở các van tim, bệnh tim bẩm sinh hoặc các hoàn cảnh hiếm hoi như u bướu tim

Trước khi được thay tim, một toán chuyên viên y tế đủ mọi chuyên môn như tâm lý, nội ngoại khoa, xã hội, vật lý trị liệu, nha sĩ, toán bác sĩ cắt-ghép tim ...sẽ thay phiên gặp bệnh nhân để tìm hiểu về tình trạng sức khỏe từ thể chất tới tinh thần, các thói quen và nếp sống, có khả năng tuân theo các hướng dẫn trước cũng như sau giải phẫu.

Thường thường sau giải phẫu, bệnh nhân phải liên tục dùng nhiều dược phẩm khác nhau trong đó có các loại thuốc ngăn cản hiện tượng cơ thể chống lại trái tim mới được “đăng ký hộ khẩu” do yêu cầu.

Những ai không được thay tim

Một số bệnh nhân không thích hợp để thay tim, nhất là nếu họ lại bị các bệnh khác về sự tuần hoàn không liên quan gì tới trái tim. Những hoàn cảnh sau đây có thể gây ra biến chứng cho việc thay tim:

- Tăng huyết áp phổi cố định với tâm thất phải lớn;
- Đang bị các bệnh mãn tính trầm trọng;
- Tổn thương trầm trọng các bộ phận sinh tử như thận, gan, phổi, ruột hoặc hệ thần kinh trung ương;
- Ung thư mới hoặc không kiểm soát được;
- Cao huyết áp không được ổn định;
- Không đủ cương quyết ngưng lạm dụng rượu, thuốc cấm;
- Rối loạn tâm thần, không ý thức tuân theo hướng dẫn, điều trị;



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

- Từ 70 tuổi trở lên, tùy theo từng trung tâm tim mạch;
- Quá mập phì;
- Đang bị bệnh tiểu đường loại II phụ thuộc vào insulin kèm theo rối loạn các cơ quan khác.

Sửa soạn ghép tim

Có 5 giai đoạn để thực hiện ghép tim.

Một toán các nhà chuyên môn y tế sẽ làm những điều sau đây:

- Tìm hiểu coi bệnh nhân có đủ sức khỏe để nhận trái tim mới
- Tìm hiểu coi xem bệnh tim có đủ suy nhược đến nỗi phải cần một trái tim khác
- Sửa soạn trước để giải phẫu. Sửa soạn này kéo dài khá lâu và cũng bảo đảm rằng một trái tim sẽ được tìm ra;
- Thực hiện cuộc giải phẫu thay tim;
- Giúp bệnh nhân sống khỏe mạnh với trái tim mới sau giải phẫu

Việc thay tim coi bộ cũng khá giản dị

Khi có một trái tim thích hợp với mình thì một điều dưỡng viên sẽ triệu mình tới bệnh viện. Toán bác sĩ giải phẫu sẽ xem xét trái tim hiến tặng coi xem tình trạng ra sao, có tốt không, trong khi đó bệnh nhân được đưa vào phòng mổ để sửa soạn. Bệnh nhân được cho uống/chích các thuốc để cơ thể không chống bỏ tim mới. Nếu tim cho thích hợp thì phẫu thuật bắt đầu.

Mấy xương sườn được cắt, lồng ngực được mở ra, tim cũ lấy đi, tim mới đã được cắt xén gọn ghẽ sao cho vừa khít với tim bệnh sẽ được khâu vào. Diễn tiến kéo dài từ 7-12 giờ, bệnh nhân được đưa về phòng hồi sinh để theo dõi.

Thời gian nằm bệnh viện sau giải phẫu tùy theo tuổi tác, tình trạng sức khỏe của mình, tùy theo trái tim mới hoạt động ra sao và cũng tùy theo khả năng học hỏi cách thức sau giải phẫu. Trung bình từ 7-16 ngày.

Sau giải phẫu, bệnh nhân cần trở lại bệnh viện để được theo dõi trong vài tháng, riêng tháng đầu thì cần tái khám mỗi tuần sau khi xuất viện. Lý do là giải phẫu có thể có những biến chứng không lường trước được. Do đó bệnh nhân nên thu xếp chỗ ở gần với trung tâm thay ghép tim. Hiện nay có khoảng 160 trung tâm thay tim rải rác trên nước Mỹ.

Quyết định thay tim cần được cân nhắc kỹ càng vì:

- Đây là một đại giải phẫu với nhiều rủi ro và biến chứng mà các nhà chuyên môn sẽ giải thích cặn kẽ rõ ràng cho bệnh nhân.
- Sau giải phẫu, bệnh nhân phải hiểu rõ và tuyệt đối áp dụng các hướng dẫn về tự chăm sóc, về chế độ dinh dưỡng, dùng dược phẩm, tập luyện cơ thể, thay đổi lối sống trong suốt cuộc đời còn lại. Trong vài tháng sau giải phẫu cần giữ hẹn tái khám để được theo dõi tình trạng trái tim mới hoạt động ra sao, có bị ảnh hưởng bởi hiện tượng chối bỏ mà các

nhà chuyên môn có thể khám phá ra.

Nhắc lại là dược phẩm chính là loại có tác dụng ngăn ngừa cơ thể bệnh nhân phản ứng từ chối trái tim mới được ghép.

Dược phẩm này có nhiều tác dụng phụ đôi khi rất khó chịu như giảm khả năng chống bệnh nhiễm, tăng huyết áp, cao áp xuất mắt, cao cholesterol hoặc loãng xương vì thất thoát calci, nhưng lại tối cần thiết. Đó là các thuốc Cyclosporin, Prograf, Prednisone, Immuran or Cellcept. Cyclosporin do mấy loại nấm sản xuất được tìm ra vào năm 1982. Trước khi tìm ra thuốc này, các cuộc ghép đều không mấy thành công vì cơ thể một mực từ chối, hủy hoại bộ phận được ghép.

Sự từ chối này là một khả năng đặc biệt của cơ thể để chống lại bất cứ vật lạ nào xâm nhập cơ thể như các tác nhân gây bệnh vi khuẩn, virus, tế bào lạ. Khả năng này do hệ miễn nhiễm của cơ thể chịu trách nhiệm. Không có khả năng này thì tính mạng con người sẽ mong manh như trứng để đầu đẳng. Điều đáng tiếc là khả năng này không phân biệt được vật mới xâm nhập là thù (vi khuẩn...) hay bạn (trái tim nhân đạo), cho nên cứ thấy lạ là nó chống cự hủy hoại. Thuốc chống từ chối có mục đích ngăn sự reject này.

Kết luận

Sự tiến bộ của y khoa học thực là quá sức tưởng tượng.

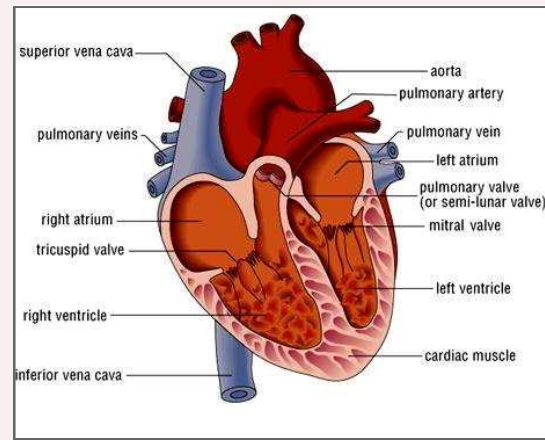
Từ nguyên thủy loài người, khi thương yêu nhau thì người ta trao tặng trái tim, trái tim tinh thần chứa đựng tình cảm thương yêu.

Ngày nay, vì lòng nhân đạo bác ái, người ta tặng cho nhau một trái tim thật, trái tim còn nóng hổi với nhịp đập mang nặng tình người. Thật là một nghĩa cử cao quý, như ý kiến của bác sĩ Barnard "Thực là hữu ích hơn khi chuyển ghép một trái tim thay vì chôn sâu nó dưới lòng đất làm mồ cho sâu bọ".

Nói về bệnh nhân thay tim đầu tiên của mình, ông còn có nhận xét "Với một người sắp chết, quyết định trở thành người đầu tiên được thay tim ở trên thế giới không phải là quyết định khó khăn vì người đó biết mình ở đường cùng. Nếu có một con sư tử rượt đuổi ta tới bờ một dòng sông lúc nhúc những cá sấu, ta vẫn lao mình xuống sông với hy vọng bơi sang bờ bên kia. Nhưng ta sẽ không chấp nhận hoàn cảnh đó nếu không có con sư tử".

Và xin kết luận bài viết với câu chuyện vui do danh hài TV Jay Leno kể "Một cư dân Do Thái được chuyển ghép trái tim của một người Palestinian. Anh ta bình phục hoàn toàn, chỉ có một điều là anh ta luôn luôn tự ném đá vào mình".

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức



NGƯỜI PHẬT TỬ NGÀY NAY TRONG THẾ GIỚI TÂY PHƯƠNG

Fabrice Midal — *Hoang Phong* chuyển ngữ

Vài lời giới thiệu của người dịch

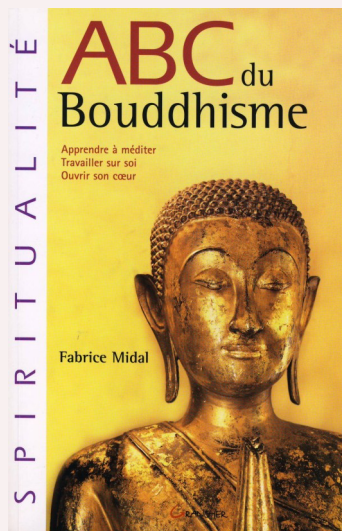
Dưới đây là phần chuyển ngữ toàn bộ chương I (tr.13-20) của một quyển sách nhỏ về Phật Giáo, mang tựa đề "*Phật Giáo nhập môn*" (*ABC du Bouddhisme*, nhà xuất bản Grancher, 2008). Tuy bàn về những vấn đề rất căn bản thế nhưng tập sách lại được viết bởi một triết gia Phật Giáo sâu sắc nổi tiếng hiện nay là Fabrice Midal. Trong chương đầu tiên này, tác giả tìm cách giải thích Phật Giáo là gì và nêu lên một vài khía cạnh về hiện tình phát triển của Phật Giáo tại Pháp và Âu Châu. Toàn bộ quyển sách được tác giả trình bày với một văn phong rất đơn giản và nêu lên các chủ đề cũng như các nhận xét thật bao quát, thế nhưng chúng ta vẫn nhìn thấy được chiều sâu và sự chính xác tàng ẩn phía sau từng dòng chữ thật đơn sơ của ông.

Sinh năm 1967 trong một gia đình Do Thái Giáo, năm 20 tuổi Fabrice Midal may mắn gặp được một nhà sư Tây Tạng khác thường là Chögyam Trungpa (1939-1987). Ông cao đầu và tu theo Phật Giáo Tây Tạng từ khi còn là sinh viên, sau đó thì đỗ tiến sĩ triết học tại đại học Sorbonne (Paris). Tuy thẩm nhuần các tư tưởng phóng khoáng, cấp tiến và "phi-giáo-điều" của vị thầy Chögyam Trungpa, ông cũng đã chịu ảnh hưởng rất nhiều từ các vị thầy Tây Tạng khác mà ông đã theo học, và đặc biệt nhất là được nhà thần kinh học nổi tiếng Francisco Varela (1946-2001) một trong các đệ tử thân cận của Đức Đạt-Lai Lạt-Ma, truyền thụ thêm cho ông về phép thiền định.

Lý do nào khiến người Tây Phương lại theo Phật Giáo đồng đến thế?

Quả thật là đã không hề có một dấu hiệu nào báo trước sự thành công kỳ lạ của Phật Giáo tại Tây Phương trước khi Phật Giáo tiếp xúc với miền đất này vào thế kỷ XX. Alfred Foucher (1865-1952, là một học giả uyên bác của Pháp), tác giả một quyển sách thuật lại cuộc đời của Đức Phật hiện vẫn còn giá trị, đã viết vào năm 1949 một câu như sau: "Ngoại trừ một số người đặc biệt hiếu kỳ thích quan tâm đến những thứ ngoại lai ra thì Phật Giáo rồi cũng sẽ chỉ thu nạp được một số tín đồ thật ít ỏi trên đất nước của chúng ta". Theo ông thì tín ngưỡng đó không sao hòa hợp được với tâm tính của người Tây Phương.

Ngày nay nhiều khái niệm chủ yếu của Phật Giáo được biết đến và có thể nói rằng đã có rất nhiều người Tây Phương tán đồng các quan điểm ấy: dù đây là lòng từ bi, sự vững chắc của hiện tượng vô thường (chữ này là một đặc thù của Phật Giáo), các



Fabrice Midal và hình bìa tác phẩm "*ABC du Bouddhisme*".



khái niệm về vô-ngã, về nghiệp hay là hiện tượng tương liên (*lý duyên khởi*). Người ta có thể quả quyết rằng rồi đây Tây Phương sẽ trở thành mảnh đất của Phật Giáo, dù không nhất thiết phải là dưới một hình thức tu tập thật chuyên cần đi nữa.

Sự lợi ích do thiền định mang lại thì mọi người đều biết và đã có hàng triệu người đang luyện tập hiện nay.

Khoảng hơn bảy-trăm-ngàn người Pháp tự nhận mình là Phật tử (*nước Pháp có 65 triệu dân*), và do đó Phật Giáo đã trở thành tôn giáo đứng hàng thứ ba tại quốc gia này. Con số ấy thật ra còn che khuất một sự thật quan trọng hơn thế nhiều: đây là có năm triệu người Pháp cho rằng Phật Giáo là một tín ngưỡng mà họ cảm thấy gần gũi với mình hơn cả. Phật Giáo du nhập vào nước Pháp vững chắc hơn so với các nơi khác: hàng nhiều trăm trung tâm thiền định đã được thiết lập trên đất Pháp. Ngôi chùa Tây Tạng lớn nhất Âu Châu tọa lạc trong vùng Bourgogne (*miền đông nước Pháp*), trung tâm thiền Zen quan trọng nhất ở Âu Châu được thiết lập tại Tournai (*miền tây nước Pháp*), và ngôi chùa mới của Phật Giáo Việt Nam thì ở Evry (*ngoại ô Paris*).

Có rất nhiều nguyên nhân đưa đến sự phát triển của Phật Giáo trên đây. Thế nhưng căn cứ vào một vài khía cạnh của tín ngưỡng Phật Giáo đã khiến cho con tim của người Tây Phương phải rung động thì có lẽ chỉ cần nhận ra hai nguyên nhân chính yếu nhất là đủ: trước hết là một nền móng đạo đức xây dựng trên sự khoan dung, lòng nhân ái, sự ý thức được trách nhiệm của mình đối với người khác trong cộng đồng xã hội; và kế đó là sự tập luyện về thiền định

như là một nghệ thuật sống, giúp làm hiển lộ được bản chất đích thật nơi con người của mỗi chúng ta trong bất cứ một bối cảnh nào trong cuộc sống.

Các nguồn tài nguyên thiên nhiên bị tàn phá triệt để khiến cho tương lai của hành tinh này đang bị hăm dọa một cách trầm trọng, và nếu nhìn trên một bình diện rộng hơn nữa thì có thể nói rằng bất cứ thứ gì trên hành tinh này cũng đều đang bị khai thác một cách tận cùng - trong đó kể cả con người. Trong bối cảnh đó đối với nhiều người thì Phật Giáo đã xuất hiện như là một giải pháp cứu tinh mạnh mẽ, mạch lạc và thật cần thiết.

Đối với người Tây Phương muốn trở thành một Phật tử thì phải như thế nào?

Đây là ước vọng được bước theo bước chân của Đức Phật, thế nhưng đây không phải là cách thấu thập cho mình một thứ gì ngoại lai, mà thật ra là để noi theo tấm gương của một Con Người cách nay hơn hai-ngàn-năm-trăm năm đã khám phá ra một con đường cho chúng ta bước theo, hầu giúp cho mình trở thành những con người xứng đáng hơn.

Nếu bắt buộc phải định nghĩa Phật Giáo bằng một câu duy nhất thì tôi sẽ nói rằng đây là một phương pháp giúp chúng ta sống thật trọn vẹn từng giây phút một trong cuộc đời này.

Tất cả chúng ta đều trải qua những giây phút khổ nhọc và đau buồn, và cả mọi thứ khó khăn khác mang ít nhiều gay gắt. Thế nhưng Phật Giáo cho thấy là chúng ta có thể triệt tiêu được những thứ ấy một cách hữu hiệu, và còn nhấn bảo với chúng ta không nên đổ lỗi cho hoàn cảnh bên ngoài hay cho người khác, vì đây chỉ là cách ngăn chặn không giúp chúng ta trưởng thành một cách đúng đắn được.

Phật Giáo khuyên chúng ta phải luôn giữ sự chính xác và phải chú tâm đến từng cảm nhận của mình trong cuộc sống, trong mỗi tư duy, trong từng xúc cảm, và mỗi hành động của mình. Nếu nhìn theo chiều hướng đó thì Phật Giáo không phải là một tôn giáo. Phật Giáo không bắt nguồn từ một thứ đức tin nào cả, và cũng chẳng cần phải chấp nhận một thứ hiểu biết nào mang tính cách giáo điều. Kể cả một Đấng Tối Cao cũng không có trong tín ngưỡng ấy.

Giáo huấn của Đức Phật là những lời chỉ dạy giúp chúng ta tiếp cận trực tiếp với những kinh nghiệm sống thật mà chúng ta cảm nhận được. Dầu sao thì chữ kinh nghiệm (experience) không hàm chứa đầy đủ được ý nghĩa cần thiết để diễn đạt được những gì nói đến trên đây, bởi vì ngày nay chữ kinh nghiệm đã quen được sử dụng trong khoa học và mang ý nghĩa như là một sự thử nghiệm, không còn là một sự lắng nghe với tất cả sự cảnh giác nữa.

Bước theo vết chân của Đức Phật trước hết có nghĩa là khám phá ra rằng thực tại không hề hiển hiện ra đúng thật của nó, thế nhưng chúng ta thì lại không sẵn sàng để chấp nhận điều ấy. Vì thế phải cần đến một sự tập luyện cần thiết nào đó để giúp chúng ta tiếp cận thật gần, đúng thật với những gì đang hiển hiện ra. Thí dụ như khi viếng thăm một thành phố nào đó mà trước đây ta chưa hề biết, thì trong trường hợp ấy ta cũng cần phải có một thời



gian để cảm nhận được các đặc điểm của nơi ấy, và khung cảnh sinh hoạt của nơi ấy. Thế nhưng vẫn có thể là ta không thể nào quả quyết là *minh đã cảm nhận được* một cách đích thật tất cả những gì trong bối cảnh cá biệt ấy hay không, do đó ta cần phải có thêm thì giờ để kiểm chứng lại. Nếu nhìn theo khía cạnh ấy thì sẽ hiểu rằng Phật Giáo khuyên chúng ta phải tập luyện thiền định. Đức Phật ngồi xuống để thiền định và đã tiếp cận trực tiếp và thật sát với tất cả mọi sự vật đúng với những gì chúng hiển hiện ra, đồng thời thì Ngài cũng đã nhìn thẳng vào những kinh nghiệm cảm nhận của chính Ngài với một sự sắc bén thật cao độ. Trở thành một người Phật tử chỉ đơn giản có thể, tức có nghĩa là biết hành xử như thế.

Tuy nhiên không phải dễ để thực hiện được điều ấy. Nếu nhiều người cùng tập luyện chung với nhau thì có thể sẽ dễ dàng hơn, nhất là biết tuân theo một số quy tắc được thiết đặt rõ rệt và biết cố gắng giữ sự thành tín mang tính cách "tôn giáo" trong lòng mình, phải tự tin rằng mình là một người tốt và mình có lý - không nên đổ lỗi cho người khác về các khó khăn của chính mình. Con người luôn bị thúc đẩy thật mạnh bởi một niềm mong muốn tạo lập được một cơ sở nào đó và dồn tất cả trí thông minh của mình vào đấy, và sau đó thì hy sinh tất cả cho lý tưởng ấy - thí dụ như thành lập một xí nghiệp, một hội đoàn, một cơ sở hành chánh, hay theo một Giáo Phái nào đó mà vì hoàn cảnh đưa đẩy đã trói buộc mình vào với nó. Tất cả những thứ ấy thật vô cùng khủng khiếp.

Đức Phật khuyên chúng ta phải biết tận hưởng, biết cảm nhận và biết sống trong từng giây phút một qua sự hiện hữu của chính mình, thế nhưng không phải vì thế mà phải loại bỏ trí thông minh của chính mình, và bắt buộc mình phải giao sự tự do của chính mình vào trong tay của bất cứ ai khác.

Các điều ấy có khác với những gì đang xảy ra ở các nước Tây Phương hay không?

Đúng là có, bởi vì tại Á Châu thông thường thiền định không được xem là tâm điểm của Phật Giáo. Thiền định chỉ được thực thi bởi một số người đặc biệt quan tâm đến nó mà thôi. Phật Giáo tại những nơi này đã hòa nhập một cách tự nhiên với cuộc

sống thường nhật. Tại Tây Phương, chúng ta cũng thấy một hiện tượng tương tự như thế đối với Thiên Chúa Giáo, và cũng nên hiểu rằng nhiều người xem tất cả những thứ ấy chỉ là một khung trời thẩm đượm văn hóa và các tập quán lâu đời mà thôi, không phải là một con đường tâm linh đích thật.

Phật giáo tại Tây Phương trước hết phải được xem là một sự truyền thụ tâm linh. Phật Giáo không phải là một thứ tổng hợp gồm các tín điều, nghi lễ và các thái độ hành xử. Quả thật tất cả là nhờ vào những vị "anh hùng" (đây là cách "mượn chữ" trong kinh sách Phật Giáo, nhất là kinh sách Phật Giáo Tây Tạng, chữ "anh hùng" dùng để chỉ những vị Bồ-tát xả thân cho lý tưởng của mình, và trong trường hợp này là những nhà sư Tây Tạng đã trốn thoát khỏi quê hương của họ để sống lưu vong tại Âu Châu) đã mang Phật Giáo vào Tây Phương cho chúng ta vào hậu bán thế kỷ XX, đây là những người bị gạt ra khỏi các thể chế xã hội trên chính quê hương của họ. Họ ý thức được Phật Giáo đang trở thành một thứ hóa thạch (địa khai - fossil) trên quê hương họ, và khi đã đến được mảnh đất phương Tây thì họ cũng hiểu được rằng đây cũng là một cơ hội để giúp cho Phật Giáo tồn tại, và hơn nữa đây cũng là một dịp để phát huy cho mọi người biết đến các tiềm năng quý giá vô ngần của Phật Giáo. Những tiềm năng ấy không nhất thiết đề cao một nền luân lý hay quảng bá một thứ giáo điều nào cả, mà đúng hơn đây là những gì giúp chúng ta có thể nhìn thấy được một thể dạng hiện hữu nào đó (thể dạng thanh cao, an vui và giải thoát của một người tu tập).

Đối với các thế hệ trẻ tại Á Châu, Phật Giáo bị xem như là một thứ gì lạc hậu, và cũng chẳng giúp ích gì được cho họ trong cuộc chạy đua kinh tế toàn cầu mà họ đang muốn nhập cuộc để tham gia. Trong thế giới Tây Phương thì chúng ta may mắn hơn và đã ý thức được những giới hạn của chủ thuyết toàn cầu hóa đó cũng như của sự đua đòi tiện nghi vật chất. Kinh nghiệm bản thân giúp chúng ta chứng nghiệm được tính cách đích thật trong những lời giáo huấn của Đức Phật. Các lời giáo huấn ấy giúp chúng ta ý thức được là dù luôn cố tìm cách thỏa mãn sự ham muốn thế nhưng thực sự ra thì chúng ta sẽ không bao giờ hết thèm khát cả. Chúng ta nào có biết tìm lấy cho mình sự an vui sẵn có mà luôn chỉ muốn tìm cách để đuổi theo những thứ khác hơn.

Dầu sau thì vấn đề vẫn còn hàm chứa một khía

canh khác nữa. Trong thế giới Đông Phương, Phật Giáo đã ăn sâu vào toàn bộ nền văn hóa và thẩm nhuần trong từng sinh hoạt cụ thể của cuộc sống thường nhật. Con người hít thở bầu không khí Phật Giáo một cách thật tự nhiên - hành động của họ đều thẩm đượm tinh thần Phật Giáo, từ cách ăn ở, cách chào hỏi, cách ngắm nhìn muôn thú, núi đồi hay bất cứ một sự vật nào khác. Các nền văn hóa Đông Phương không hề gây chiến chống lại bất cứ gì chi phối bởi một thứ trật tự duy lý mang tính cách tính toán - mà luôn giữ được ý nghĩa của sự thiêng liêng và nghi lễ, biết quan tâm đến thân xác và cả tình yêu thương. Và đây chính là những gì mà chúng ta không có. Muốn thực hiện được những điều ấy thì nhất định phải cần đến một sự cố gắng thật lớn lao. Nếu không thiết lập được một nền móng văn hóa Phật Giáo đích thực tại Tây Phương thì cũng sẽ khó lòng mà giúp cho Phật Giáo bắt rễ vào mảnh đất ấy.

Sau hết cũng cần phải nêu lên thêm một sự khác biệt nữa giữa Phật Giáo Á Châu và Phật Giáo Tây Phương: đây là vai trò của những người xuất gia. Tại Đông Phương nhất là ở các nước Đông Nam Á, vị thế của người tu hành được nâng lên rất cao. Người thế tục thuộc mọi thành phần đều phải cung cấp các tiện nghi vật chất cho các nhà sư trong cuộc sống thường nhật, và họ xem bổn phận ấy quan trọng hơn cả việc tu tập để hưởng vào sự giác ngộ cho chính mình.

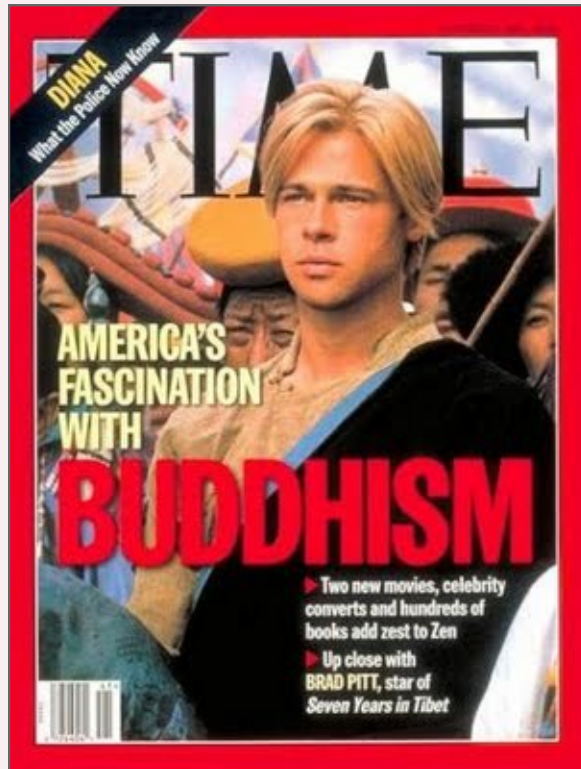
Ở Tây Phương thì lại khác, các người thế tục chỉ biết lo tu tập, tham gia vào các khóa ẩn cư hay các buổi thực tập. Họ tìm cách bước thẳng vào lãnh vực cao thâm nhất và linh thiêng nhất của Phật Giáo.

Nguyên nhân nào đã thúc đẩy ta trở thành người Phật Giáo?

Con người càng đa dạng bao nhiêu thì những nguyên nhân thúc đẩy cũng càng phức tạp bấy nhiêu.

Các nguyên nhân ấy có thể là sự bất an gay gắt trong lòng, sự bất toại nguyện dai dẳng (vì khổ đau mà tu), chấp nhận tự gánh vác tất cả mọi khó khăn của mình (ý thức được nguyên nhân của khổ đau là do chính mình gây ra), hay đây là tinh thần thượng võ, lòng ước vọng giúp đỡ tất cả chúng sinh (lý tưởng của người bồ-tát).

Hoặc cũng có thể là vì cảm nhận được ý nghĩa sâu xa trong những lời giảng huấn của Đức Phật,



luôn vang lên trong lòng mình một cách thật thiết tha.

Dầu sao đi nữa thì đến một ngày nào đó, người ta cũng sẽ cảm thấy mình muốn được uống những ngụm nước tuôn ra từ con suối ấy (*tức Phật Giáo*). Nếu muốn đến được con suối thì phải sẵn sàng từ bỏ các thói quen chỉ biết hành xử nhằm vào quyền lợi cá nhân của mình. Quả thật chẳng có gì hẹp hòi hơn. Đây chỉ là một cách chạy quần chạy quanh. Chính vì thế mà đến một lúc nào đó chúng ta cũng sẽ muốn được nhìn thấy các sự vật gần hơn, đúng thật hơn với cách mà chúng hiển hiện ra.

Đây chính là cách giúp chúng ta bước vào "con đường".

Các nguyên nhân khiến chúng ta tìm đến với Phật Giáo tất nhiên cũng phải biến đổi. Những nguyên nhân thúc đẩy hẹp hòi rồi sẽ dần dần biến thành những nguyên nhân cao rộng hơn, sự ích kỷ rồi một lúc nào đó cũng sẽ chuyển thành lòng quyết tâm hy sinh vì sự lợi ích của kẻ khác.

Dù được thúc đẩy bởi bất cứ một động lực nào đi nữa thì luôn luôn ta cũng phải cần đến một con đường giúp cho ta theo đó mà đi.

Quả đây là một thứ gì thật khó. Con người lúc nào cũng muốn che chở mình bằng một lớp vỏ bên ngoài thật cứng nhắc mà chẳng bao giờ nghĩ đến là phải biến cải chính mình từ bên trong.

Thế nhưng đây lại là mục đích của Phật Giáo. Phải tu tập mà thôi, thế nhưng không phải tập để đơn giản trở thành một người Phật tử - chữ ấy mang một ý nghĩa thật đáng thương hại, bởi vì đây chỉ là cách gán thêm cho mình một thứ cá tính nào đó để tự nâng cao giá trị của mình, hầu để tự trấn an lấy mình - mà đúng hơn tu tập có nghĩa là phải đi theo những bước chân của Đức Phật.

Phật Giáo có nghi lễ nào tương tự như lễ rửa tội hay lễ Bar Mitsva (lễ thụ giới của Do Thái Giáo lúc con gái vừa đúng 12 tuổi và con trai thì 13 tuổi) hay không?

Khi sinh ra chúng ta không đương nhiên là người Phật Giáo, tương tự như trường hợp của Do Thái Giáo, hay là trường hợp của Thiên Chúa Giáo nhờ vào phép rửa tội. Chúng ta trở thành người Phật Giáo bằng một sự tự nguyện mang tính cách cá nhân gọi là "quy y Tam Bảo" tức là nương tựa vào Đức Phật, Đạo Pháp và Tăng Đoàn: đây là tấm gương để ta noi theo (*tức Đức Phật*), con đường giúp ta bước theo (*Đạo Pháp*), và tập thể những người đảm trách việc truyền giáo (*Tăng Đoàn*).

Tại sao lại gọi là "quy y"?

Quyết tâm trở thành một người Phật Giáo là một cách (*gián tiếp*) chứng tỏ cho thấy là các mục tiêu trước đây không đáp ứng được nguyện vọng của mình. Các mục tiêu ấy không đủ vững chắc để cho ta có thể nương tựa vào đấy. Tìm kiếm lạc thú, lợi lộc, uy quyền thì rốt cuộc cũng chỉ là cách chạy theo những thứ phù du. Sự nương tựa đích thật mang lại lợi ích thực sự chính là cái không gian mở rộng - cái không gian mà Đức Phật đã trở cho chúng ta thấy. Chỉ có Đức Phật là vững bền và không có bất cứ một

thứ gì có thể làm cho Ngài bị ô uế được.

Đức Phật cũng như Đạo Pháp và Tăng Đoàn tất cả đều hiển lộ một cách thật xác thực, và được xem như ba viên ngọc quý giá không gì có thể so sánh được. Những viên ngọc vô giá đó có thể giúp chúng ta chữa lành những vết thương sâu kín nhất. Chúng ta có thể mạnh dạn nương tựa vào những viên bảo châu ấy mà không e ngại gì cả. Đây là những viên bảo châu không bao giờ phản bội chúng ta và cũng không bao giờ làm cho chúng ta phải bị lạc hướng...

Việc quy y thường được diễn ra trong một buổi lễ với sự chủ tọa của một vị thầy, có thể tổ chức ở chùa hay tại nhà. Thế thức thật giản dị, chỉ cần xưng lên ba lần:

Tôi xin quy y Phật

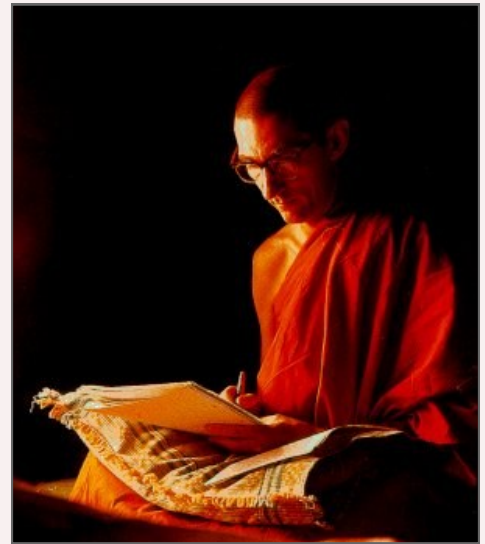
Tôi xin quy y Pháp

Tôi xin quy y Tăng

Để chính thức hóa sự kiện ấy, người chủ lễ sẽ cắt một lọn tóc của người tân đồ đệ, tương tự như khi Đức Phật rời bỏ cung điện vua cha đã cắt tóc để tỏ sự quyết tâm đi theo con đường mà mình đã chọn.

Ngay cả ở Phương Đông, tục lệ này đôi khi cũng không còn giữ được tính cách long trọng như xưa nữa, và tiếc thay đây lại là những gì thật cần thiết. Người tân đồ đệ dù có xưng lên những lời ước nguyện thế nhưng cũng chẳng cần biết đây có ý nghĩa gì, và cũng chẳng cần phải đem ra để áp dụng trên con đường tu tập của mình. Vì thế nên ngày nay tại Tây Phương thiết nghĩ cũng nên tổ chức lễ quy y thật long trọng và nên chờ đến khi nào người tu tập thật sự sẵn sàng để quy y và quyết tâm tuân thủ những điều nguyện ước của mình thì mới làm.

Hành động quy y không phải chỉ có ý nghĩa và giới hạn trong buổi lễ. Người tu tập trong từng ngày phải nhớ đến hành động quy y của mình, và phải xem đây như là một phép tu tập đích thật, và đây cũng là một cách nhắc nhở mỗi người chúng ta không được quên cái lý tưởng mà chúng ta hằng mong muốn là mang lại cho sự sống của chính mình. Mặc dù không hề ý thức được, thế nhưng thực ra thì lúc nào chúng ta cũng bám víu quá nhiều vào những thứ vô ích và phù du, vì thế tốt hơn hết chúng ta nên tìm cho mình một hướng đi (*tức là Phật Giáo*) để gỡ gãi con tim của chính mình.



Bures-Sur-Yvette, 27.01.12
Hoang Phong chuyển ngữ

PHẬT PHÁP VỚI TUỔI TRẺ

AN CƯ KIẾT HẠ

GDPTVN tại Hoa Kỳ biên soạn

I. Lời nói đầu:

An-cư kiết hạ là pháp tu hành của các vị xuất-gia trong ba tháng Hạ, bắt đầu từ Phật Đản (rằm tháng Tư âm lịch) cho đến Vu Lan (rằm tháng 7). Trong ba tháng ấy, Tăng chúng tập hợp trong một ngôi chùa, trong một tông lâm hay ở một chỗ thanh vắng để chuyên lo tu học, không làm một việc gì ngoài sự tu học để tinh tấn đạo nghiệp.

II. Nguyên nhân của pháp an-cư kiết hạ:

1. Mùa Hạ vì hay mưa gió nên cũng là mùa sanh sản các loại sâu bọ. Để khỏi dẫm đạp tàn hại các loài vi sinh trái hạnh từ-bi, trong ba tháng Hạ, các vị xuất-gia không đi ra ngoài.
2. Người xuất-gia là phải tu-hành, nhưng muốn tu-hành cần phải tìm chỗ an-tĩnh, chuyên tu thiền quán mới mong có kết quả. Trong một năm để 9 tháng truyền bá chánh pháp, ba tháng còn lại hoàn toàn dành cho sự tu học.
3. An-cư kiết hạ còn có ý-nghĩa là tụ-hợp Tăng chúng ở chỗ thanh-tĩnh để cùng nhau tu hành, kiểm điểm hành vi, cử chỉ, y theo luật Phật mà hành trì.

III. Ý nghĩa và lợi ích của an-cư kiết hạ:

1. Tôn trọng sự sống: Sự sống chỉ có một nên không thể xâm phạm sinh mạng của bất cứ loài nào, dù là của loài vi sinh. Đức Phật khuyến-khích an-cư là muốn Tăng chúng không dẫm đạp giết hại các loài vi-sanh sinh trưởng rất nhiều trong 3 tháng mùa hạ.
2. Thương tưởng đồ chúng: Vì thương tưởng đồ chúng, nên đức Phật chú trọng tăng trưởng phước đức trí-huệ cho đồ chúng bằng cách khuyến khích Tăng chúng mỗi năm phải thanh tịnh tu hành trong 3 tháng; có vậy sự học mới tăng tiến.
3. Chú trọng thực hành và duy trì giới luật: Chỉ có sự thực hành mới thiết thực hiểu đạo và chứng đạo. Ba tháng an-cư kiết hạ là 3 tháng Tăng chúng triệt để tuân theo những giới luật của đức Phật. Mọi cử chỉ và hành động phải đúng như lời Phật dạy.

IV. An cư kiết hạ là dịp thọ tuổi của Chư Tăng:

Người đời lấy năm sanh mà kể tuổi. Người xuất-gia trong đạo Phật lấy số kiết-hạ làm tuổi. Một người chưa kiết-hạ là xem như chưa sinh ra thì chưa có tuổi nào. Người kiết-hạ 2 lần thì được hai tuổi. Ngày rằm tháng bảy là ngày thọ tuổi của người xuất-gia, người nào thọ đạo cao thì được tôn trọng, được

ngôi thứ cao trong Tăng chúng, được làm Pháp-Sư, được nuôi dạy đồ chúng, được truyền giáo giới pháp.

V. Kết luận:

Đức Phật dạy rằng bốn phen người xuất-gia là phải an-cư kiết-hạ mỗi năm một lần. Dù đến 60 tuổi cũng vẫn phải an-cư kiết-hạ. Lời dạy này nêu rõ đức Phật rất chú trọng đến sự thanh-tĩnh tu-hành, sự hành trì giới luật một cách triệt để.

The Summer Retreat

I. Foreword:

The summer retreat is a method for Buddhist monks to practice during the three months in the summer. During this period, the Sangha gather at a pagoda or in an undisturbed forest to study Buddhism in solitude.

II. Reasons to practice the summer retreat:

1. Summer is a rainy season in India. It is also a time when many different kinds of insects give birth. Therefore, to avoid stepping on the insects, the Buddhist preachers stay inside throughout these summer months.
2. Besides preaching the religion, Buddhist monks must also practice Buddhism themselves. Especially when practicing meditation, Buddhist monks need a quiet place in order to fully achieve this goal. The Buddhist monks spend 9 months out of a year travelling to different places propagating and preaching Buddhism, and spend the other three months concentrating only on their studies.
3. The summer retreat provides an occasion for the Sangha to join at a quiet place to practice together and review their actions and behavior within the Buddhist regulations. It is a time of self-correction.





III. The meanings and benefits of the summer retreat:

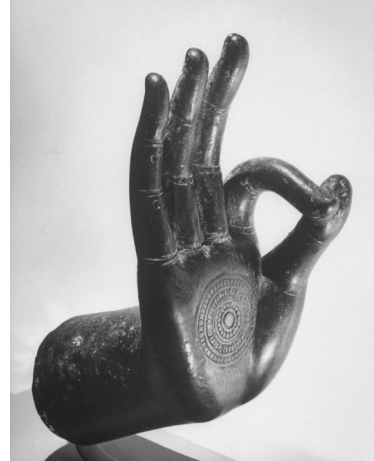
1. Respect the lives of all beings: Everyone presently has only one life; therefore, one should not violate others' right to live (even that of bacteria). Buddha sets up the Peaceful-Summer- Religious Life session to allow His followers to be aware of all beings and not overlook the chances of stepping on insects during the summer season.
2. Love His disciples: In loving His disciples, the Buddha helps them build up good deeds and wisdom by encouraging them to take advantage of the summer retreat to purely concentrate on their studies and practices.
3. Apply and Maintain the Precepts: Practicing Buddhism is the best way to truly understand and attain the enlightenment. Throughout the summer retreat, the Shangas strictly obey the precepts. Every behavior and action carried out must be in accordance to Buddha's teachings.

IV. The summer retreat: an occasion for the Buddhist monks to earn their religious age:

A person gains another "life" age on his birthday, while all Buddhist monks earn another "religious" age during the summer retreat. A Buddhist monk who has not attended any summer retreat is considered religiously ageless. Anyone who attends a summer retreat will earn one religious year of age, and so on. On the Veska day of every year (July 15th on Lunar calendar), the monks are determined to earn their religious age. Whoever attended many summer retreat will be presented the highest rank entitled as the Master of Dharma in the Shangas, and greatly respected by all. He also gains the right to accept disciples.

V. Conclusion:

According to Buddha's teachings, the Buddhist monk should live in the summer retreat every year. Even at the age of sixty, he still has to do so. This shows that Buddha greatly emphasizes the importance of a purified life and the maintaining of the precepts of His disciples.



CẢM TẠ

Thành thật cảm tạ sự ủng hộ quý báu bằng tinh thần hay tịnh tài của chư tôn đức Tăng Ni và độc giả đối với báo Chánh Pháp. Đây là niềm khích lệ to lớn cho chúng tôi trong công tác truyền thông, hoằng pháp.

Ngoài sự bảo trợ ẩn phí của chư tôn đức và các tự viện, chúng tôi còn nhận được sự ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni và quý phật-tử cũng như của quý thân chủ quảng cáo.

Sau đây là danh sách ủng hộ báo Chánh Pháp tháng qua:

Sư Bà Thích nữ Như Nguyễn \$600,
Phật Học Viện Quốc Tế \$1,200, Dr.
Huỳnh Tấn Lê \$600, Nguyễn Thanh
Loan \$200, Jackie Huỳnh \$100, Trần
Kim Anh \$100, Sa Di Tâm Định \$40,
Mimosa Ng. \$60, Kimberly Khương
\$10, Trúc Lê \$20, Hoàng Kim Ngô \$20,
Ng. Lương Sơn \$60...

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư liệt vị thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Ban Thư Ký Chánh Pháp

MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

MĂNG XANH XÀO

Vật Liệu:

1. 2 lbs măng xanh
2. 2 miếng tàu hũ
3. 1 tsp dầu hào chay
4. 1 tsp dầu mè
5. 1 tsp dầu olive



Cách Làm:

Măng cắt ra từng khúc dài khoảng 3 phân, rửa sạch để cho ráo nước. Cắt tàu hũ ra từng miếng hình chữ nhật khoảng 2x1 phân và để ra cho ráo nước. Nấu một nồi nước sôi có vừa đủ nước ngập lên mặt măng khi bỏ vào. Tắt lửa khi nước sôi, bỏ măng vào ngâm trong nước khoảng 2 phút thì để măng ra cho ráo nước. Bắc chảo lên và bỏ vào 2 tsp dầu olive. Khi dầu vừa nóng thì bỏ tàu hũ vào chiên sơ. Kế đến bỏ măng vào xào lên cho đều, thêm vào 1 tsp dầu hào chay, 1 tsp dầu mè, và xào lên cho đều khoảng 1 phút là có được một đĩa măng xào thật ngon và bổ.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

Tình Thương và Hạnh Phúc

Thị Giới

Đức Phật cho chúng ta biết rằng tất cả mọi chúng sanh đều có tính Phật và bình đẳng trong nhu cầu hạnh phúc cũng như khả năng tìm cầu hạnh phúc. Tất cả chúng sanh đều có tiềm năng thành Phật, đều có khả năng phát triển lòng thương.

Theo kinh Pháp Hoa, con đường tiến bộ chân thật của người Phật tử nói riêng và của mọi chúng sanh nói chung là con đường Bồ tát, con đường tình thương và gieo giống tình thương. Ngoài con đường đó không có một con đường nào khác. Con đường Bồ tát đó tuy là một con đường khó khăn, nhưng cũng là con đường chan chứa niềm vui. Đó là con đường từ bỏ sự nghi ngại an dưỡng của hóa thành để dẫn bước trên một con đường thênh thang hơn, con đường tìm thấy lại và sử dụng thiện xảo gia tài trân quý vốn có nơi mình.

Trong đời sống hàng ngày, tình thương cũng chứng tỏ là suối nguồn hạnh phúc của con người cũng như mọi loài, là đôi cánh cho sự thăng hoa của đời sống.

Nhân loại đã không sống còn và tiến hóa nếu không có tình thương, nếu không có sự quây quần đùm bọc để vượt qua sự tàn bạo của thiên tai, bệnh tật, thú dữ. Các loại sinh vật trên trái đất đã không sống còn nếu không có tình thương để kết thành bầy đàn bảo vệ lẫn nhau. Chúng ta sẽ không thể lớn lên an toàn và nên người nếu không có sự yêu thương đùm bọc của cha mẹ và cộng đồng...

Nói về mối tương quan giữa hạnh phúc và tình thương, trong Kinh Pháp Cú, đức Phật dạy:

*"Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù!
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù!" (197)*

Khi có tình thương và nhận thức về tình thương, chúng ta cũng sẽ nhìn rõ hơn chúng ta và

người khác. Chúng ta sẽ thấy rằng những người dường như không có tình thương, luôn luôn muốn gây đau khổ cho người khác, là những người thật sự đang đau khổ, đang không được hưởng hạnh phúc của tâm bình an và nhu cầu kết nối vốn có của mọi người. Khi nhận ra điều đó, chúng ta sẽ mở rộng lòng hơn, chân sẽ bước nhẹ nhàng hơn trong cuộc sống có quá nhiều tranh chấp này. Chúng ta sẽ có thể chuyển hóa những mũi tên độc của tham sân si thành những đóa hoa thơm đẹp, như đức Phật đã làm trước khi ngài thành Đạo.

Khả năng hạnh phúc của đạo Phật, đạo của tình thương, cũng đã được khoa học chứng minh. Theo một nhóm nghiên cứu ở Hoa Kỳ khi rà soát não bộ của một số người tu tập theo đạo Phật, họ thấy rằng những tín hiệu nơi "trung tâm hạnh phúc" trong não của những người này luôn luôn sinh động, chứng minh cho sự hiện hữu của tâm bình an và sự hài lòng trong cuộc sống của những người đó. Đại học Wisconsin-Madison cũng theo dõi những khu vực quan trọng về



cảm xúc, thấy rằng phía trái của não - "trung tâm hạnh phúc" - liên tục sinh động nơi những người tu tập theo đạo Phật lâu năm. Nghiên cứu khác ở Hoa Kỳ cũng cho thấy rằng mức độ hoạt động của phần não tạo ra sợ hãi và lo lắng nơi người Phật tử thấp hơn ở những người khác.

Như chúng ta biết, đạo Phật là đạo của tình thương đồng thời cũng là con đường xây dựng hạnh phúc. Mục đích của đức Phật khi đi tìm con đường bình an và giải thoát là để đem đến sự bình an và giải thoát cho mọi người, mọi loài. Nguyên nhân của đạo Phật là tình thương và mục đích của đạo Phật là hạnh phúc.

Với đạo Phật cũng như tâm lý học hiện đại, tình thương và hạnh phúc là hai thứ đi song đôi. Không có tình thương, con người sẽ dễ tạo ra những khổ đau cho mình cũng như cho người. Không có hạnh phúc, con người có khuynh hướng đem sự bất hạnh đến cho người khác. Không có tình thương và hạnh phúc, con người sẽ thường xuyên sống trong ích kỷ và sân giận, và từ đó khép kín cánh cửa bước vào con đường hạnh phúc của chính mình, đồng thời tạo ra khổ đau cho người. Và một trong những sự mâu nhiệm của tình thương là hóa giải được lòng nóng giận, nguyên nhân chính gây ra mọi bất hạnh, khổ đau. Ngày nay, người Tây phương hiểu rất rõ những tai hại của sự nóng giận và những chương trình đối trị nóng giận (anger management) được họ đặc biệt quan tâm.

Theo các nhà nghiên cứu Tây phương, nóng giận là một thứ tàn phá thể xác và tinh thần mà không có sự bồi dưỡng, tập luyện nào có thể bù đắp lại. Khi nóng giận thì cơ bắp căng thẳng, mặt đỏ, tai ù... Nóng giận lâu có thể đưa đến tình trạng đau đầu trầm trọng, đau nửa đầu, ung nhọt trong bộ phận tiêu hóa, ăn không tiêu, táo bón, hại thận, ép tim. Về mặt tâm lý, nóng giận gây ra chúng tinh thần trì trệ, mất ngủ, ác mộng...

Nóng giận là một trạng thái tâm lý gây hại về cả thể xác lẫn tinh thần, cho mình, cho người, cho cộng đồng, xã hội. Nóng giận

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

chỉ xảy ra khi chúng ta không làm chủ được tâm ý và thiếu vắng tình thương chân thật. Chỉ có tình thương không chân thật, tình thương ích kỷ, mới tạo ra sự nóng giận, ghen tuông, khổ đau, ân hận.

Viết đến đây, tôi nghĩ đến những người không tìm thấy niềm vui từ lòng thương đã tạo ra những hậu quả gây ân hận suốt đời.

Tôi nghĩ đến những người mẹ, người cha, những bảo mẫu đối xử tàn nhẫn với những người con, những cháu bé; những người chủ bóc lột dã man người làm; những thầy cô sĩ nhục, mặt sát, bạo động đối với học trò và ngược lại. Tôi nghĩ đến những người bạn cùng lớp, cùng trường, cùng trang lứa ... đánh nhau, đâm nhau. Và nhiều thứ như vậy đang xảy ra trên đất nước chúng ta, một đất nước vốn đã có một nền văn hóa thuần hòa lâu đời.

Đọc những bản tin đó, chẳng những chúng ta cảm thấy lo ngại cho một xã hội, cảm thương cho những em bé bị hành hạ, bỏ rơi, những người bị hại một cách oan uổng, mà cũng cảm thương cho những người gây ra sự cố. Những người mẹ, người cha, người cô, người thầy không được hưởng hạnh phúc của tình thương, của cảm giác kết nối với những đứa con vật chất hay tinh thần của mình. Những người mẹ, người cha, người cô, người thầy phải giày xéo lên thiên chức làm mẹ, làm cha, làm cô, làm thầy, chà đạp lên nhu cầu thương yêu, chăm sóc "những đứa con" và hãnh diện với "những đứa con." Những học sinh, những người tuổi trẻ không được hưởng hạnh phúc của đời sống thanh bình với những ước mơ hồn nhiên trong sáng...

Và rõ ràng một người nhận chìm tình thương là một người không có hạnh phúc. Người đó chưa thật sự thỏa mãn với chính mình, chưa nhận biết về chính mình, chưa có dịp lắng nghe con tim của mình. Con tim của người

đó chưa có dịp cảm nhận sự kết nối, giữa mình với người, với vạn vật, đất trời.

Nhận chìm tình thương cũng có nghĩa là bỏ quên chính mình, bỏ quên hơi thở của chính mình, vì tình thương gắn bó với từng hơi thở ra vào.

Và những đứa bé, những người tuổi trẻ bị ngược đãi kia, với vết thương trong lòng, sẽ trở



thành những người lớn như thế nào?

Chúng ta không tin rằng có một người hay một chúng sanh nào không có một chút tình thương, vì tình thương là một cái gì căn bản nhất của mọi loài để sống còn và phát triển.

Nếu nhìn sâu, chúng ta sẽ thấy rằng những hình thái tiêu cực của tâm chẳng qua chỉ là những chứng bệnh. Những người tạo nên những sự việc tiêu cực đó là những người hành động không theo ý chí tự do của họ, mà bị thúc đẩy bởi những cơn bộc phát của những căn bệnh bên trong. Đó là những con người đáng thương. Và càng đáng thương hơn khi chúng ta

biết rằng những chứng bệnh này phần lớn đến từ những hoàn cảnh bên ngoài. Những khủng hoảng gia đình, cộng đồng, xã hội, những khủng hoảng văn hóa, kinh tế, chính trị... của thế giới nói chung và đất nước nói riêng ảnh hưởng lên mỗi cá nhân.

Dù mọi người đều có lòng thương nền tảng, những áp lực nặng nề của cuộc sống đã làm cho con người nhận chìm lòng thương và lạc lõng với chính mình cũng như với xã hội. Bên cạnh những áp lực của cuộc mưu sinh, con người còn bị những áp lực do sự cố chấp u mê, niềm tin tín điều, sự ganh ghét, tính chất bầy đàn... tạo ảnh hưởng lên cá nhân, gia đình, xã hội.

Những cái vô tay khi một người bị tuyên án tử hình là hình ảnh nói lên sự nông nổi của suy nghĩ và xúc cảm, của tính bầy đàn "ném đá" thời trung cổ. Hình ảnh đó gợi lên những giàn hỏa thiêu treo cổ ở Mỹ cách đây không quá ba trăm năm với những đám đông cuồng nhiệt reo hò...

Sự cố chấp u mê của niềm tin tín điều, tính chất bầy đàn... đã tạo ra những bất công, khổ khổ ở những nước Tây phương cho đến thế kỷ thứ 19, nay họ đang ra khỏi thì đường như chúng ta lại có phần buông thả để bị kéo

vào. Tình trạng này nói lên sự xuống dốc của chất lượng sống, sự giảm sút hạnh phúc và thỏa mãn trong đời sống của chúng ta. Và có lẽ chúng ta cũng nên đặt lại vấn đề đã cũ là sự cân bằng giữa sản lượng và hạnh phúc trong đường hướng phát triển quốc gia.

Trước tình trạng tiêu cực đó, chúng ta cần một nền đạo đức, một thái độ sống sinh động và tự tại. Sinh động để có thể tiếp xúc với thực tại khổ trong mọi hoàn cảnh khác nhau và với những đổi thay không ngừng; tự tại để có thể không bị đánh bật ra khỏi trung tâm của sự sống.

Từ và Bi của đạo Phật có thể đáp ứng được hai yêu cầu đó. Từ Bi là tình thương được đặt trên nền tảng tương kính. Tương kính ở

đây lại được đặt trên một nền tảng sâu hơn, đó là sự bình đẳng căn bản về giá trị và khả năng tiến đến chân thiện mỹ, về sự kết nối và dung chứa lẫn nhau giữa mọi người, mọi loài.

Môi trường sống lý tưởng của đạo Phật là một môi trường tình thương và hiểu biết, môi trường hài hòa của tình và lý, trong đó cá nhân và tập thể hỗ trợ xây dựng cho nhau.

Từ Bi trong đạo Phật có tính cách đa chiều. Từ Bi không phải chỉ hướng đến tha nhân. Nó còn kêu gọi và tạo điều kiện để mọi người sống tử bi, tìm lại ý nghĩa chân thật đời sống của mình và của người, khám phá và phát huy giá trị đích thực của mình và của người.

Làm sáng đạo Phật là làm sáng con người, là phục hồi giá trị làm người, giá trị vốn có của mỗi người. Đó cũng là phục hồi lòng tự tin của mỗi người nơi chính mình. Khi có lòng tự tin chân chính và đích thực, lòng tin không dựa trên những điều kiện tạm bợ bên ngoài mà từ những giá trị vốn có bên trong, khi xác định được ý nghĩa hiện hữu của mình trên thế gian này, con người sẽ không bị chi phối bởi những áp lực phi lý đến từ bên ngoài. Đó là con đường hạnh phúc chân thật, con đường đem đến hạnh phúc chân thật, không đem đến ân hận, khổ đau.

Và đó cũng là lý tưởng kinh Pháp Hoa.

Với Pháp Hoa, mỗi cá nhân là một nền tảng, cùng có tiềm năng và trách nhiệm ngang nhau.

Thế giới của kinh Pháp Hoa là thế giới được thiết lập ngay trong thế gian này và đức Phật cũng đã ân cần kêu gọi mỗi người chúng ta, những người sống ngay trong thế giới này, tiếp tay với ngài xây dựng thế giới đó. Đó là thế giới của những người tin rằng mình và mỗi người đều là những vị Phật đang thành và có trách nhiệm làm cho người khác tin rằng họ cũng là những vị Phật đang thành. Tin rằng mọi người, mọi loài đều có sẵn viên ngọc quý nơi mình, viên ngọc Tình thương và Trí tuệ.

Với kinh Pháp hoa, tự trọng và tương kính là những đức hạnh

đặc biệt cao cả. Các vị Bồ tát sẽ chứng quả Phật sau khi cúng dường vô số chư Phật. Cúng dường vô số chư Phật cũng có nghĩa là cúng dường Tánh Phật vốn có nơi tất cả chúng sanh, cung kính đối với tất cả chúng sanh.

Mỗi người đều liên hệ nhưng mỗi người là một cá thể. Chẳng những con cái kính trọng cha mẹ, học trò kính trọng thầy cô, mà cha mẹ, thầy cô cũng cần có lòng tôn trọng sự hiện hữu, tôn trọng nhân cách của con cái, của học sinh. Khi có sự tương kính thì mỗi liên hệ sẽ trở nên đẹp đẽ, thẳng hoa.

Ngoài ra, người Phật tử cũng cần nhận rõ tính chất vô thường và tương đối của mọi sự. Con cái rồi sẽ trở thành cha mẹ, học sinh rồi cũng sẽ thành những bậc phụ huynh, những thầy cô. Hiểu tính chất vô thường và tương đối của đời sống sẽ làm cho con người bớt căng thẳng, chấp trước. Khi nhìn thấy được tính chất vô thường và tương đối của những biểu hiện, con người sẽ thấy đúng hơn giá trị chân thật của mình, của người.

Do đó, người Phật tử không thể không có một thời gian ngắn quán niệm về tình thương mỗi ngày. Trong các buổi lễ Phật giáo cũng cần có thời gian quán niệm về tình thương. Và tôi nghĩ các trường học, các đoàn thể thanh thiếu niên cũng nên tạo điều kiện cho các em có những sinh hoạt, những phút giây hướng tâm về sự kết nối trong gia đình, xã hội, về những khó khăn của người khác và bày tỏ tình thương. Chỉ cần mỗi tuần một vài lần 5 đến 10 phút, tôi nghĩ xã hội sẽ đổi thay nhiều trong tương lai gần.

Và cản trở chính trong việc làm sống dậy tình thương là không biết lắng nghe chính mình. Không biết lắng nghe chính mình, con người sẽ không có nhãn để nhìn thấy và lắng nghe người khác. Nhãn trong đạo Phật không có ý nghĩa "chịu khó" mà là "dừng lại và mở lòng" để thấy và nghe. Khi đó, chúng ta sẽ thấy rằng tất cả mọi người đều như nhau, đều có tiềm năng tiến đến chân thiện mỹ như nhau và

đều có nhu cầu hạnh phúc như nhau.

Nhưng tình thương còn nằm trong suy nghĩ thì vẫn chưa đủ. Tất cả mọi tôn giáo trên thế giới đều đề cập đến tình thương, đều kêu gọi tình thương, lấy tình thương làm nền tảng. Nhưng rồi những biến cố được gọi là thánh chiến đã xảy ra lấy đi sinh mạng và hạnh phúc của hàng triệu người, những quốc gia nhân danh công lý đã tạo ra những cuộc chiến tranh đẫm máu trên những đất nước của những dân tộc khác, những nền văn hóa khác... (lược bớt một đoạn - CP). Do đó, tình thương dù là chân lý, là thứ có sẵn nơi mọi người, nó cũng cần được khơi dậy và trau giồi bằng sự xúc chạm với đời sống, được vuốt ve nuôi dưỡng bởi đời sống.

Cuộc đời đầy bất trắc, và mọi người đều cùng ở chung trên một con tàu bất trắc đó. Chúng ta thấy xảy ra nhan nhản những sự việc không ngờ, vô số những phút giây không tự chủ. Hãy giúp nhau xây dựng một xã hội tinh tảo và hạnh phúc bằng cách giúp nhau quán niệm về vô thường và thực hành tình thương.

Thị Giới



HƯƠNG NGƯỜI ƯƠM ĐỨC HẠNH NGƯỢC GIÓ BAY MUÔN PHƯƠNG

Tịnh Minh soạn dịch theo Pháp Thoại Pháp Cú

Tương truyền rằng một đêm nọ, trong lúc hành thiền, nhứt tâm đại định, Trưởng lão A-nan lại nảy ra ý nghĩ như sau: “Thế Tôn có ba loại hương siêu việt, gọi là đàn hương, căn hương và hoa hương. Tuy nhiên, loại hương nào cũng bay theo chiều gió. Vậy thì có loại hương nào bay ngược chiều gió, hoặc có loại hương nào vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió?”

Sau đó một ý nghĩ khác cũng chợt đến với Trưởng lão:

“Một mình ta ra sức giải đáp vấn đề này thì phỏng có ích gì! Ta sẽ tham vấn Đức Bổn Sư, và chỉ có Ngài mới đủ trí tuệ diễn giải nghĩa lý.”

Trưởng lão đến gặp Bổn Sư, trình trọng thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, theo con biết thì có ba loại danh hương: đàn hương, căn hương và hoa hương, nhưng loại hương nào cũng bay theo chiều gió. Vậy thì, bạch Thế Tôn, có loại hương nào vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió?

- Này A-nan, Thế Tôn đáp, thường thì loại hương nào cũng bay theo chiều gió, nhưng có một loại hương đặc biệt, loại hương thù thắng, vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió.

- Nhưng... bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn giải thích thêm loại hương nào vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió.

- Này A-nan, hãy lắng nghe: Nếu ở bất cứ thôn làng hay thị tứ nào trên cõi đời này mà có người, bất luận nam nữ già trẻ, chí tâm quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng; suốt đời giữ vững năm giới, tức là không sát sanh hại mạng, không cướp đoạt trộm cắp, không gian dối tà hạnh, không bịp bợm dối trá, không rượu chè nghiện ngập; người như thế nhứt định sẽ có được hương vị siêu việt, vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió.



Thế Tôn tiếp: - Này A-nan,
*Nếu ai nuôi dưỡng đức hạnh,
Thuận theo nếp sống chân thành,
Quyết tâm xả ly tham dục,
Đoạn tuyệt thành kiến, ghét ganh.
Nếu ai khoan dung, khoáng đạt,
Vị tha, bố thí, tu thiền,
Thân cận Sa-môn phạm hạnh,
Tụng kinh, bái sám tinh chuyên.
Nếu ai tán dương ân đức,
Chư Phật Bồ Tát mười phương,
Nỗ lực chu toàn hạnh nguyện,
Khuyến người nương tựa Pháp vương.*

- Này A-nan, nếu tại thôn làng hay thị tứ nào có thiện nam tín nữ thiết tha làm được những việc nêu trên, thì đó chính là hương vị siêu việt, vừa thuận theo gió, vừa bay ngược gió.

Thế Tôn đọc kệ:

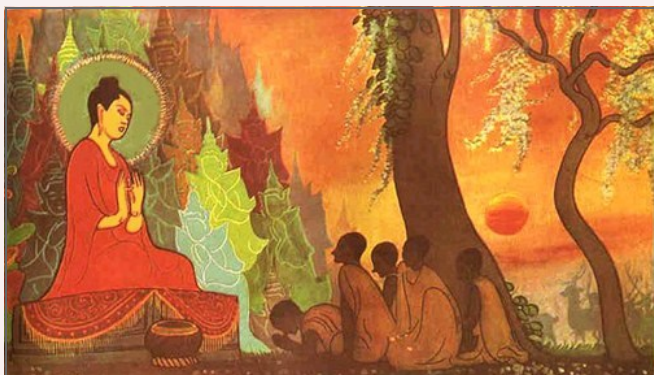
*Hương các loại hoa thơm,
Không thể bay ngược gió,
Hương người đức hạnh đó,
Ngược gió bay muôn phương.
Hương chiên đàn, già la,
Hương sen và vũ quý,
Ngần ấy loại hương vị,
Không sánh bằng giới hương.
(PC. 54, 55)*

Dừng lại trong giây lát, Đức Thế Tôn hỏi:

- A-nan, thầy hết thắc mắc rồi chứ?

- Mô Phật! Bạch Thế Tôn, nghe Thế Tôn diễn giải con càng thấm thía ẩn tượng: “xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới”...

Thế Tôn mỉm cười. A-nan đứng lên đánh lễ Bổn Sư, lui ra với tâm trạng lâng lâng rằng mình có được một Tôn Sư đích thực!



thơ

Giữ lòng ...

Tôi nay trên đường về
Theo 'lối mòn' lê thê
Sống, ăn, làm.. vất vả
Cái giá tâm bỏ đi.
Vì đời là như thế
Làm sao giữa chốn mê
Giữ lòng như giữ mắt
Sáng, trong, đẹp... đường về.

Thương đời

Mười năm tay vun xới
Mộng ban đầu chưa vơi
Đường nhân gian hun hút
Trắng ngàn vẫn chơi vơi.

Nằm yên nhưng đi tới
Trôi mãi giữa ngàn khơi
Qua ngõ nào cũng thế
Vô tận vẫn thương đời.

Lâu rồi

Còn mấy mùa thu nữa sẽ qua?
Đêm qua mưa gió lạnh quan hà
Sáng còn ngưng đọng bao giọt nước
Cây vẫn xanh tươi, chim hát ca.
Lâu rồi trở lại vùng quê cũ
Gió nóng mà nghe lạnh hơi thu
Góc trời riêng ấy buồn man mác
Đất nước bình an giữa sa mù!

HUYỀN VŨ

Hành trình tu tập

Vì an lạc, thoát phàm phu
Từ bi, hỷ xả tiến tu không rời.
Tu sao lợi lạc cho đời
Lợi cho tất cả mọi loài chúng sanh.
Sống vui đạo cả trọn lành
Đường về Cực Lạc quê mình không xa.
Ai còn sống giữa Ta-bà
Hãy mau thức tỉnh lìa xa thói đời
Học buông, học xả kịp thời
Con đường an lạc sáng ngời trong tâm.
Tu tâm chớ có mê lầm
Chân như Phật tánh thường hằng đâu xa.

CHÁNH NĂNG

Ước mơ

Tôi vẫn mơ tự do và được sống
Giữa trời xanh mây trắng, tiếng chim ca
Giữa bao la trong trẻo đến thật thà
Suối róc rách qua ngàn cây nội cỏ!

Thật tuyệt diệu! bàn tay tôi cảm lấy
Trái tim mình nở triệu đóa hồng nhung
Đi khắp nơi, thắp nến sáng bao dung
Bồ Tát Hạnh, tùy duyên sinh khởi...

HOÀI MẶC NIỆM



DHARMA FOR CHILDREN

PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): **Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho**

Illustrations (Minh họa): **Yanfeng Liu**

Biên soạn và chuyển ngữ: **Tâm Minh Ngô Tằng Giao**

5 BUDDHIST STORIES CHUYỆN PHẬT GIÁO

Some of the Buddha's teachings are very deep and difficult to understand. So when the Buddha was alive, he often used stories to help people to understand his teachings. The following stories will help you understand better his teachings in this book.

Một số những lời giảng dạy của Đức Phật thời rất sâu sắc và khó hiểu. Vì thế khi Đức Phật còn sống, ngài thường dùng những câu chuyện để giúp mọi người hiểu được những lời giảng dạy của ngài. Các câu chuyện sau đây sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về những lời giảng dạy của ngài trong tập sách này.



Wild Deer Park NO KILLING

A longtime ago, there was a beautiful forest. Many deer lived there. One day, a king took his men there to hunt.

The king shot an arrow and hit a mother deer. She ran away in pain. Later the king found her hiding in some bushes with her baby deer. Even though she was bleeding and had tears in her eyes, she still fed her baby with milk. She soon died.

The king felt very sorry. He picked up the baby deer and said to it, "I will now care for you." He then broke his bow in two. He said, "I'll never hunt again." To remember that day, he named the forest Wild Deer Park.

Like people, animals also have feelings. We should not kill them for fun or sport. It is unkind and selfish.



Công viên Nai Hoang KHÔNG SÁT SINH

Thời xa xưa, có một khu rừng đẹp đẽ. Nhiều con nai sống ở đó. Một hôm, một ông vua dẫn những người hầu cận của ông đến nơi đó để săn bắn.

Ông vua bắn một mũi tên và trúng một nai mẹ. Nai mẹ chạy đi trong đau đớn. Sau đó, ông vua thấy Nai mẹ trốn trong vài bụi cây với nai con. Mặc dù nai mẹ đang bị chảy máu và chảy nước mắt, nhưng nai mẹ vẫn cho nai con bú sữa. Ngay sau đó nai mẹ chết.

Ông vua cảm thấy rất ân hận. Ông bế nai con lên và nói với nó, "Giờ đây ta sẽ chăm sóc cho con". Rồi ông bẻ cái cung của mình gãy làm hai. Ông nói, "Ta sẽ không bao giờ lại săn bắn nữa." Để ghi nhớ ngày đó, ông đặt tên cho khu rừng là Công Viên Nai Hoang.

Giống như người, các súc vật cũng có những cảm giác. Chúng ta không nên giết chúng vì chơi đùa hay vì vui thú thể thao. Như thế là tàn nhẫn và ích kỷ.

(Oh! No! I've been hit! I must get back to see my baby.

Ồi! Không! Mình bị bắn rồi! Mình phải quay lại để coi con nhỏ.)

(How could I have been so cruel?

Sao ta lại có thể tàn ác đến thế này?)

(I'll look after you forever.

Ta sẽ chăm sóc cho con mãi mãi.)

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC



khí ông bố đang nhổ vài củ cà rốt lên, cậu con trai nhỏ của ông đứng bên cạnh ông. Bỗng nhiên, cậu con trai của ông nói thầm, "Bố ơi, có ai đang nhìn chúng mình." Ông bố chợt sợ hãi. Ông vội vã nhìn xung quanh nhưng ông không thấy một ai.

"Ở đâu? Ai vậy?" ông hỏi. Người con chỉ lên bầu trời, "Ở đó, bố ơi."

Đó là mặt trăng. Mặt trăng đang nhìn chúng mình."

Ông bố sững sốt vì lời con mình nói. Ông nghĩ rằng không ai có thể nhìn thấy những gì ông đang làm vào ban đêm. Những lời nói của con trai ông làm ông cảm thấy hổ thẹn. Ông ném những củ cà rốt xuống và nắm tay con mình. Họ cùng đi trở về nhà trong ánh trăng. Sau đó ông không bao giờ lại trộm cắp thứ gì nữa.

Nếu chúng ta trộm cắp, người ta sẽ hay biết.

(to be continued...)

The Moon is looking at You NO STEALING

Once there was a very poor family. They often went to their neighbour's garden to steal some vegetables. One night, the father took along his little son into their neighbour's garden to steal some carrots. While the father was pulling out some carrots, his little boy stood beside him. Suddenly, his son whispered, "Daddy, someone is looking at us." The father became afraid. He quickly looked around but he could not see anyone. "Where? Who?" he asked. The son pointed at the sky, "There, Daddy. It's the moon.

The moon is looking at us."

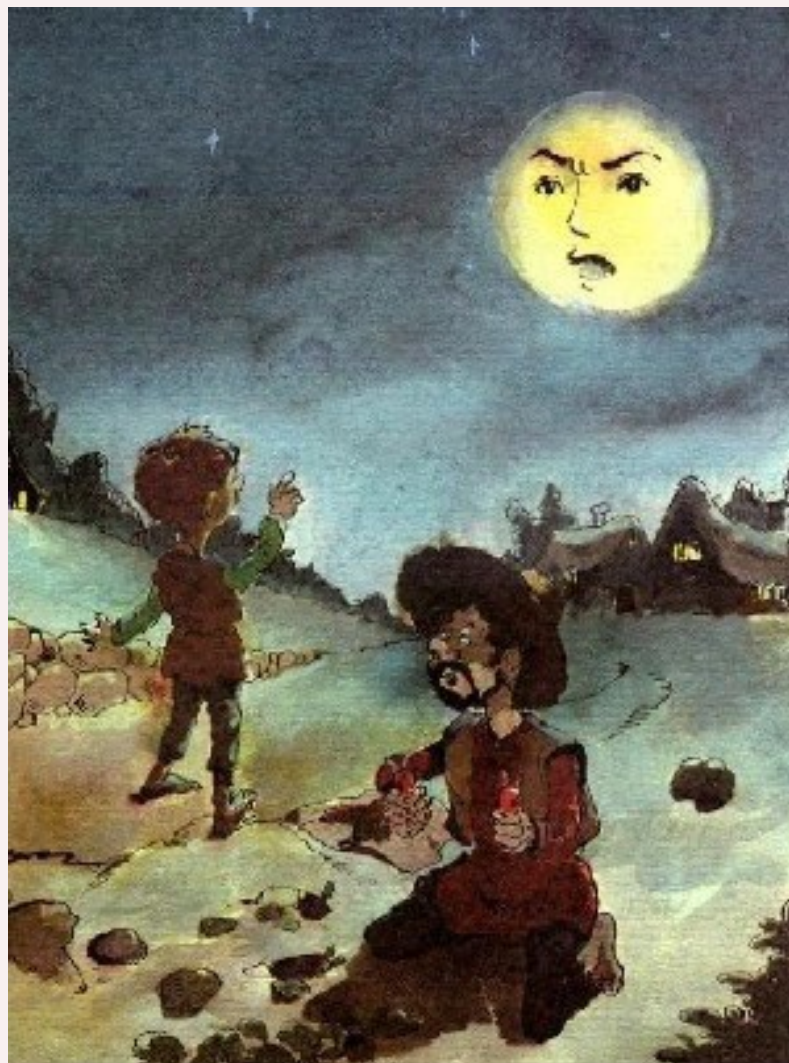
The father was shocked by what his son said. He thought that nobody could see what he was doing at night. His son's words made him feel ashamed. He threw the carrots down and took his son by the hand. They both walked back home in the moonlight.

After that he never stole anything again.

If we steal, people will know.

Mặt trăng đang nhìn em KHÔNG ĐƯỢC TRỘM CẮP

Ngày xưa có một gia đình rất nghèo. Họ thường đi đến vườn nhà hàng xóm để trộm một ít rau quả. Một buổi tối, ông bố dắt theo cậu con trai nhỏ vào vườn nhà hàng xóm để ăn trộm một ít cà rốt. Trong



THỨC ĂN CHAY: ĐẬU NÀNH

TS. Mai Thanh Truyết

Đậu nành là một nguồn lương thực có nhiều chất đạm (protein) có thể so sánh với nhiều nguồn lương thực khác như thịt, cá v.v... Đậu nành nghiêm nhiên đã trở thành nguồn cung cấp protein cho những người ăn chay (không ăn thịt cá). Thêm nữa, đậu nành cũng là một nguyên liệu để chế biến nhiều thức ăn và thức uống như tàu hũ (tofu) cùng những chuyển hóa thực phẩm từ tàu hũ, dầu đậu nành, nước chấm, bơ đậu nành, và sữa đậu nành...

Mức sản xuất đậu nành trên thế giới theo thống kê năm 2007 do United Soybean Board là 220 triệu tấn, trong đó Hoa Kỳ đứng đầu với 70,4 triệu tấn và Ba Tây thứ nhì với 61,0 triệu tấn, Argentina với 47,0 và Trung Cộng với 14,3 triệu tấn.

Lịch sử tàu hũ

Lịch sử của tàu hũ, một sản phẩm đầu tiên của đậu nành phát xuất từ thời cổ Trung Hoa, thời nhà Hán vào năm 164 trước công nguyên, qua hình ảnh các bức tranh trên tường chung quanh mộ thời Đông Hán. Tuy nhiên một số nhà khoa học cho rằng tàu hũ thời này chỉ là một loại tàu hũ thô sơ (rudimentary), không có độ cứng (firmness) và vị không giống tàu hũ bây giờ (người viết cũng không hiểu bằng cách nào các nhà khoa học trên có thể kết luận như vậy?).

Một giả thuyết cho rằng tàu hũ chỉ là một khám phá tình cờ trong khi nấu sôi bột đậu nành với muối biển chưa tẩy sạch (có magnesium và calcium), và khi để nguội lại, chúng kết thành như một loại chất kết dính (gel)...giống như tàu hũ. Căn nguyên sau này có vẻ đứng vững hơn vì từ lâu lắm, con người dùng đậu nành dưới dạng sữa nấu chín và chuẩn bị cho buổi ăn tối như ăn súp vậy.

Một lý thuyết thứ ba là người Hán học được cách làm đông đặc

sữa đậu nành từ kỹ thuật của người Mông Cổ và Đông Ấn, do đó có tên được âm ra là "tofu", còn tên Mông Cổ để chỉ tàu hũ được người Hán âm là "rufu" hay "doufu".

Dù tàu hũ đến từ thời nào, nguồn nào đi nữa, một điều chắc chắn là ngày hôm nay, tàu hũ đã và đang góp phần quan trọng cho bữa ăn của con người trên khắp thế giới.

Các sản phẩm từ đậu nành

Tàu hũ (Đậu hũ): Ngoài tên Tofu còn có thể gọi là soybean curd, vì đây là một sản phẩm làm từ sữa đậu nành nóng có thêm vào hóa chất làm đông lại giống như một loại fromage mềm (soft cheese-like). Tàu hũ rất giàu chất đạm, chứa nhiều loại sinh tố B và ít sodium. Tàu hũ cứng (firm) là một dạng giàu chất đạm nhứt và chứa nhiều calcium. Tàu hũ mềm (soft) là một nguyên liệu dùng để chế biến đủ loại thức ăn từ tàu hũ. Cream

đậu nành, sauce đậu nành dùng để làm nhiều loại dầu trộn trong món xà lách.

Hạt đậu nành: Hạt đậu nành tươi là một thức ăn chơi (snack) vì có nhiều protein, và sợi (fiber), không tạo ra cholesterol.

Lecithin: Được ly trích từ dầu đậu nành được dùng nhiều trong kỹ nghệ thực phẩm. Đây là một chất chống oxid hóa (anti-oxidant). Lecithin bột có thể tìm thấy ở các tiệm bán thực phẩm thiên nhiên (natural food).

Thịt thay thế (meat substitute): Đây là các loại sản phẩm gồm protein đậu nành hay tàu hũ trộn lẫn với một số gia vị khác để tạo ra hương vị "thịt" được bày bán dưới dạng đông lạnh, trong hộp, hay sản phẩm khô. Các loại thịt thay thế này rất giàu nguồn protein, chứa nhiều chất sắt (iron) và nhiều loại sinh tố B.

Miso: Đây là một loại súp đặc biệt của người Nhật, do sự trộn lẫn giữa đậu nành và gạo. Sau đó cho lên men trong các thùng chứa bằng gỗ cedar từ 1 đến 3 năm. Miso có thể làm súp, dressing, sốt và pâté.

Natto (Nhật), hay **Tahuri** (Phi Luật Tân): Có được qua sự lên men sữa đậu nành. Chính nhờ lên men, các protein phức tạp bị thoái hóa thành những protein cần





thiết cho cơ thể, do đó, cơ thể dễ dàng hấp thụ hơn là đậu nành nguyên chất. Đây là lớp “giống như” sữa phủ trên chén cơm, hay súp miso, hay phủ lên đĩa rau ở các nhà hàng Nhật.

Đậu nành sợi (soy fiber): Đây là phó sản của đậu nành sau khi đã được ly trích sữa. Tuy ít protein hơn sữa đậu nành, nhưng đây cũng là một nguồn protein tốt. Hương vị giống như các sợi dừa khô. Có thể làm súp xích chay.

Sauce đậu nành (soy sauce): Đây là một dung dịch nâu đậm, giống như nước tương do sự lên men. Các hiệu Nhật có bán **Shoyu** là sauce do sự trộn lẫn đậu nành và lúa mì sau khi lên men. **Tamari** do hỗn hợp đậu nành và phó sản sau khi điều chế miso. Và **Teriyaki** sốt có độ đậm đặc cao hơn hai loại trên, và có pha thêm đường, dấm và hương vị khác..

Giá đậu nành (sprouts soy): Do hạt đậu nành nảy mầm. Đây là một nguồn dinh dưỡng tuyệt vời chứa nhiều protein và sinh tố C. Cần ăn sống hay ở nhiệt độ thấp (đừng đun sôi) để giữ lại số protein trong giá.

Tàu hũ ky (tofu skin): Trong khi nấu sôi sữa đậu nành và không đập nắp, một lớp phim mỏng màu vàng đóng ván trên mặt. Đó chính là lớp lipid gồm

khoảng 50-55% protein, 24-26% lipid (chất béo), 12% carbohydrate, 3% tro (ash), và 9% độ ẩm (moisture). Người Tàu gọi là “fù pí” (có lẽ vì vậy mà người Việt âm là tàu hũ ky), và người Nhật gọi là “yuba”. Khi lớp tàu hũ ky dày hơn nữa và chứa nhiều độ ẩm còn được có tên gọi là tàu hũ tre (tofu bamboo), Tàu gọi là “fù zhú”, người Việt gọi “phủ chúc”, và người Nhật gọi “kusatake”.

Định mức dinh dưỡng tàu hũ

Protein: Một nửa “cup” (4 oz hay 118 gr) tàu hũ “cứng” (firm) chứa khoảng 10gr protein. Nhu cầu protein hàng ngày cho đàn ông là 56gr và đàn bà là 46gr. Trong lúc đó, ½ cup sữa chỉ chứa 5,1gr protein, một trứng gà (3 oz) chứa 6gr, và 4 oz thịt bò chứa 26gr. Kết luận, tàu hũ là nguồn cung cấp protein tốt nhất.

Calories: Một nửa cup tàu hũ cung cấp 94 calories. Ngược lại, một lượng tương đương thịt bò cho 331 calo, sữa cho 60 và phó mát cho 320 calo.

Do đó, tùy theo nhu cầu cơ thể về calories hay protein. Muốn có 100 calo, tàu hũ chứa 11gr protein, trong lúc đó, thịt bò chỉ chứa 8,9gr, và phó mát chứa 6,2gr protein mà thôi.

Chất béo và Cholesterol: Một nửa cup tàu hũ “cứng” (firm)

chứa 5gr mỡ, và tàu hũ ít chất béo (low fat) chứa 1,5gr; trong lúc đó, một lượng tương đương thịt bò chứa 15gr chất béo, và một trứng gà chứa 5,5gr. Tàu hũ là nguồn thực phẩm không chứa cholesterol; ngược lại sữa ít chất béo cũng đã chứa 9mg, và lượng tương đương của cá chứa từ 75 đến 100mg, và thịt bò chứa 113mg.

Calcium và sắt: Một nửa cup tàu hũ chứa 227 mg calcium hay 22% amino-acid (RDA) và 1,72mg sắt. Nhu cầu sắt của đàn bà trong RDA là 18mg, và đàn ông là 8mg.

Cách làm tàu hũ

Một nguyên tắc dùng để làm tàu hũ là làm đông đặc sữa đậu nành. Đậu nành hạt được sàng rửa sạch, ngâm trong nước muối có nồng độ ~ 20 gr/lít nước độ 4 giờ nhằm mục đích cho đậu nở ra.

Sau đó, đãi vỏ, rồi đem xay nhuyễn. Bột xay xong, lược lấy phần lỏng (sữa) và đun sôi. Khi đậu sôi nhiều dạo (gọi là bông con), cho thạch cao (MgSO₄ và MgCl₂ có trộn lẫn với vôi (CaCO₃ hay CaSO₄)) cà nhuyễn và cho thêm nước muối vào và khuấy đều. Cuối cùng, đổ tất cả vào các khung hình chữ nhật, để yên trong vòng 45 phút, tàu hũ sẽ đặc lại từng mảng. Cần dăng trên mặt tàu hũ để chắt nước thừa ra....

Xác tàu hũ trên màn lược được dùng làm thức ăn gia súc hay nuôi cá.

Trung bình, 2,5 Kg hạt đậu nành sẽ cho ra 100 miếng tàu hũ có kích thước 2,5x2,5x4 cm. Nếu pha nhiều thạch cao, tàu hũ sẽ chắc, xám xịt. Nếu pha thêm bột gạo, sẽ làm mất “béo” khi ăn; trong trường hợp làm tàu hũ chiên thì miếng tàu hũ sẽ cứng chứ không còn mềm (soft) nữa. Nếu sữa đậu nành được vớt lớp trên mặt để làm tàu hũ ky, miếng tàu hũ thành phẩm theo phương pháp này sẽ còn rất ít chất béo.

Chúc các bạn thành công trong việc sản xuất tàu hũ theo cách trên đây.

Cách bảo quản tàu hũ

Tàu hũ bán ngoài thị trường thường dưới dạng chứa trong nước hay trong gói nylon. Cần phải xem

kỹ thời hạn cho phép dùng (nên nhớ trong siêu thị Việt Nam hay Tàu không có tiêu chí này, nhưng nếu mua ở một siêu thị Nhật thì có). Khi mua về, tàu hũ cần phải được rửa sạch, ngâm trong nước và giữ ở nhiệt độ ~4°C (tương đương 10°F). Ở nhiệt độ này có thể giữ tàu hũ trong vòng 7 ngày. Nếu giữ tàu hũ trong ngăn lạnh frozen, có thể giữ được 5 tháng. Khi lấy ra, xả đá, tàu hũ có màu ngà và xốp, chiên lên ăn rất ngon...



Đậu nành làm giảm nguy cơ ung thư?

Ở các quốc gia Á Châu như Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Hoa, Việt Nam cũng như những người theo Phật giáo thường xem đậu nành nói chung và tàu hũ nói riêng là một thành phần chính trong thực đơn hàng ngày. Thống kê cho thấy mức ung thư vú của phụ nữ ở Nhật chỉ bằng ¼ ở Hoa Kỳ. cũng như ung thư ruột già và nhiếp hộ tuyến cũng thấp hơn ở HK. Một số nhà khoa học đã đồng ý sơ dĩ có sự giảm thiểu này là vì trong đậu nành có hóa chất isoflavones, một nguyên tố có tính chất ngăn chặn sự phát triển của tế bào ung thư, và có tác dụng như là một chất anti-oxidant.

Đặc biệt, TS Taichi Shimazu thuộc Trung tâm Nghiên cứu Ung thư Quốc gia Tokyo đã thực hiện nghiên cứu ung thư phổi trên 36.000 nam giới tuổi từ 45-74 có hút thuốc là và không có hút thuốc. Kết quả là số người hút thuốc lá có tỷ lệ ung thư phổi ít hơn nếu ăn nhiều đậu nành. Một số nghiên cứu khác, cho rằng isoflavones trong đậu nành cũng giúp trị liệu một số bệnh về tim mạch...

Góp ý cho các bạn ăn chay

Qua những gợi ý của ông thầy giáo bạn già của người viết là Huỳnh Chiêu Đăng, một số ý kiến sau đây mong bà con lưu ý:

- Ăn tàu hũ, sữa đậu nành, uống cà phê ở Hoa Kỳ có an toàn hay không? Xin thưa, Có thể có. Cà phê Starbucks dùng sữa TC có chứa melamine (khám phá

ngày 22/9/2008). Tàu hũ làm từ đậu nành và thạch cao. Nếu nguyên liệu là đậu nành bột sản xuất từ TC vì giá rẻ, vì vậy có lợi nhuận cao, bạn đã biết nguy cơ như thế nào rồi. Nếu dùng thạch cao tinh chất dùng cho việc chế biến thực phẩm, mà dùng thạch cao từ nguyên liệu xây dựng (cũng giá rẻ), thì kết quả là vô tình bạn ăn xi măng trong tàu hũ! (EPA cho phép sự hiện diện của Magnesium và Calcium trong nước uống là 500mg/L).

- Các món rau đậu, nấm khô hay đóng hộp sản xuất từ TC có chứa rất nhiều hóa chất bảo quản, trong đó sulfite là chính. Nên xem kỹ nhãn hiệu và nơi phát xuất. Thành phố New York đã cấm bán các loại nấm khô từ VN và TC từ 2008 rồi.

- Những sản phẩm để Made in USA thì nên tin tưởng ~80% mà thôi, vì một số mặt hàng có thể nhập cảng từ Việt Nam, TC, Taiwan qua Hoa Kỳ qua ngõ các đảo ở vùng Caribe, được xem như là lãnh địa Hoa Kỳ. Cũng nên lưu ý các mặt hàng ghi Package in USA, vì đây cũng là hình thức đáng lặn con đen, chỉ là thay đổi nhãn hiệu và đóng gói tại Mỹ mà thôi.

Thay lời kết

Trên đây là một số thông tin về đậu nành và một số chế biến từ đậu nành. Đối với những người xem việc ăn chay như là một công thức riêng cho ăn uống "diet", dùng các sản phẩm có đậu nành như tàu hũ, sữa... để thay thế các thực phẩm thịt, cá, v.v... có thể nói là cơ thể có được quân bình do những thức ăn khác phụ vào các thành phần

thực phẩm biến chế từ đậu nành.

Tuy nhiên, đối với những người ăn chay vì lý do tôn giáo như Phật giáo, công thức ăn uống cần phải được lưu ý hơn để có thể đáp ứng với nhu cầu của cơ thể vì nơi đây cần nhiều chất dinh dưỡng khác nữa. **Người ăn chay theo kiểu này sẽ bị thiếu sinh tố B12 và vôi (calcium) cũng như chất sắt và kẽm, và nhiều chất đạm (protein).** Do đó, cần

ăn thêm nhiều các loại hạt như hạnh nhân (almond), hạt "nut", các loại đậu, cùng các loại rau có màu xanh đậm như dền Mỹ (spinach), cải xanh, bông cải xanh (broccoli), và các loại nấm tươi hay khô.

Xin nhớ không một thức ăn nào có khả năng cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể cả, vì vậy cần phải có một công thức ăn uống tương đối gồm nhiều nguồn thực phẩm khác nhau để có thể cung ứng cho mức tiêu thụ của cơ thể.

Một lời cuối cho những người ăn chay là, ngoài tàu hũ ra, quý vị còn dùng bún, miến, nấm khô như nấm mèo (mộc nhĩ), đông cô, nấm hương, dầu ăn, bột ngọt, mì ăn liền, tương, chao, măng khô, xì dầu...trong việc pha chế món ăn hàng ngày; những nguyên liệu trên hiện tại, đang còn có nguy cơ bị nhiễm độc khi ăn vào, vì do cung cách chế biến, bảo quản của "gian thương" là cho thêm hóa chất độc hại, hóa chất bảo quản, và nhiều loại hóa chất bảo vệ thực vật và tăng trưởng nhằm mục đích làm tăng thêm lợi nhuận đã được bày bán đầy rẫy ở các siêu thị trên khắp các nơi có người Việt.

Xin thưa, các sản phẩm trên có nguồn sản xuất ở Việt Nam, Trung Cộng và ngay cả Đài Loan cùng một số quốc gia đang phát triển khác. (vào xem maithanhtruyet.blogspot.com để có thêm những nguồn thông tin về tình trạng thực phẩm chúng ta đang tiêu thụ).

Mai Thanh Tuyết



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada
Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2
BAN TỔ CHỨC

4273 Solar Way, Fremont CA 94538 * Email: tuhoc2usa@gmail.com

THÔNG BÁO

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật Tử,

Đức Phật và chư Tổ đã từng khuyến thị rằng đời người ngắn ngủi, vô thường lão bệnh đến không hẹn người, sớm còn tối mất khó ai biết trước, đến khi lâm chung thì tài sản vật chất không còn là của mang theo. Duy chỉ có nghiệp lực đuổi theo chúng ta như bóng với hình. Do nghiệp lực làm chánh nhân dẫn dắt chúng ta thọ sanh trong thế giới muôn vàn bất an và khổ lụy này. Để giải thoát khổ đau, không có con đường nào khác hơn là tu học Phật Pháp.

Chính vì lẽ đó, chư tôn đức giáo phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada đã quyết định tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ hàng năm để tạo thẳng duyên tu học cho đồng hương Phật Tử.

Năm nay, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2 sẽ được tổ chức vào các ngày từ **Thứ Năm đến Thứ Hai, ngày 02 đến ngày 06 tháng 8 năm 2012, tại Khách Sạn Santa Clara Marriott, 2700 Mission College Boulevard, Santa Clara, CA 95054; điện thoại: (408) 988-1500**. Khách sạn này có đầy đủ phòng ốc và phương tiện sinh hoạt cần thiết để tham dự viên được an tâm và hoan hỷ tập trung vào việc tu học.

Quý Phật tử nào phát tâm muốn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2 xin lưu tâm một số điểm như sau:

- 1- Gửi Đơn Ghi Danh và Hồi Báo về cho Ban Tổ Chức bằng thư hay email tại địa chỉ như trên letter-head đã ghi, từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 15 tháng 7 năm 2012;
- 2- Để giúp Ban Tổ Chức có đủ tài chánh trang trải chi phí thuê khách sạn trong suốt 4 ngày tham dự Khóa Tu Học, mỗi Phật tử tham dự xin đóng \$300 USD (ba trăm Mỹ Kim), nếu là vợ chồng thì xin đóng \$500 USD (năm trăm Mỹ Kim), và mỗi con em đi theo xin đóng thêm \$150 USD (một trăm năm mươi Mỹ Kim);
- 3- Ban Tổ Chức sẽ đài thọ việc ăn uống trong suốt thời gian Khóa Tu Học;
- 4- Khóa Tu Học cũng có lớp đặc biệt miễn phí dành cho chư Tăng, Ni. Vì vậy chư Tăng, Ni nào muốn tham dự Khóa Tu Học xin gửi Đơn Ghi Danh và Hồi Báo về Ban Tổ Chức từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 15 tháng 7 năm 2012;
- 5- Quý Phật tử ở xa đi bằng máy bay, xin mua vé máy bay về 1 trong 3 phi trường sau đây: Phi Trường San Jose, Phi Trường San Francisco, và Phi Trường Oakland để tiện việc đưa đón;
- 6- Để tiện việc đưa đón cho kịp thời gian sắp xếp phòng khách sạn và tham dự khóa họp đầu tiên thông qua Chương Trình và Nội Quy Khóa Tu Học, xin quý Phật tử mua vé đến 3 phi trường nói trên trước 3 giờ chiều ngày 02 tháng 8 năm 2012;
- 7- Theo tinh thần Giới Luật Phật và Nội Quy của Khóa Tu Học, cũng như để mang lại sự an lạc cho mình và pháp hữu, xin quý Phật tử tham dự đừng mang theo nhiều nữ trang quý giá, chỉ mang theo những giấy tờ tùy thân, vật dụng và thuốc men cần thiết;
- 8- Thời tiết tại vùng San Jose, California, vào những ngày đầu tháng 8 vẫn còn trong mùa hè nắng nóng, quý Phật tử tham dự không cần phải đem theo áo chống lạnh.

Quý Phật tử đã có thiện duyên tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 1 năm 2011 vừa qua, chắc chắn cảm nhận được những lợi lạc vô giá cho con đường tu tập. Mong rằng năm nay quý Phật tử không những không bỏ qua cơ hội quý báu này cho bản thân mà còn giúp Ban Tổ Chức khuyến tấn những người thân và bằng hữu cùng tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2.

Vì lợi lạc tâm linh cho con đường giải thoát và giác ngộ, mong quý Phật tử tinh tấn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2. Cầu nguyện chư Phật thù từ chứng minh và gia bị cho tất cả quý Phật tử bỏ đễ tâm kiên cố và thân tâm thường an lạc.

Nay Thông Báo,

Fremont, ngày 15 tháng 02 năm 2012,

Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2

Trưởng Ban,

Tỳ kheo Thích Đồng Tuyên

XA RỒI SƯ CHỊ

Thích Nữ Giới Định

Gần đến ngày Đại tướng của chị rồi. Những hình ảnh thân thương, những kỷ niệm vui buồn bên mái chùa có Thầy Tổ, chư huynh đệ xúm xít bên nhau trong ngôi chùa Quang Minh ở xứ Quảng Đà lại sống dậy trong em...

Thương làm sao những bữa cơm toàn khoai mì khoai lang, bo bo độn cơm. Chị em cực khổ có nhau, gánh từng thùng nước để tưới những luống rau lang, cọng bí, tưới cà mướp, xà lách... tuy cực khổ nhưng nụ cười luôn nở trên môi, thiếu ăn thiếu mặc trong những năm mới mất nước, chia xẻ cho nhau từng củ khoai lang dây, từng lon đậu phụng non. Nhớ làm sao những đêm đi bắt sâu, mỗi người một cây đèn bả, sau giờ niệm phật, chia nhau đi giữ đậu phụng sợ người ngoài vô nhỏ trộm (nhưng họ chưa trộm mà mấy chị em đã nhỏ nấu ăn trước... ăn vụng thật là ngon - nếu ở chùa mà không có ngủ gục và ăn vụng thì chưa phải hành điếu. Hầu như tất cả mọi nghịch ngợm phá phách đều nằm trong thời gian lý tưởng "HÀNH ĐIẾU" này).

Mái chùa Quang Minh nơi trưởng dưỡng biết bao nhiêu mầm non của đạo pháp, nơi đã đào tạo những vị Phật tương lai, nơi đã cho em thành tựu giới thân huệ mạng, và chị là người có công sức không ít trong sự thành tựu của đàn em nhỏ. Chính ngày thọ giới Sa di, chị là người hối thúc em xin Sư bà và đại chúng, em đã không chịu, chị lại năn nỉ - hồi đó còn nhỏ em chưa cảm nhận được sự quan trọng của giới pháp, thích làm điếu hoai để được ngủ gục và trốn tụng kinh.

Em còn nhớ rõ buổi sáng đang ngồi đếm hương, chị lại gần và nói: "Em à, tối nay phát lộ em xin sư bà và đại chúng đi thọ giới Thức xoa ma na nghe." Em lại không bằng lòng, chị đã giải thích cặn kẽ: "Người tu hành phải cần

cầu giới pháp để trang nghiêm thân tâm, làm thêm thang bước lên đạo giải thoát; tu hành mà không thọ giới thì không đúng pháp mấy người khác phải cần cầu còn em năn nỉ cũng không chịu, coi chừng mang tội nghe chưa." Sợ quá em đã nghe lời chị xin Sư bà và đại chúng được thọ giới Thức xoa để từ đó làm hành trang cho việc thọ Tỷ kheo Ni giới. Niềm vui của chị là thấy các em trưởng thành về thể chất và tu tập, lớp này lớn lên lớp khác kế tiếp, chị thay Sư bà lo dạy dỗ các điếu, sa di, thức xoa, nào hai đường công phu, chữ Hán, bốn bộ Luật Tiểu... chị đã nắm tay từng em chỉ cách viết thế nào là ngang ngay xỏ thẳng, chữ nào là trong trước ngoài sau, chăm chút từng ly từng tý như vậy đó.

Các em lớn lên trách nhiệm của chị nặng nề hơn trong việc dạy dỗ, chị vui lắm khi thấy các em trưởng thành. Sự thành tựu hôm nay của các em không ai trong các "GIỚI" các "HƯƠNG" mà không mang nặng công sức, tâm tình của chị. Chị thật nhiều tài năng, tu giỏi, học tốt, viết chữ đẹp, tụng kinh hay, viết số

bằng chữ nhỏ các thầy Tăng cũng phải khâm phục. Tuy giỏi như vậy nhưng lúc nào cũng khiêm cung, nhún nhường. Đối với Sư bà, chị một lòng cung kính; với các sư chị, chị luôn hòa nhã, hạ mình; vui tươi với các bạn cùng trang lứa, thương yêu hòa giải những việc giận hờn của các chú tiểu không để bận lòng Sư bà và đại chúng; nhưng có lúc chị cũng đã từng cho mấy điếu quỳ hương, ăn đòn khi bài không thuộc, ham chơi ham ngủ, không đi công phu, quậy phá nhau...

Chị ơi! thời gian đã trôi khá dài, ba mươi mấy năm rồi chị hí! Những huynh đệ lần lượt ra đi, Sư cô Giới Bốn, Sư cô Giới Hạnh tuy tuổi chưa cao nhưng cũng đã sớm về cảnh Phật làm cho mái chùa thêm trống vắng. Sư bà đã hai lần đưa tiễn các môn đồ ra đi. Lá vàng còn ở trên cây, lá xanh rụng xuống, ôi thật đau lòng biết bao! Rồi các em lớn lên lại tha phương cầu học, người đi xứ này, kẻ đi trường kia, học lớp này đến lớp khác, nhưng chị vẫn một lòng với Thầy Tổ, tiếp tục làm người lái đò, đào tạo nâng niu những măng non hy vọng sẽ thành những cây tre đứng vững giữa phong ba bão táp của cuộc đời, đem chân lý giúp chúng sanh được an vui, tự thân mình hưởng thọ pháp lạc. Chị rất vui và hãnh diện khi các em thi đậu các trường đại học ngoài đời cũng như trong đạo. Sự thành công của các em là nỗi mừng khó



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

tả của chị, công lao của chị đã được đáp đền một cách xứng đáng.

Rồi lớn lên mỗi người một lý tưởng, mỗi người một suy nghĩ, tự tìm cho mình hướng đi khác nhau. Chị em lại đi ra nước ngoài, kẻ đi trước người theo sau, rất ít gặp nhau, có chăng chỉ qua điện thoại. Chị thường gọi thăm em vì biết con nhỏ này hay bệnh, nghe tiếng chị mình lại khóc vì tủi thân, ở xứ người tình thân lại càng quý hơn nữa.

Em chưa một lần qua chùa Diệu Đế, tiểu bang Florida thành phố Pesacola, nơi chị làm trụ trì và hai sư muội được chị bảo lãnh qua cùng chung lo Phật sự. Hẹn hoài hẹn mãi đến một ngày từ đầu giây điện thoại nghe được hung tin chị lâm trọng bệnh, em vội vã qua thăm. Nhìn chị cười mà nước mắt em chảy. Cơ đau hành hạ nhưng chị cố gắng niệm Phật không một tiếng rên la. Rồi huynh đệ lại có dịp sống gần nhau. Sẵn sóc chị, em đã đem tất cả tài năng nấu nướng của mình cho chị những món bánh lạ, những bữa ăn đơn giản nhưng ngon miệng, lại còn nói pháp thoại cho phật tử nơi trụ xứ. Chị không ngờ sau một thời gian xa cách đứa em dờ nhất nay lại được như vậy. Huynh đệ thường ôn lại những kỷ niệm vui buồn của nhiều ngày nơi đất mẹ, nơi mái chùa nghèo tuy rau dưa tương muối nhưng đạt dào sức sống tâm linh.

Nơi xa xôi Sư bà thường mong chị trở về thay Sư bà gánh vác



Phật sự. Lần đầu tiên về Việt Nam chị đã hứa với Sư bà, huynh đệ qua Mỹ thu xếp cho hai em ở lại rồi về với đại chúng. Chị cũng không biết trong người có bệnh nặng nên vẫn thản nhiên lo mọi Phật sự và lời hứa của chị làm cho mọi người mong chờ. Bệnh chị trở nặng hơn, em lại qua chùa Diệu Đế lần thứ hai để tiễn chị về cố quận. Chị đi nhưng lòng còn nặng trĩu vì bỏ hai em nhỏ ở lại không người nhắc nhở tu hành, sợ hai em chưa đủ bản lãnh để đối nhân xử thế... Lần đi này mọi người đều mang tâm sự là lần gặp cuối cùng nghìn thu vĩnh biệt. Mấy sư muội thì nước mắt lưng tròng, quý phật tử thì giọt ngấn giọt dài. Giờ chia ly ôi sao ngậm ngùi quá... Chị là niềm tin tưởng của mọi người, nhưng ai

đâu ngờ lần về này chị đã vĩnh viễn ra đi không bao giờ trở lại nữa.

Ngày đưa chị ra phi trường Pensacola, nghe tiếng kêu "Chị ơi" sư chị đã quay lại nhìn. Mặc dù đang ngồi trên xe lăn, bóng dáng đó, ánh mắt kia còn hiện hữu trong em mà chị thì đã cách xa nghìn trùng. Chị xả báo thân nhẹ nhàng trong tiếng niệm Phật của đại chúng. Chị đã toại nguyện: phút cuối cùng được nằm yên trong ngôi chùa Quang Minh, đất chùa đã ôm hình hài đứa con yêu dấu.

Sư bà năm nay đã ngoài 90, ba lần đưa tiễn đệ tử ra đi, nhìn sư bà cầm ngọn nến cầu nguyện cho đệ tử siêu sanh miền tịnh cảnh mà đau lòng không ai cầm được nước mắt.

Hồi tưởng về chị thay cho lời sám hối, em đã không làm theo lời chị yêu cầu, một là trở về chùa Đà Nẵng cùng chị chung lo Phật sự, hai là trước khi về Việt Nam chị muốn em qua chùa Diệu Đế thay chị làm trụ trì.

Xin đốt nén tâm hương thành tâm sám hối người chị yêu quý của chúng em. Hình hài không còn nhưng đức hạnh, sự hy sinh của chị là gương sáng cho các em noi theo. Chúc chị đi an lành, ở đất khách quê người, các em của chị rất vững chãi, bình an. Chị cứ yên tâm mà ra đi nghe chị.

Nam mô tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.

Thích Nữ Giới Định



HÌNH ẢNH AN CƯ KIẾT HẠ TẠI CHÙA BÁT NHÃ SANTA ANA, CALIFORNIA, NGÀY 20.6.2012



HÌNH ẢNH AN CƯ KIẾT HẠ TẠI CHÙA BÁT NHÃ SANTA ANA, CALIFORNIA, NGÀY 20.6.2012



Photos: Dzung Nguyễn

CHÙA QUÊ

Thu Nguyệt

Ngôi chùa nhỏ nằm khiêm tốn trong khoảng đất rộng đầy cây trái. Buổi tối, mùi nhang tỏa ra từ chánh điện hòa với mùi thơm trái chín đầu đó trong vườn. Buổi sáng, tiếng chuông mõ công phu bình dị hòa cùng tiếng gà gáy sáng. Chùa Hải Huệ chỉ như một ngôi nhà lớn trong xóm, không mấy cách biệt, do vậy bà con trong ấp Mỹ Hưng Hòa hằng ngày lui tới với chùa rất tự nhiên, thân thiện. Ni sư trụ trì rất hiền lành, chất phác, nhu thuận. Không như ở thành thị, cứ thấy chùa to Phật lớn, quang cảnh đẹp là mọi người kéo nhau tới lễ bái, ít ai quan tâm tới chư tăng ở chùa ấy ra sao. Ở quê, mọi sinh hoạt trong chùa cả xóm đều biết. Chùa nào thầy trụ trì đức độ hiền lành là mọi người theo. Chùa ở quê rất nghèo, không có tiền nhưng đồ ăn thức uống thì dư giả. Mùa nào thức đó: mùa xoài thì chánh điện tràn ngập xoài, mùa nhãn thì vừa đến cổng chùa đã như bước vào vườn nhãn. Nhiều nhất quanh năm là chuối. Những ngày rảnh, Bé thường cùng mẹ lên chùa phụ quý cô ép chuối phơi khô. Chuối khô chất đầy trên mấy cái giồng tre treo trong nhà bếp, lâu lâu có lá buồn, chùa phải gởi đi bán bớt để lấy tiền mua nhang, mua dầu lửa thắp đèn. Người nào lên chùa cũng chỉ dâng cúng cây trái nhà mình. Cô trụ trì cứ nhìn những thứ trên tay họ mà hỏi thăm về vườn tược, thu hoạch, đời sống của họ. Chỉ đơn giản thế thôi nhưng tình nghĩa vô cùng ấm áp. Nhà có việc gì họ cũng kể cô nghe, từ việc mẹ chồng nàng dâu cho đến việc xích mích hàng xóm. Cô sống ở chùa từ nhỏ nên cũng chẳng hiểu biết việc đời nhiều,



nhưng cứ phải sắm vai nhà tư vấn tâm lý giáo dục để khuyên nhủ mọi người. Những lời khuyên cứ khuyên đi rồi khuyên lại, quanh quẩn bao nhiêu đó nhưng cũng tạm an lòng đôi chút. Lại vậy, cũng những lời nói ấy, nhưng nếu người này nói thì ta cho là sáo ngữ, hoặc "biết rồi khổ lắm nói mãi...!" nhưng nếu người khác nói thì ta lại thấy chí lý. Cái đức, cái duyên là vậy.

Chùa quê những năm chiến tranh này không tổ chức lễ bái rình rang, nhưng người quê đi chùa chăm chỉ. Họ cầu an cầu siêu rất thiết tha. Trước tượng Quan Âm lúc nào cũng khời hương thành khẩn. Người quê tin vào Phật, Trời, Thần, Thánh một cách hồn nhiên, họ đâu cần biết Phật nói điều gì, trời như thế nào, thần thánh ra sao, chỉ nghĩ đơn giản rằng "đội ngũ cõi trên" ấy là điểm tựa cuối cùng của họ. Qui y Phật, qui y Tăng là chính, còn đối với giáo pháp cao sâu họ chưa đủ điều kiện tiếp nhận. Tuy vậy, với Phật, với Tăng họ đem hết lòng tin kính, có lẽ nhờ phước báu ấy mà đa số những bậc cao tăng thường được sinh ra ở các vùng quê. Và chùa quê là cái nôi giản đơn, mộc mạc đã nuôi lớn biết

bao ý chí thanh cao thuần khiết.

Mẹ của Bé thường lên chùa làm công quả, dù không biết chữ, nhưng giờ tụng kinh, bà rất thành khẩn lên chánh điện quỳ, đợi tiếng chuông là cúi đầu lạy Phật. Chùa không có tổ chức thuyết pháp, lên chùa chỉ nghe tiếng tụng kinh, mà kinh thì đa số bằng tiếng Phạn, tiếng Hán khó hiểu, vậy mà theo tiếng mõ tiếng chuông, tâm hồn những người dân quê cũng men ven đường Chánh Pháp.

Ngày rằm, mừng một, cả nhà Bé đều đi chùa, phụ cô Sáu nấu nướng, dọn dẹp. Ni sư trụ trì rất mến Bé vì không như những đứa trẻ khác, bao giờ lên chùa chú cũng rất trang nghiêm, không leo trèo, phá phách, nghịch ngợm hay cười đùa lớn tiếng. Trái lại, chú rất siêng năng, thành kính lễ Phật, tụng kinh chăm chỉ. Nhìn dáng chú đứng chắp tay thành kính trước tượng Phật, cô thầm đoán trong đầu: thế nào cậu bé này cũng xuất gia. Cái duyên với Phật lộ rõ: mỗi lần đến chùa là chú cứ loanh quanh dọn dẹp lau chùi, phủi bụi xung quanh bệ Phật. Chú làm rất say sưa tỉ mỉ. Một chút bụi dính trong kẽ móng chân của tượng, chú cũng chồm người nhón chân lên lau thật kỹ. Có lần, cô bắt gặp chú đứng nhìn ngắm rất say sưa tượng đức Di Đà, cô hỏi:

- Con nhìn gì kỹ vậy?
- Chú cười bẽn lẽn:
- Sao con thấy thương ông Phật quá. Con muốn nữa mình cũng thành ông Phật giống ông.
- Cô bật cười:
- Vậy con xin má cho đi tu đi. Tu rồi sẽ thành ông Phật như vậy.
- Chú phụng phịu:
- Bữa hôm con có hỏi rồi, nhưng má hồng cho. Má nói con còn nhỏ, chùa hồng có chứa.
- Chúa chớ - Chợt thấy mình lỡ lời, cô dịu giọng - ờ, con cũng còn nhỏ, thôi đợi lớn lên chút nữa hen.

Cô xoa đầu chú, trong ánh mắt không giấu được một nét vui, kỳ vọng và tin tưởng.

THIỆN DUYÊN

Tâm Không Vĩnh Hữu

Thúy quyết định đi bán máu. Không còn cách nào khác trong lúc đầu sôi lửa bỏng ngặt nghèo này. Hai đứa con chị đang đói, chúng đòi ăn từ rất sớm, vì tối hôm trước cả nhà chị ai cũng phải nhịn ăn cơm, chỉ húp mỗi người hai chén cháo loãng. Bao nhiêu tiền, của để dành, đều đã bay đi để đổi lấy những liều thuốc đặc trị chữa bệnh cho chồng chị. Một căn bệnh tai ác của thời chiến tranh đã hành hạ anh ấy vật vã ngày đêm mỗi khi nó tái phát. Những sự giúp đỡ của bạn bè, hàng xóm tuy là quý báu, nhưng chỉ như mang muối bỏ bể.

Chị phải bán máu thôi. Nhục thật. Nhục là vì mình là một người mang danh Phật tử thuần thành, sớm hôm tinh tấn niệm Phật đọc kinh, mỗi tháng hai lần đến chùa sám hối. Nhục là vì mình là cô giáo, dạy cho học trò những bài học cao quý về nhân đạo, vậy mà đã nhiều lần địa phương cũng như nhà trường phát động phong trào hiến máu nhân đạo, mình cứ giả vờ như không nghe, không biết, không thấy, hoặc viện những lý do đau bệnh ốm yếu hòng chối từ, để bây giờ mang những giọt máu trong châu thân-những giọt máu đào đáng lẽ phải gương mẫu tự nguyện đem hiến để cứu người - đi bán như bán một thứ hàng hoá ngoài chợ đời bất nháo. Thúy cảm thấy nhục lắm. Nhưng đành phải nuốt nghẹn cái nỗi nhục ấy, ém nó vào tận đáy lòng, lấy cái gọi là hoàn cảnh gia

đình che phủ đè nén lên trên, rồi sáng để bụng trống rỗng, uống một ly trà đường, chị nhắm thẳng bệnh viện mà bước đi hấp tấp, gói mình trong chiếc áo mưa cũ kỹ, cúi gằm mặt xuống, mắt lăm la lăm lét chẳng khác gì một kẻ trọng tội đang bị truy nã sợ người quen, sợ hàng xóm nhận diện được vậy! Thôi thì tự vỗ về lấy lương tâm, chị xin khất hẹn, khất hẹn với Tam



Bào, khất hẹn với chình mình và mọi người, hẹn khi nào thoát khỏi cuộc sống chật vật, có được những tháng ngày thanh thản với cơm áo gạo tiền dư dả, từ biệt cơn bĩ cực, hun hút thời thời lai, chị sẽ tự nguyện hiến máu thường kỳ, chứ thề không bán một giọt máu dù mỗi giọt đáng giá nghìn vàng... Còn bây giờ, chị xin chịu thua. Có Trời Phật hiểu cho cái Tâm của chị thôi!

Trời âm u, mưa lất phất mang nặng bao nỗi buồn... Còn cách cổng bệnh viện thành phố chỉ chừng năm thước, Thúy chợt nhìn thấy một người phụ nữ đã đứng tuổi có gương mặt quen quen đang ngồi dựa bức tường rào nhấp nhúa dưới một mái hiên rộng rêu, vừa khóc nức nở vừa dùng khăn lau nước

mắt... Hình ảnh, âm thanh đập vào mắt và tai chị, khiến cho chị đông lòng trắc ẩn, chân muốn đi vượt qua mà trái tim thì mách bảo dừng lại. Thúy chiều ý trái tim bé bỏng của mình, chị e dè ghé lại đứng trước người phụ nữ ấy.

- Sao chị ngồi đây mà khóc?

Người phụ nữ ngược mặt lên nhìn Thúy bằng đôi mắt vô hồn, rồi đôi mắt ấy chợt sáng lên yếu ớt trong khoảnh khắc, cất giọng nghẹn ngào:

- Khổ lắm cô ơi...

- Tôi thấy chị quen quen...

Mình có quen nhau không?

- Cô không biết tôi, nhưng tôi biết cô là cô giáo cũ của thằng Hùng con tôi...

- À. Thì ra là phụ huynh của học trò tôi.

Thú thật, tôi không thể nhớ hết được đâu, chỉ thấy quen quen thôi. Chị gặp chuyện gì mà khóc?

- Thằng Hùng con tôi phải mổ tim, nó mắc chứng bệnh tim nguy hiểm lắm, đưa vào bệnh viện cấp cứu từ hai tuần trước... hao tổn đủ thứ tiền, vậy mà hồi tối bác sĩ còn báo cho biết là cần phải mua máu tươi để truyền thêm cho nó trong nội sáng nay...

Tôi chạy không ra

tiền được nữa... phải chi có cha nó...nhưng cha nó mất lúc nó mới hai tuổi rồi... Nhà nghèo quá, đồ gì bán được đã bán tuốt hết rồi... Phải chi tôi còn trẻ trung, còn khoẻ mạnh, tôi cũng chẳng ngại ngần đem cái thân này bán cho bọn đàn ông mua vui, để lấy tiền mua máu tươi cứu lấy mạng con mình... Tôi đã cho máu của mình rồi, nhưng đâu có đủ... bây giờ chỉ còn biết ngồi lo buồn mà khóc kêu đến trời đến Phật...

Thúy nghe ù ù cả hai tai, nước mắt tuôn rơi lã chã, nắm lấy bàn tay chị phụ nữ bất hạnh, nuốt nghẹn nói:

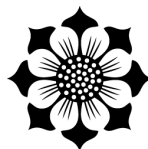
- Em sẽ hiến máu cho cháu...

Chị đi vào bệnh viện với em...

... Gặp lại một phụ huynh

học sinh giữa cảnh ngộ éo le đã là một bất ngờ, Thuý còn bất ngờ hơn khi chị gặp lại một người quen cũ thời sinh viên thơ mộng, đó là bác sĩ Tiên, trong khi làm thủ tục chuẩn bị hiến máu. Đôi bạn ngày xưa tay bắt mặt mừng, trò chuyện thăm hỏi nhau không biết mỗi miệng... Nghe chuyện của Thuý, bác sĩ Tiên lảng lạng về phòng riêng, một lúc sau quay trở trao cho chị một chiếc phong bì sau khi chị đã hiến máu xong, và hẹn ngày gặp lại để hàn huyên cho thoả thích... Máu của chị không cùng nhóm máu với đứa học trò cũ mắc bệnh tim, nhưng chị cũng hiến, hiến để cứu người khác. Ra đến ghế đá ngoài sân bệnh viện, chị mở phong bì ra xem. Mười tờ giấy bạc mang mệnh giá một trăm nghìn đồng. Ôi... thật là thiện duyên, không biết có phải chư Phật, Bồ tát, hay chư Long thần Hộ pháp đã cố tình sắp xếp mọi sự để thử thách mình hay không đây? Chị rưng rưng nước mắt nhìn trời cao xanh thẳm, rồi lảng lẽ tìm người phụ nữ bất kia, chia đôi giá trị bên trong phong bì với một cõi lòng đang tung bừng niềm vui ...

Xong, chị trở về nhà bằng những bước tung tăng như thời còn thiếu nữ cắp sách đến trường. Sau cơn mưa, trời lại sáng...



HUONG SEN BUDDHIST TEMPLE

24615 Fir Ave., Moreno Valley, CA 92553

Email: thichnugioihuong@yahoo.com * www.chuahuongsen.org

PHÁT TÂM CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO & ĐĨA CD NHẠC PHẬT GIÁO

Kính thưa Quý Phật Tử và Đồng Hương xa gần,

Trước hết, chùa Hương Sen xin thành tâm tri ân tấm lòng của các thí chủ hảo tâm đã cúng dường tịnh tài để xuất bản hai tác phẩm: Nếp Sống Thức Tỉnh của Đức Đạt-Lai-Lạt-Ma thứ XIV (2 tập gồm 500 trang) và A-hàm: Mưa Pháp Chuyển Hóa Phiền Não (2 tập gồm 2000 trang). Nay chùa Hương Sen xin gửi sách đến quý Phật tử và hy vọng hai tác phẩm này sẽ giúp quý vị hiểu thêm về tinh thần giải thoát của Đức Phật và Đức Đạt-Lai-Lạt-Ma. Nếu quý Phật tử nào chưa có sách, xin liên lạc, chùa Hương Sen sẽ hoan hỉ gửi tặng theo yêu cầu.

Nhân dịp này, chùa Hương Sen cũng dự định đầu năm 2013 sẽ ra mắt hai tác phẩm mới do Ni Sư Giới Hương sáng tác:

1) Sách: Kinh Kim Cang Tỏa Sáng giữa Bóng Đêm

2) Đĩa CD âm nhạc Phật Giáo: "Gội Nhuận Ôn Tam Bảo"

Kim-Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật là một bộ kinh thâm sâu, áo nghĩa của tạng Đại thừa. Nếu chúng ta thâm nhập hiểu được thì chính ngay đời sống hàng ngày của chúng ta là Phật pháp, là Kim cang, là giải thoát khỏi màn đêm của tham sân si che phủ. Đó là nội dung mà tác phẩm sắp sửa ra mắt sẽ cố gắng hiển cho quý độc giả.

Đĩa CD âm nhạc "Gội Nhuận Ôn Tam Bảo" gồm có: thơ do Ni Sư Giới Hương sáng tác, nhạc sĩ Nam Hưng phổ nhạc và các ca sĩ có tên tuổi hát. Nội dung nói về lòng biết ơn Tam bảo đã sanh ra pháp thân huệ mạng cho giới tăng lữ và hàng Phật tử. Nếu không có Tam bảo thì chúng ta sẽ trôi lăn vào vòng khổ não của sáu cõi, của cuộc đời, biết đến khi nào dừng lại.

Âm nhạc Phật giáo là một phương tiện hoằng pháp hữu hiệu trong thời đại ngày nay. Tiếng nhạc, lời thơ chuyển tải ý đạo, sẽ giúp cho lòng người lắng đọng, nghe lại bản chất tốt bên trong của chúng ta. Những chặng đường đã qua khi chúng ta chưa biết Tam bảo và những chặng đường trong sáng từ khi có Tam bảo dẫn lối.

Đây là tác phẩm CD âm nhạc Phật giáo đầu tiên của tác giả. Tác giả kính mong nhận được sự thương yêu ủng hộ của quý mạnh thường quân xa gần giúp tác giả có đủ điều kiện tài chánh để xuất bản. Dự định chi phí in ấn của hai tác phẩm này khoảng trên \$6000.00 Mỹ kim. Tùy tâm hỷ cúng Ấn Tống Kinh và đĩa CD Âm Nhạc Phật Giáo để hai pháp bảo này được lưu truyền đến mọi nơi và để lòng người tăng thêm tín tâm đến với Tam bảo. Danh sách của các thí chủ cúng dường sẽ in vào cuối quyển sách. Mọi sự hỷ cúng xin ghi trên check:

Huong Sen Buddhist Temple,

24615 Fir Ave.,

Moreno Valley, CA 92553

Memo: Ấn Tống kinh và Đĩa CD Nhạc Phật giáo

Với tấm lòng hảo tâm trợ giúp ít nhiều tịnh tài của quý Phật tử, chùa Hương Sen sẽ có đủ điều kiện để sớm ra mắt hai tác phẩm vào đầu năm 2013 này.

Thành tâm tri ân tấm lòng hộ pháp của quý Phật tử và đồng hương xa gần rất nhiều.

Kính chúc tất cả quý Phật tử luôn an lạc trong chánh pháp.

Nam Mô Tùy Hỷ Công Đức Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Moreno Valley, ngày 10/06/2012

Trụ Trì Thích Nữ Giới Hương

LÒNG THƯƠNG YÊU SỰ SỐNG

Người dịch: **H. T. THÍCH TRÍ CHƠN**

Nguyên tác: THE LOVE of LIFE by **G. B. TALOVICH**

Bị Đọa Làm Chó

Phong King là một ngôi làng rất đẹp. Phần đông dân chúng sống ở đó là những nông dân chất phát. Họ rất thật thà và chăm chỉ làm việc. Mọi người đều ăn ở hòa thuận với nhau nên cuộc sống của họ rất hạnh phúc.

Trong làng có một gã hèn mọn xấu xa, tên Trần. Ông ta làm chủ một cửa tiệm nhỏ, việc làm ăn buôn bán khá phát đạt, nhờ vậy lần hồi ông dành dụm được một số tiền nhỏ.

Trần thích uống rượu và ăn thịt chó. Khi rảnh rỗi, ông mua rượu và nấu thịt chó để tổ chức ăn nhậu.

Ông thường nói với mọi người: “Thịt chó có mùi vị thơm tho và ăn thật hết xẩy. Không có gì ăn khoái khẩu bằng thịt chó nấu đúng điệu và nhậu nó với rượu thật ngon!” Ông Trần thích mời bạn bè đến dự tiệc, và trong nhiều năm, ông đã giết một số thịt chó.

Năm 1756 ông Trần bị ốm. Ngày nọ, ông ngất xỉu, phải lên giường nằm, nhưng các bác sĩ không biết ông đau bệnh gì.

Vợ ông hết lòng ở bên cạnh chăm sóc, nhất là sau khi ông bị liên tục té xỉu ngất đi. Vào một đêm khuya, ông Trần quay tròn và nhào lộn, nhưng bà vợ không thể giúp ông được gì. Rồi bà nghe ông nói làm nhảm. Bà ghé sát tai vào và hoảng kinh khi nghe ông nói:

“Kìa, con chó đen khác đến!

“Con chó vá tới cắn tôi!

“Hai, ba, bốn và nhiều con chó khác nữa đếm không hết, xin bà con đến lôi giúp mấy con chó ra và xua đuổi chúng đi giùm cho!”

Rồi ông Trần la hét lớn tiếng khiến mọi người trong nhà thức giấc. “Hãy giúp tôi! Hãy giúp tôi! Ai đó, hãy đến cứu tôi với!” Mọi người đều nghe tiếng ông, nhưng không ai thấy con chó nào hết. Tất cả đều chứng kiến cảnh ông Trần quay tròn và nhào lộn trên giường với cặp mắt ông nhìn thật dữ tợn.

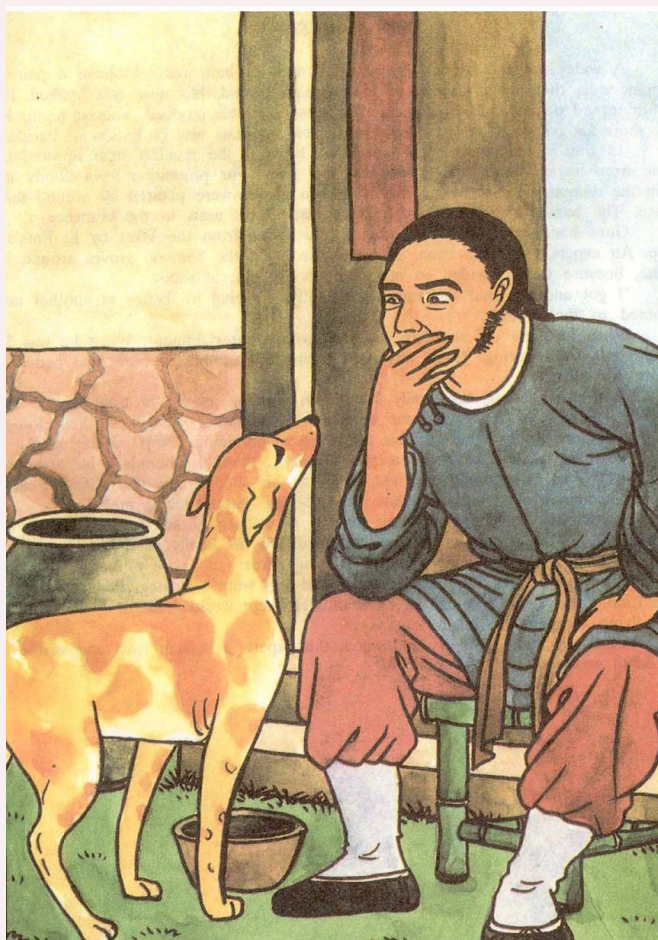
Các thân nhân của ông đều lắc đầu buồn rầu nói: “Chắc ông ta điên rồi!”

Ngay trước khi chết, ông Trần bò quanh dưới giường. Ông khom lưng đi bằng hai tay với hai đầu gối, gặm gù và sủa như chó cho đến lúc ông qua đời.

Con người vào lúc sắp lâm chung nhắm mắt thường có các tướng trạng hiện ra báo trước cho biết họ sẽ tái sinh vào cảnh giới nào sau khi mất. Người chết một cách an lành, sẽ sinh lên cõi Trời hưởng nhiều phúc lạc. Kẻ nào bị đọa vào địa ngục cũng có thể biết trước. Sự khổ đau bắt đầu hiện ra trước khi

họ lìa đời và họ chết một cách đau đớn.

Ông Trần chắc sẽ bị đầu thai kiếp sau làm thân con chó. Và nhìn gương ông bị quả báo nhãn tiền, một số người đã sợ hãi không dám ăn thịt chó nữa.

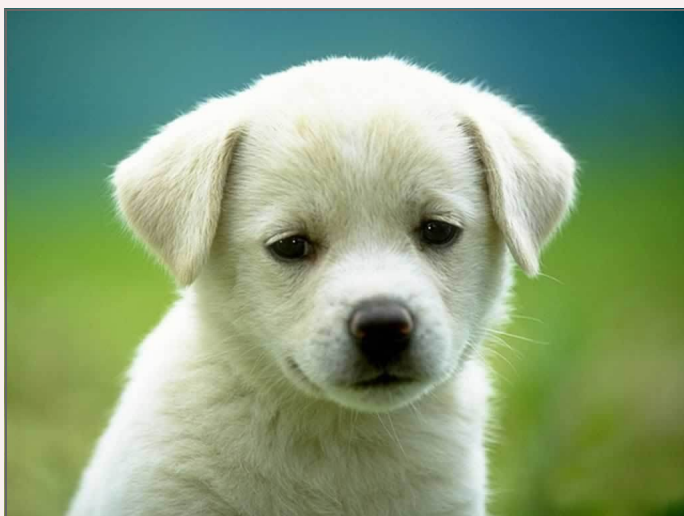


Going To The Dogs

Fengching was a nice little village. Most of the people living there were simple farmers. They were honest and hard-working. Everybody got along well with everybody else, and things went well with them.

There was one mean guy in the village, called Shen. He had a little store, and business was pretty good, so gradually he had saved a small amount of money.

Shen loved liquor, and he loved dog meat. When there was leisure he buy some liquor and cook



up a dog and enjoy a little feast.

He told people, "Dog meat smells nice and tastes spicy! What could be better than dog meat cooked just right and washed down with fine liquor!" He would invite his friends to his feasts, so over a period of years, he had butchered quite a few dogs.

In 1756, Shen was feeling weak. One day he keeled over and was put to bed, but even the doctors couldn't figure out what was wrong with him.

His wife stayed faithfully by his bedside, especially after he was fainting. Late on night, Shen was tossing and turning, but his wife couldn't do anything for him. Then she heard him saying something. She leant over to listen, and her blood ran cold as she heard him say, "Another black dog!

"There's a spotted dog attacking me!

"Dog, two, three, four of them, I can't count them all, keep them away from me, please, somebody, keep them away from me!"

By now he was shouting loudly enough to wake the entire household. "Help! Help! Somebody come save me!" Everybody could hear him, but nobody could see a single dog. All they saw was Shen tossing and turning on his bed, with a terrible look in his eyes.

"He must be out of his mind," his relatives said sadly, shaking their heads.

Just before he died, Shen crawled under the bed. He got down on all fours and growled and barked like a dog until he died.

Usually, before a person dies, there will be some indication of where he is going after death. People going to heaven die peacefully, and happily. People going to hell know it. Their suffering begins before they die, and they die miserably.

Shen must have been on his way to a new life as a dog. And the chances are that he ended up in somebody the eating of dog meat.

CHƯƠNG TRÌNH TU HỌC ĐẠO TRÀNG THIÊU QUANG – SANTA ANA CALI

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Ngưỡng Bạch chư Tôn Đức Tăng Ni
Kính thưa Quý hành giả, Quý Vị Phật Tử,

*Phước duyên sinh hoạt Đạo Tràng
Học tu theo Ánh Đạo Vàng Như Lai
Sớm chiều tinh tiến miệt mài
Đìu nhau vượt thoát ra ngoài tử sanh*

Vì có nhân duyên học tập, sinh hoạt, thường trú lâu dài tại Cali, nay Minh Tuệ tổ chức sinh hoạt thường xuyên tại Đạo Tràng Thiêu Quang, hoan hỷ cung nghinh Chư Tôn Đức quang lâm chứng minh, sách tấn và những hành giả Phật tử hữu duyên cùng tham gia tu học theo các chương trình sau:

Công Phu Sáng : 6:00 am Sáng mỗi ngày.

Công Phu Chiều : 7:00pm tối từ thứ 2 đến thứ 6.

Khóa Sám Hối : 7:00pm đêm 14 và đêm 30 (đêm 29 nếu là tháng thiếu) mỗi tháng.

Tụng Giới Luật : 7:30 am sáng Rằm và mồng 1 mỗi tháng.

Hành Trì Pháp Hoa : 4:30 pm chiều thứ 7.

Khóa Lễ Chủ Nhật : bắt đầu lúc 11:00 am sáng Chủ Nhật.

Bát Quan Trai và Phật Thất : mỗi tháng 1 lần, có lịch riêng thông báo tại Đạo Tràng.

Thuyết Giảng : Sau mỗi thời công phu tụng niệm đều có phần chia sẻ Phật Pháp và kinh nghiệm hành trì, đặc biệt :

+ Phật Pháp Căn Bản : bắt đầu lúc 7:45pm đêm thứ 6

+ Toát Yếu Ý Nghĩa Kinh Pháp Hoa: bắt đầu lúc 5:30pm chiều thứ 7

+ Phật Pháp Chuyên Đề : 12:00pm trưa Chủ Nhật

Ghi danh và sắp xếp các lớp Việt Ngữ cho trẻ em Việt sinh tại Mỹ và người nước ngoài, Lớp Anh Ngữ : cho nhu cầu việc làm, thi quốc tịch, dạy kèm giúp đỡ cho học sinh, sinh viên.

Địa chỉ sinh hoạt và liên hệ :

2426 Bern Ln., Santa Ana, CA 92706,

Cell : 408 724 7936

Email : thichdongtri@yahoo.com

Kính chúc Quý Vị thăng hoa trong cuộc sống và tu tập, an lạc, hạnh phúc, giải thoát trong hào quang mười phương chư Phật.

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Nay Kính,

Tỳ Kheo Thích Minh Tuệ